

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỬA CƠ SỞ

CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT

**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THUỘC KHU
KINH TẾ ĐÌNH VŨ - CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THUỘC KHU
KINH TẾ ĐÌNH VŨ - CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Đ/D CHỦ CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Dương Hải

Hải Phòng, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	4
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip	6
1.2. Tên cơ sở.....	6
1.2.1. Địa điểm cơ sở	6
1.2.2. Thâm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có).....	9
1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).....	11
1.2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)	11
1.2.5. Phạm vi đề xuất cấp GPMT	12
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	12
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	12
1.3.2. Công nghệ vận hành.....	13
1.3.3. Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở.....	18
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	18
1.4.1. Nguyên, nhiên liệu sản xuất.....	18
1.4.2. Lao động, điện năng, nước sạch	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: Không	21
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	22
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	22
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	24
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	25
3.1.3. Nước thải từ tàu (nước dẫn tàu và nước thải từ tàu).....	30
3.2. Công trình, biện pháp lý bụi, khí thải.....	31

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	32
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	32
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp	32
3.3.3. Chất thải từ tàu thuyền	33
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	33
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	35
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	36
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	43
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	45
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	45
4.1.1. Nguồn phát sinh	45
4.1.2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.....	45
4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nước thải	46
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	47
4.2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải: Không	47
4.2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với môi trường không khí	47
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	48
4.3.1. Nội dung về cấp phép tiếng ồn, độ rung	48
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung	48
4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	49
4.4.1. Quản lý chất thải	49
4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	50
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	52
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	55
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	55
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	55
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải.....	55
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	57
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	57
6.2.2. Chương trình quan trắc liên tục, tự động chất thải	57
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không.....	57

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	58
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	60
PHỤ LỤC	61

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Thống kê tọa độ mốc giới của khu đất	6
Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở	9
Bảng 1.3. Thống kê số lượng máy móc thiết bị phục vụ hoạt động cảng	18
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu	19
Bảng 1.5. Thống kê khối lượng nước sử dụng năm 2023.....	19
Bảng 1.6. Thống kê nhu cầu sử dụng và xả nước thải.....	20
Bảng 3.1. Kích thước các bể trong hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	30
Bảng 3.2. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh của Công ty	33
Bảng 3.3. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	43
Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải	52
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Công ty năm 2022	53
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải của Công ty năm 2023	53
Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến	55
Bảng 6.2. Vị trí lấy mẫu vận hành thử nghiệm.....	55
Bảng 6.3. Giới hạn các thông số vận hành thử nghiệm	55
Bảng 6.4. Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích.....	56
Bảng 6.5. Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích n.....	57

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1 Vị trí hoạt động của cơ sở.....	8
Hình 1.2. Quy trình xuất nhập container	13
Hình 1.3. Quy trình bảo dưỡng xe nâng, thiết bị bốc xếp hàng hoá nội bộ tại cảng	15
Hình 1.4. Quy trình vệ sinh phương tiện container	16
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	24
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.....	25
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải rửa phương tiện xe container	27
Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	28
Hình 3.5. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại	35

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Minh giải
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia
QCCP	Quy chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
UBND	Ủy ban nhân dân
GPMT	Giấy phép môi trường
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Chất rắn lơ lửng
DO	Dầu diesel
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
DWT	Deadweight tonnage
TEU	Twenty-foot equivalent units
GCN QSD	Giấy chứng nhận quyền sử dụng

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: **Ông Nguyễn Kim Dương Khôi**

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0225.3552157

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0201579242 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 28/10/2014 và thay đổi lần thứ 5 ngày 13/8/2024.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000075 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 19/11/2013 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/02/2015.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển số 30/2020/GCN-CHHVN của Cục Hàng Hải Việt Nam ngày 28/4/2020.

1.2. Tên cơ sở

“CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT”

1.2.1. Địa điểm cơ sở

- Cảng container Vip Green Port có vị trí hoạt động tại phường Đông Hải 2, quận Hải An thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích hoạt động là 152.694,9 m². Khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCN QSD đất số CT02442 cấp ngày 22/01/2015.

- Ranh giới tiếp giáp của Cảng như sau:

+ Phía Đông Bắc: giáp sông Bạch Đằng;

+ Phía Đông Nam: giáp Cảng Flat Đình Vũ – Công ty TNHH Flat (Việt Nam);

+ Phía Tây Bắc: Giáp Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ;

+ Phía Tây Nam: Giáp đường 356.

- Tọa độ mốc giới của khu đất

Bảng 1.1. Thống kê tọa độ mốc giới của khu đất

Tên mốc	Tọa độ		Khoảng cách (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2304410.865	607858.132	377,2 532.06 133.9
2	2304188.766	608163.009	
3	2303758.701	607849.747	
4	2303839.152	607742.710	

5	2303926.948	607806.800	108,7
6	2304084.966	607783.002	159,8
7	2304159.119	607673.993	131,84
1	2304410.865	607858.132	311,9

- Hình ảnh mô phỏng vị trí Cảng:





Hình 1.1 Vị trí hoạt động của cơ sở

1.2.2. Thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có)

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng.
- Các hạng mục công trình của cơ sở bao gồm như sau:

Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015	Đề xuất cấp GPMT (Thực tế xây dựng)	Ghi chú
I	Các hạng mục công trình chính				
1	Cầu cảng 30.000DWT	m	377,2 x 24 (m)	377,2 x 24 (m)	Không thay đổi; Khu vực dự án không tiếp nhận hàng rời; không tiếp nhận hàng hóa nguy hiểm
2	Khu vực bãi xếp container 20 feet	m ²	24.528 m ²	24.528 m ²	
3	Khu vực bãi xếp container 40 feet	m ²	34.580 m ²	34.580 m ²	
4	Khu vực bãi xếp container lạnh	m ²	8.176 m ²	8.176 m ²	
5	Nhà văn phòng	m ²	276 m ²	276 m ²	
6	Khu dịch vụ và nhà ăn ca	m ²	160 m ²	160 m ²	
7	Nhà nghỉ ca	m ²	40 m ²	40 m ²	
8	Khu vực bãi container rộng, bãi sửa chữa	m ²	17.000 m ²	17.000 m ²	
9	Bãi tập kết thiết bị	m ²	7.486 m ²	7.486 m ²	
10	Xưởng sửa chữa, bảo trì container	m ²	720 m ²	300 m ²	Giảm 420m ² so với QĐ số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015
11	Trạm cấp dầu nội bộ	m ²	0	92 m ²	GXN đăng ký đề án BVMT số 1193/GXN-UBND ngày 12/7/2017
12	Trạm biến áp (03 trạm)	m ²	105 m ²	105 m ²	Không thay đổi
13	Bể nước cứu hoả	m ³	250 m ³	250 m ³	
14	Tường rào	m	1.077 m	1.077 m	

15	Cây xanh	m ²	5.268 m ²	5.268 m ²	
II	Các công trình bảo vệ môi trường				
16	Kho tập kết rác tập trung	m ²	16,5 m ²	16,5 m ²	Không thay đổi
17	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	15 m ²	15 m ²	
18	Bể tự hoại	m ³	03 bể; tổng dung tích 35,1m ³	03 bể; tổng dung tích 35,1m ³	Không thay đổi
19	Bể lắng 4 ngăn khu vực nhà ăn ca	Bể	0	Dung tích 4,8 m ³	Bổ sung bể lắng 4 ngăn tại khu vực nhà ăn ca để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng, nhà ăn ca, nhà bếp
20	Bể tách dầu nước rửa xe	Bể	2 ngăn, dung tích 8,3 m ³	4 ngăn, dung tích 8 m ³	Cải tạo bể 2 ngăn thành 4 ngăn để tăng cường khả năng tách dầu
21	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	HT	Công suất: 25 m ³ /ngày đêm, công nghệ sinh học	Công suất: 25 m ³ /ngày đêm, công nghệ sinh học	Không thay đổi
22	Điểm xả nước thải	Điểm	01 điểm	01 điểm	Không thay đổi

- Một số hình ảnh của Cảng:



1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có)

- Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án “**Đầu tư xây dựng cảng container Vip Green Port**” tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải do Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip làm chủ đầu tư.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3943/GP-UBND do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/12/2021 (*Gia hạn lần thứ nhất*).

- Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 về việc phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu do UBND thành phố Hải Phòng cấp và bản cập nhật bổ sung KHUPSCTD tháng 10/2023.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH với mã số QLCTNH số 31.001030.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp.

1.2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Dự án “**Cảng Container Vip Green Port**” với tổng vốn đầu tư 1.373.185.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, ba trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) thuộc dự án nhóm B được phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

1.2.5. Phạm vi đề xuất cấp GPMT

Phạm vi cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Cảng Container Vip Green Port” gồm toàn bộ các hoạt động trên bờ và hoạt động nạo vét khu nước trước bến cảng. Cụ thể:

Stt	Danh mục	Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015	Đề xuất cấp GPMT
1	Diện tích	152.694,9 m ²	152.694,9 m ²
2	Hạng mục công trình hoạt động của Cảng	Theo bảng 1.2	Theo bảng 1.2
3	Vốn đầu tư	1.373.185.000.000 đồng	1.373.185.000.000 đồng
4	Loại hình hoạt động	Hoạt động kinh doanh bến cảng	Hoạt động kinh doanh bến cảng
5	Công suất hoạt động	Tiếp nhận tàu có tải trọng đến 30.000 DWT giảm tải.	Tiếp nhận tàu có tải trọng đến 30.000 DWT giảm tải.
6	Hoạt động nạo vét	Diện tích khu vực nạo vét duy tu là 145.000 m ² , cao độ trung bình trước khi nạo vét là -6,8m, cao độ trung bình sau khi nạo vét là -7,1m, độ sâu nạo vét trung bình 0,34m	Diện tích khu vực nạo vét duy tu là 145.000 m ² , cao độ trung bình trước khi nạo vét là -6,8m, cao độ trung bình sau khi nạo vét là -7,1m, độ sâu nạo vét trung bình 0,34m
7	Lao động (người)	172	172
8	Bể tự hoại 3 ngăn (m ³)	7,7	7,7
		12	12
		15,4	15,4
9	Bể tách mỡ (m ³)	0,5	0,5
10	Bể lắng 4 ngăn khu vực nhà ăn ca	0	4,8 m ³
11	Bể tách dầu nước rửa xe	2 ngăn dung tích 8,3 m ³	4 ngăn dung tích 8 m ³
12	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	25 m ³ /ngày đêm	25 m ³ /ngày đêm
13	Điểm xả nước thải	01 điểm	01 điểm
14	Kho chất thải thông thường	16,5m ²	16,5 m ²
15	Kho chất thải nguy hại	15m ²	15m ²

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất hiện tại của cơ sở vẫn giữ nguyên theo Quyết định ĐTM số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án “Xây dựng cảng container Vip Green Port” và Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000075 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 19/11/2013 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/02/2015. Cụ thể:

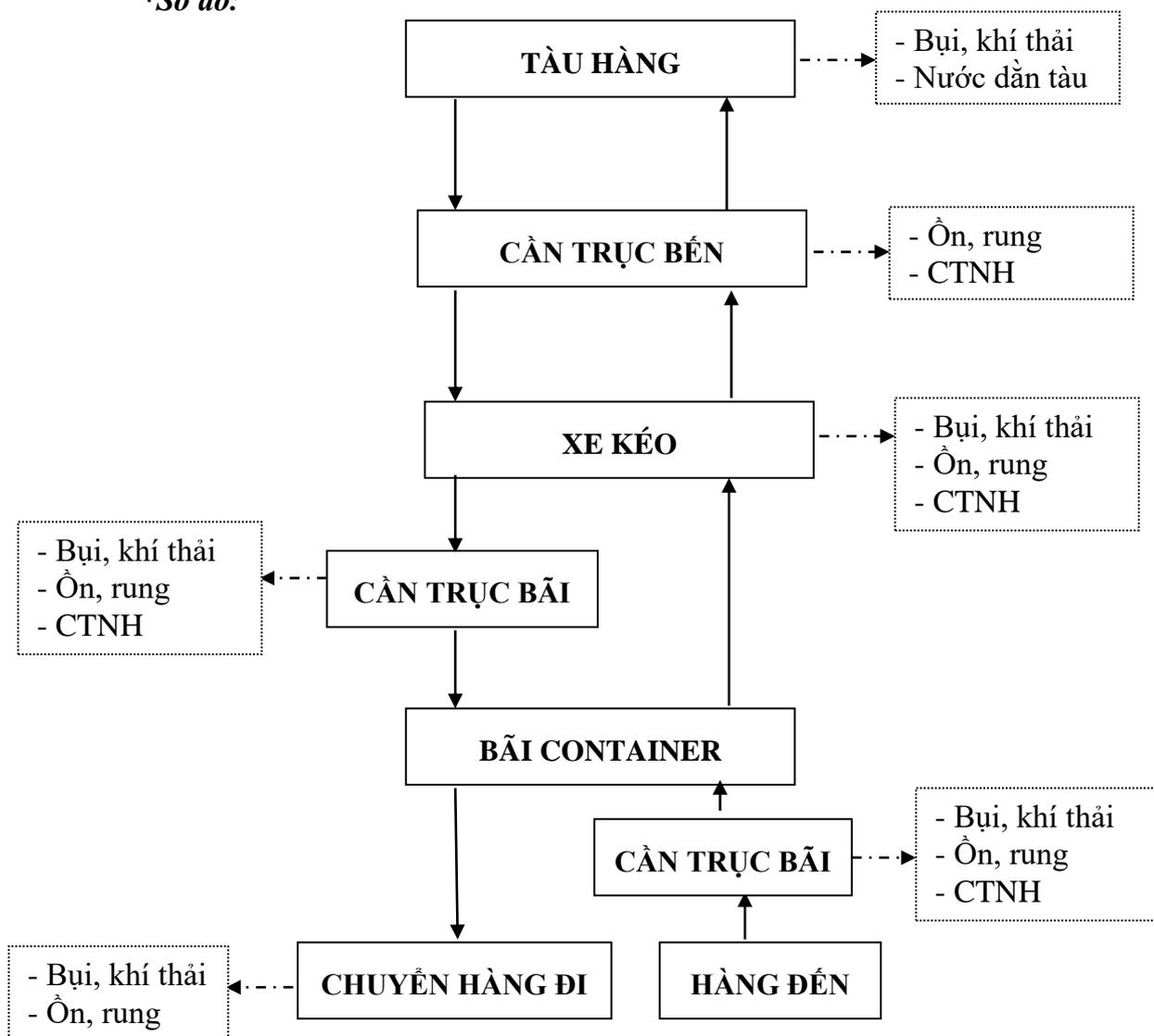
- + Tiếp nhận tàu có tải trọng đến 30.000 DWT giảm tải.
- + Tổng lượng hàng hóa ra vào cảng trong 1 năm vận hành ổn định: Hàng Container: 500.000 TEU/năm.

1.3.2. Công nghệ vận hành

Hàng hoá ra vào Cảng thuộc danh mục hàng hoá cho phép hoạt động trên toàn quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật. Cảng chỉ tiếp nhận hàng container, chỉ thực hiện tiếp nhận, bốc xếp hàng container, không thực hiện sang chiết hay bốc dỡ hàng rời tại Cảng và không tiếp nhận hàng nguy hiểm. Quy trình công nghệ bốc xếp hàng container như sau:

a. Quy trình xếp dỡ container

*Sơ đồ:



Hình 1.2. Quy trình xuất nhập container

*Thuyết minh sơ đồ:

- Công nghệ bốc xếp trên bến:
- + Trên bến được lắp đặt càn trục giàn chuyên dùng QCC (Quayside Container Crane)

40T. Việc bố trí chi tiết các cần trục trên mỗi bến sẽ được xem xét dựa trên lượng hàng sẽ được bốc xếp và cỡ tàu đến cảng.

+ Trong khi bốc dỡ, xe kéo sẽ đứng dưới cần trục, tiếp nhận hàng và vận chuyển vào khu bãi chứa container. Tại bãi chứa, cần trục trên bãi, xe nâng sẽ đảm nhận việc đưa hàng từ xe tải xuống và sắp xếp vào bãi chứa. Công tác bốc xếp xuống tàu được thực hiện theo chiều ngược lại.

+ Việc sắp xếp, nâng hạ container trên bãi chứa hàng được thực hiện bằng xe xếp container chuyên dùng RTG có sức nâng 40T. Đây là loại cần trục chạy trên bánh lốp có thể thao tác với nhiều hàng container và xếp chồng đến 5 tầng theo chiều cao, 6 hàng theo chiều ngang và một làn dành cho xe chở container lưu thông dưới khung cần trục.

- Công nghệ bốc xếp trên bãi:

+ Việc sắp xếp, nâng hạ container trên bãi chứa hàng được thực hiện bằng xe xếp container chuyên dùng RTG có sức nâng 40T. RTG có khả năng xếp chồng đến 5 tầng theo chiều cao, 6 hàng theo chiều ngang và một làn dành cho xe chở container lưu thông dưới khung cần trục.

+ Toàn bộ tiến trình bốc xếp, bảo quản container tại cảng được điều khiển bởi trung tâm quản lý với sự hỗ trợ của hệ thống máy tính điện tử.

+ Khi khai thác hàng CFS cần phải phân loại chuyển giao cho khách hàng hoặc gom hàng từ khách hàng để đóng hàng rồi mới đưa xuống tàu sẽ được thực hiện tại trung tâm Green Logistics Centre cùng là đơn vị thành viên trong Công ty và cách cảng Vip Green port khoảng 2,5 km.

+ Đối với hàng container sau 10 ngày không có người nhận hoặc khách hàng tuyên bố bỏ container thì Công ty sẽ lập danh sách hàng hoá tồn đọng tại cảng biển, có văn bản kê khai từng loại hàng hoá tồn đọng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền (hải quan, cảnh sát môi trường và các đơn vị có chức năng) để thành lập hội đồng kiểm tra và đề xuất phương án xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Nguồn thải phát sinh: bụi, khí thải; ồn, rung động; chất thải rắn, CTNH và gia tăng mật độ các phương tiện vận tải đường bộ.

****Đối với hàng hóa container vô chủ***

Trong quá trình hoạt động, Cảng Container Vip Green Port chỉ tiếp nhận hàng hóa đã có giấy xác nhận kê khai nguồn gốc, xuất xứ của Hải quan và có chủ hàng đứng ra đại diện theo pháp luật, do đó tình trạng xuất hiện hàng hóa vô chủ là không có. Tuy nhiên, trong quá trình tập kết hàng tại cảng, Hải quan và cảnh sát môi trường phát hiện những lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật sẽ tiến hành kiểm tra. Nếu chủ hàng bỏ lô hàng dẫn đến tình trạng vô chủ, Hải quan, cảnh sát môi trường và các đơn vị có chức năng sẽ tiến hành thành lập hội đồng kiểm tra và đề xuất phương án tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

b. Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa container, các máy móc, phương tiện vận chuyển tại cảng:

- Quy trình sửa chữa, bảo dưỡng Container:

+ Container bị hư hỏng sẽ được cần trục RTG, RSD vận chuyển vào xưởng. Tùy vào mức độ hỏng của Container mà kỹ thuật viên tiến hành các thao tác sửa chữa, bảo dưỡng phù hợp.

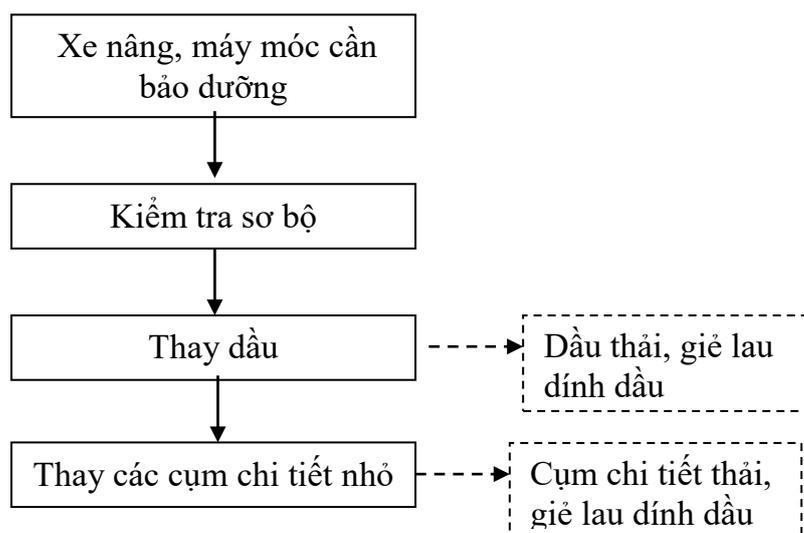
Tại đây, chỉ tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ. Cụ thể như sau:

- + Cắt gọt các hư hỏng, khuyết tật của Container bằng máy cắt sử dụng khí nén.
- + Làm sạch các cạnh mép biên và hàn các mối nối bằng phương pháp hàn điện (*sử dụng que hàn*), khoan lỗ.
- + Nắn vết lồi lõm, những khuyết tật bên ngoài của Container.
- + Cắt, uốn, dập tôn lá, tôn sóng, gia công chi tiết cánh cửa, lắp các cao su đã lưu hóa để làm chặt cửa.
- + Tra dầu mỡ bản lề, ổ khóa...

- Quy trình bảo dưỡng xe nâng, máy móc, thiết bị hỗ trợ bốc xếp hàng hóa tại cảng:

- Để đảm bảo quá trình vận hành ổn định và hạn chế tình trạng mất an toàn lao động xảy ra thì chủ đầu tư sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ xe nâng, máy móc, thiết bị hỗ trợ quá trình bốc xếp hàng hóa nội bộ tại cảng... Tại xưởng sửa chữa chỉ tiến hành hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa các chi tiết nhỏ, trường hợp xe bị hỏng nặng sẽ được chuyển đến đơn vị có chức năng tiến hành sửa chữa.

- Hoạt động bảo dưỡng xe nâng, máy móc, thiết bị diễn ra gồm các quy trình sau:



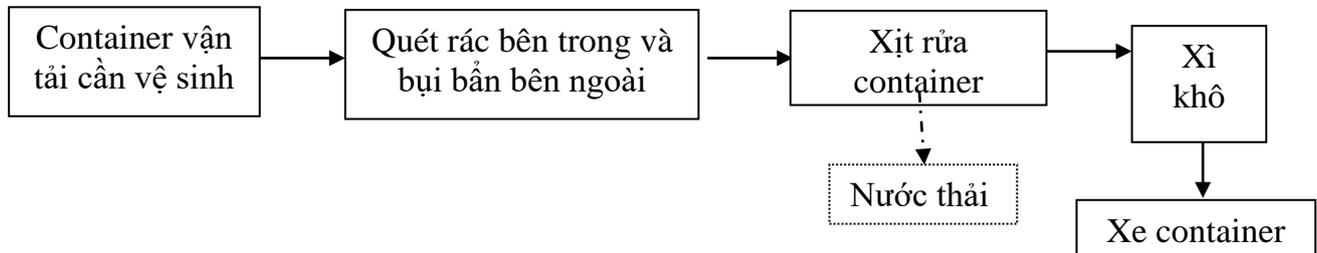
Hình 1.3. Quy trình bảo dưỡng xe nâng, thiết bị bốc xếp hàng hoá nội bộ tại cảng

- Nguồn thải phát sinh từ quá trình này được xác định gồm:

- + Chất thải rắn công nghiệp.
- + Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bao bì cứng thải bằng nhựa, bằng kim loại...)

c. Hoạt động vệ sinh phương tiện container vận tải:

- Quy trình vệ sinh phương tiện container vận tải:



Hình 1.4. Quy trình vệ sinh phương tiện container

- Thuyết minh quy trình: Cảng chỉ tiến hành vệ sinh các phương tiện container khi có yêu cầu của khách hàng và chỉ tiến hành vệ sinh đối với các phương tiện container vận tải thông thường, không rửa, vệ sinh cho các phương tiện container chứa hàng nguy hiểm, hàng lỏng. Các vỏ container đi kèm là các vỏ rỗng, tương đối sạch.

Các phương tiện container cần vệ sinh sẽ được đến khu vực rửa, dùng chổi quét rác bên trong và bụi bẩn bên ngoài sau đó dùng vòi xịt để xịt nước rửa container, rồi xì khô.

- Nguồn thải phát sinh từ quá trình này được xác định gồm:

- + Chất thải rắn công nghiệp (khăn, chổi, cọ mềm,...).
- + Nước thải chứa chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, bụi bẩn, đất cát,...

d. Hoạt động nạo vét duy tu:

- Định kỳ hàng năm, Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip sẽ thuê đơn vị khảo sát địa hình lập bình đồ độ sâu vùng neo đậu tàu, luồng dẫn và vũng quay tàu. Căn cứ theo bình đồ độ sâu, công ty sẽ lên kế hoạch và quyết định việc tiến hành nạo vét duy tu, đảm bảo phù hợp với nhu cầu khai thác của cầu Cảng.

- Thời gian nạo vét phụ thuộc vào lịch tàu thuyền ra vào khu cầu cảng và lịch do Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng sắp xếp.

- Diện tích khu vực nạo vét duy tu là 145.000 m². Cao độ trung bình trước khi nạo vét là -6,8m. Cao độ trung bình sau khi nạo vét là -7,1m. Độ sâu nạo vét trung bình là 0,3m. Khối lượng nạo vét duy tu ước tính là 145.000 m²x (7,1-6,8)=43.500 m³/lần.

- Trong quá trình hoạt động nạo vét duy tu, cầu cảng vẫn tiếp nhận tàu thuyền bình thường. Nếu có tàu vào nhận/trả hàng tại cầu cảng, các phương tiện nạo vét sẽ được thông báo ngừng thi công và di chuyển ra ngoài khu vực nạo vét. Khi nào tàu nhận/trả hàng xong và rời cầu cảng, các phương tiện thi công lại tiếp tục hoạt động nạo vét.

- Quy trình nạo vét khu nước trước bến:

+ Trình tự thi công nạo vét:

- ✓ Trước khi tiến hành thi công nạo vét, chủ dự án sẽ lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải và trình Cảng vụ hàng hải Hải Phòng phê duyệt.
- ✓ Chủ dự án thông báo kế hoạch triển khai thi công và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công.
- ✓ Định vị các điểm khống chế khu vực nạo vét duy tu và tiến hành thả các phao dấu tại các điểm khống chế.
- ✓ Tiến hành khảo sát đo đạc khu vực nạo vét trước khi thi công.
- ✓ Tập kết đầy đủ máy móc, phương tiện, thiết bị thi công công trình.
- ✓ Tiến hành nạo vét vùng neo đậu tàu, luồng dẫn và vũng quay tàu đến cao độ thiết kế của từng khu vực.
- ✓ Bùn đất nạo vét được đổ thải tại đúng khu vực quy định.
- ✓ Tiến hành khảo sát đo đạc khu vực nạo vét sau thi công.
- ✓ Nghiệm thu tổng thể công tác nạo vét và bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Biện pháp thi công:

- ✓ Công tác nạo vét gồm 3 công đoạn cơ bản là: Nạo vét bùn cát từ đáy sông, chuyển bùn cát và đổ bùn cát tại bãi thải.
- ✓ Căn cứ vào điều kiện địa chất, địa hình khu vực thi công và độ sâu nạo vét duy tu, nhà thầu thi công lựa chọn chủng loại thiết bị chính để thi công nạo vét là tàu đào gầu dây, phương tiện vận chuyển và đổ bùn cát nạo vét là sà lan mở đáy tự hành.

+ Công đoạn nạo vét bùn cát bằng tàu đào gầu dây:

- ✓ Tàu đào gầu dây là phương tiện gồm máy đào gầu dây đặt trên pontong. Đưa tàu đào gầu dây vào khu vực thi công, tàu đào gầu dây được neo chặt không trôi tự do.
- ✓ Sà lan mở đáy tự hành được cập áp mạn tàu và được buộc cố định vào thân tàu.
- ✓ Tàu đào gầu dây sẽ nạo vét khu vực thi công theo từng dải, bề rộng mỗi dải trung bình là 25m. Khi thi công xong mỗi dải, tàu đào gầu dây sẽ chuyển sang thi công dải tiếp.
- ✓ Bùn nạo vét được tàu đào gầu dây xúc lên theo hệ thống cần trục và dây cáp sau đó đổ trực tiếp xuống xà lan. Sau khi xà lan đầy tàu đào ngừng thi công để xà lan vận chuyển bùn cát đến bãi đổ thải.
- ✓ Đối với khu vực luồng dẫn và vũng quay tàu thực hiện biện pháp thi công hạ dần độ sâu đồng đều cả khu vực trước bến và gầm bến.

+ Công đoạn vận chuyển và đổ bùn đất cát nạo vét bằng xà lan xả đáy tự hành:

- ✓ Sà lan mở đáy tự hành chứa đầy bùn nạo vét di chuyển từ khu vực thi công dọc theo luồng Bạch Đằng tới khu vực đổ thải.
- ✓ Tại khu vực đổ thải, sà lan sẽ mở các cánh cửa đáy để bùn cát rơi ra khỏi sà lan. Đồng thời sà lan di chuyển từ từ để việc đổ bùn cát được đồng đều.
- ✓ Vị trí đổ thải: Công ty sẽ xin phép bằng văn bản gửi về UBND thành phố, Cục hàng hải theo quy định (*Vị trí đổ thải phù hợp về tuyến đường di chuyển và đã được UBND thành phố cấp phép đủ điều kiện tiếp nhận vật liệu nạo vét và chỉ thực hiện đổ thải khi được sự chấp thuận của UBND thành phố*).

1.3.3. Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở

Bảng 1.3. Thống kê số lượng máy móc thiết bị phục vụ hoạt động cảng

Stt	Phương tiện, thiết bị	Đơn vị	Quyết định ĐTM số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015	Thực tế Đề xuất cấp phép
I	Thiết bị bốc xếp container từ tàu			
1	Cần trục giàn (QC)	Chiếc	4	3
2	Cần trục quay (KE)	Chiếc	2	1
II	Thiết bị bốc xếp trong bãi			
1	Cần trục bánh lốp (RTG)	Chiếc	8	10
2	Xe nâng Forklift	Chiếc	3	3
3	Xe nâng Side Lifter	Chiếc	4	5
4	Xe nâng Reach Stacker	Chiếc	2	
III	Thiết bị vận chuyển trong bãi			
1	Đầu kéo + Chasic	Chiếc	15	15
IV	Trạm cân	Trạm	1	1
V	Hệ thống máy tính	Bộ	1	1
VI	Thiết bị tại xưởng sửa chữa			
1	Máy hàn cầm tay	Chiếc	2	2
2	Máy cắt cầm tay	Chiếc	1	2
3	Máy mài	Chiếc	2	2
4	Máy khoan	Chiếc	2	1
5	Máy phun sơn loại nhỏ	Chiếc	2	-
VII	Các loại thiết bị khác			
1	Cột bơm dầu	Chiếc	1	1

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nguyên, nhiên liệu sản xuất

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu

Stt	Danh mục	Nhu cầu sử dụng (tấn/năm)	Mục đích sử dụng
1	Dầu DO	144	Phục vụ cho hoạt động vận chuyển nội bộ của các phương tiện (xe nâng, xe đầu kéo,..)
2	Gas	1	Phục vụ cho hoạt động nấu ăn
3	Dầu nhớt	1	Sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, phương tiện
4	Que hàn	0,1	
5	Chổi, cọ mềm	0,02	Rửa phương tiện xe container

Ghi chú: Công ty không có dịch vụ cấp nguyên, nhiên liệu cho tàu neo đậu tại Cảng.

1.4.2. Lao động, điện năng, nước sạch

a. Lao động

- Số lượng cán bộ công nhân viên hiện trạng: 172 người.
- Số ca làm việc 03 ca/ngày, mỗi công nhân làm việc tối đa 8h/ca/ngày.đêm.

b. Điện năng

***Nguồn cấp:** Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng – Chi nhánh Hải An.

***Mục đích:** Cấp điện sinh hoạt, hoạt động sản xuất và chiếu sáng;

***Lượng sử dụng:** khoảng 125.830 KWh/tháng.

c. Nước sạch

***Nguồn cấp:** Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng

***Mục đích:** Cấp nước cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc cố định tại Cảng (bao gồm cả hoạt động nấu ăn tại khu vực bếp); hoạt động sinh hoạt của nhân viên đến làm việc tại khối dịch vụ, vệ sinh phương tiện xe container, nước tưới cây, tưới bụi mặt bằng nội bộ cảng. Công ty không có dịch vụ cấp nước cho tàu neo đậu tại Cảng.

***Lượng sử dụng:** Hiện trạng sử dụng nước của Công ty được thống kê theo hóa đơn sử dụng nước năm 2024. Cụ thể như sau:

Bảng 1.5. Thống kê khối lượng nước sử dụng năm 2023

Stt	Tháng	Lượng (m ³)
1	Tháng 03/2024	505
2	Tháng 04/2024	613
3	Tháng 05/2024	427
4	Tháng 06/2024	440
5	Tháng 07/2024	425
6	Tháng 08/2024	366
7	Tháng 09/2024	348
Trung bình tháng (m³/tháng)		446,3
Trung bình ngày (m³/ngày)		17,2

***Phân bổ các hạng mục sử dụng cụ thể như sau:**

- Sinh hoạt và ăn uống của nhân viên làm việc cố định tại cảng:

+ Theo TCVN 13606:2023: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế, lượng nước cấp cho 1 người là 45 lít/người/ca. Với số lượng nhân viên làm việc cố định tại cảng là 172 người thì nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động này là $V_{sh} = 172 \times 0,045 = 7,74 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

+ Theo TCVN 4513: 1988: Tiêu chuẩn cấp nước bên trong công trình thì lượng nước cấp cho 01 suất ăn tập thể là 25 lít/suất. Lượng nước sử dụng cho hoạt động này là $V_{na} = 172 \times 0,025 = 4,3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hoạt động vệ sinh của khách đến giao dịch tại Cảng:

Do hoạt động đặc thù của cảng, ngoài hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc cố định tại cảng, còn có các hoạt động của khách đến làm thủ tục xuất nhập khẩu. Theo số liệu thống kê thực tế của cảng năm 2022 và năm 2023 thì lượng người hàng ngày làm các thủ tục này khoảng 100 người/ngày đêm.

Theo TCVN 4513-88 (Tiêu chuẩn cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế), định mức nước rửa tay tại bồn rửa là 10 lít/người/ngày đêm $\sim 0,01 \text{ m}^3/\text{người/ngày đêm}$. Số lượng khách hàng đến giao dịch với công ty và sử dụng bồn rửa tay tại nhà vệ sinh khoảng 100 người thì lượng nước cấp cho hoạt động này là: $100 \times 0,01 = 1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Tưới cây, tưới bụi mặt bằng nội bộ cảng: theo TCVN 13606:2023: quy định lượng nước cấp cho hoạt động tưới cây, rửa đường bằng 8-10% nhu cầu dùng nước sinh hoạt, dự án chọn bằng 10%. Vậy nhu cầu cấp nước cho hoạt động này là: $(7,74 + 4,3 + 1) \times 10\% = 1,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hoạt động rửa phương tiện xe container: Căn cứ vào bảng thống kê lượng nước sạch sử dụng của Công ty theo hóa đơn tiền nước (hóa đơn chi tiết được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo). Thì trung bình lượng nước cấp trong 1 ngày của Công ty là $17,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ \Rightarrow Lượng nước sạch cấp cho hoạt động rửa phương tiện xe container là: $17,2 - 7,74 - 4,3 - 1 - 1,3 = 2,86 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả nước thải:

Bảng 1.6. Thống kê nhu cầu sử dụng và xả nước thải

Stt	Danh mục	Nhu cầu sử dụng nước ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$)	Nhu cầu xả thải ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$)	Ghi chú
1	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	7,74	7,74	Định mức nước thải bằng 100% lượng nước cấp (Theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP về thoát nước và xử
2	Hoạt động vệ sinh của khách đến giao dịch tại Cảng	1	1	

3	Hoạt động ăn ca	4,3	4,3	<i>lý nước thải)</i>
4	Hoạt động rửa phương tiện xe container	2,86	2,86	
5	Tưới cây, tưới bụi mặt bằng nội bộ cảng	1,3	0	Ngâm xuống đất, không xả ra ngoài môi trường
Tổng		17,2	15,9	

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: Không

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và hiện tại không có sự thay đổi. Do đó, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường không phải đánh giá lại.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Căn cứ theo Giấy phép xả nước thải (gia hạn lần thứ nhất) số 3943/GP-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thành phố Hải Phòng thì nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip là sông Bạch Đằng (đoạn chảy qua phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng).

Sông Bạch Đằng có khả năng tự làm sạch cao nhờ hệ thống thực vật, thủy sinh cũng như dòng chảy liên tục. Đồng thời, căn cứ theo kết quả quan trắc nước mặt sông Bạch Đằng tại thời điểm lập hồ sơ cho thấy, nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn tiêu chuẩn hiện hành. Do đó, có thể nhận định, chất lượng nước sông Bạch Đằng vẫn đảm bảo, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Để đánh giá chất lượng nước nguồn tiếp nhận, Công ty đã phối hợp với Trung tâm quan trắc, phân tích môi trường biển (VILAS 426 – VIMCERTS 047) quan trắc mẫu nước mặt sông Bạch Đằng, cụ thể như sau:

- Ngày lấy mẫu: 23/11/2023;

- Vị trí lấy mẫu:

+ **NM1:** Mẫu nước mặt trên sông Bạch Đằng cách điểm tiếp nhận nước thải 50 m về phía thượng lưu. Tọa độ: X(m) = 2304363, Y(m) = 607883.

+ **NM2:** Mẫu nước mặt trên sông Bạch Đằng cách điểm tiếp nhận nước thải 50 m về phía hạ nguồn. Tọa độ: X(m) = 2304441, Y(m) = 607831.

- Kết quả phân tích:

Bảng 2.1. Chất lượng nước mặt sông Bạch Đằng

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả		QCVN ⁽¹⁾
				NM1	NM2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	7,3	-
2	BOD ₅ ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	10	10	-
3	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	20	16	-
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	21	19	-
5	DO	SMEWW 4500-OG:2017	mg/L	6,35	6,48	-

6	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,074	0,082	0,3
7	Nitrat (tính theo N)	US EPA Method 352.1	mg/L	1,104	1,127	-
8	Phosphat (tính theo P)	TCVN 6622:2008	mg/L	0,054	0,039	-
9	Asen ^(*)	EPA 200.8,ICP-MS	mg/L	0,0020	0,0023	0,01
10	Cadimin ^(*)	EPA 200.8,ICP-MS	mg/L	0,0016	0,0013	0,005
11	Chì ^(*)	EPA 200.8,ICP-MS	mg/L	0,0030	0,0048	0,02
12	Đồng ^(*)	EPA 200.8,ICP-MS	mg/L	0,0496	0,0439	0,1
13	Kẽm ^(*)	EPA 200.8,ICP-MS	mg/L	0,146	0,089	0,5
14	Sắt	SMEWW 3500Fe-:2017	mg/L	0,31	0,36	0,5
15	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5220B:2017	mg/L	<0,3	<0,3	5
16	Tổng Phenol	SMEWW 5220C:2017	mg/L	0,0028	0,0040	0,005
17	Coliform	SMEWW 9222:2017	MPN/ 100mL	1.400	1.100	-

- Quy chuẩn so sánh: ⁽¹⁾QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

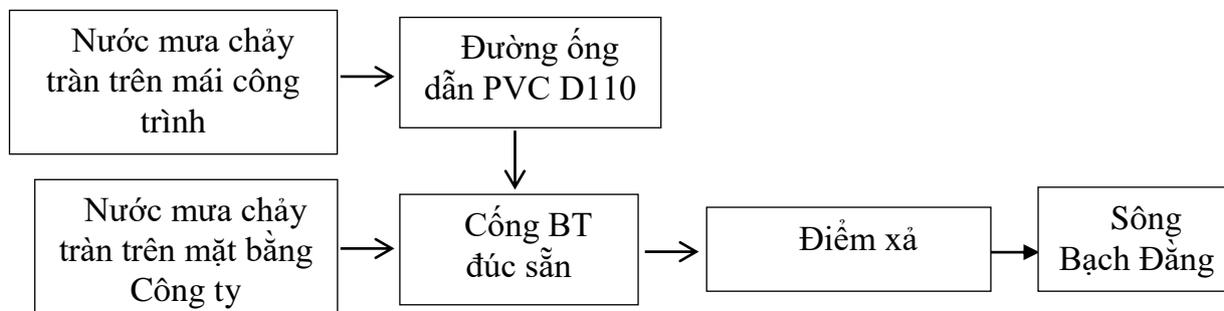
- Nhận xét: Căn cứ kết quả trên cho thấy, nồng độ các thông số ô nhiễm vẫn nằm trong ngưỡng cho phép, do đó chất lượng nước mặt sông Bạch Đằng vẫn còn đảm bảo khi tiếp nhận thêm nguồn nước thải của cơ sở.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

***Sơ đồ thu gom, xử lý:**



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

***Thuyết minh:**

1. Nước mưa chảy tràn trên mái công trình: theo đường ống dẫn PVC D110 đấu nối vào hệ thống tiêu thoát nước mưa trên mặt bằng cảng.

2. Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng cảng: Được thu gom qua các ga thu nước mưa trên mặt bãi theo các đường cống bê tông đúc sẵn đấu nối với nhau và thoát ra sông Bạch Đằng qua 3 điểm xả thải.

- Tuyến cống theo trục Bắc – Nam: Các cống bê tông đúc sẵn D800mm có tổng chiều dài khoảng 1.400m, độ dốc $i=0,2\%$.

- Tuyến cống theo trục Đông – Tây: Các cống bê tông đúc sẵn D600 có tổng chiều dài khoảng 740m, độ dốc $i=0,2\%$.

- Rãnh thu nước kích thước 300x680mm tại khu vực bốc xếp Container bằng RTG, độ dốc $i=0,2\%$.

***Thông số kỹ thuật của công trình tiêu thoát nước mưa chảy tràn tại cảng:**

- Đường ống dẫn PVC D110;
- Cống BT đúc sẵn D800mm, D600mm;
- Rãnh thu kích thước 300x680mm.
- Nguồn tiếp nhận: Sông Bạch Đằng.

***Đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa:**

- Trong quá trình hoạt động, Công ty thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn tại công trình rãnh thu, hồ ga lắng cặn định kỳ 6 tháng/lần (thời điểm trước mùa mưa bão) nên đảm bảo khả năng tiêu thoát nước mưa.

- Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện nghiêm túc các biện pháp thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải đúng quy định, đảm bảo hành lang tiêu thoát nước xung quanh công trình thu thoát nước mưa của cơ sở, tránh tình trạng ùn ứ, ứ đọng dòng chảy.

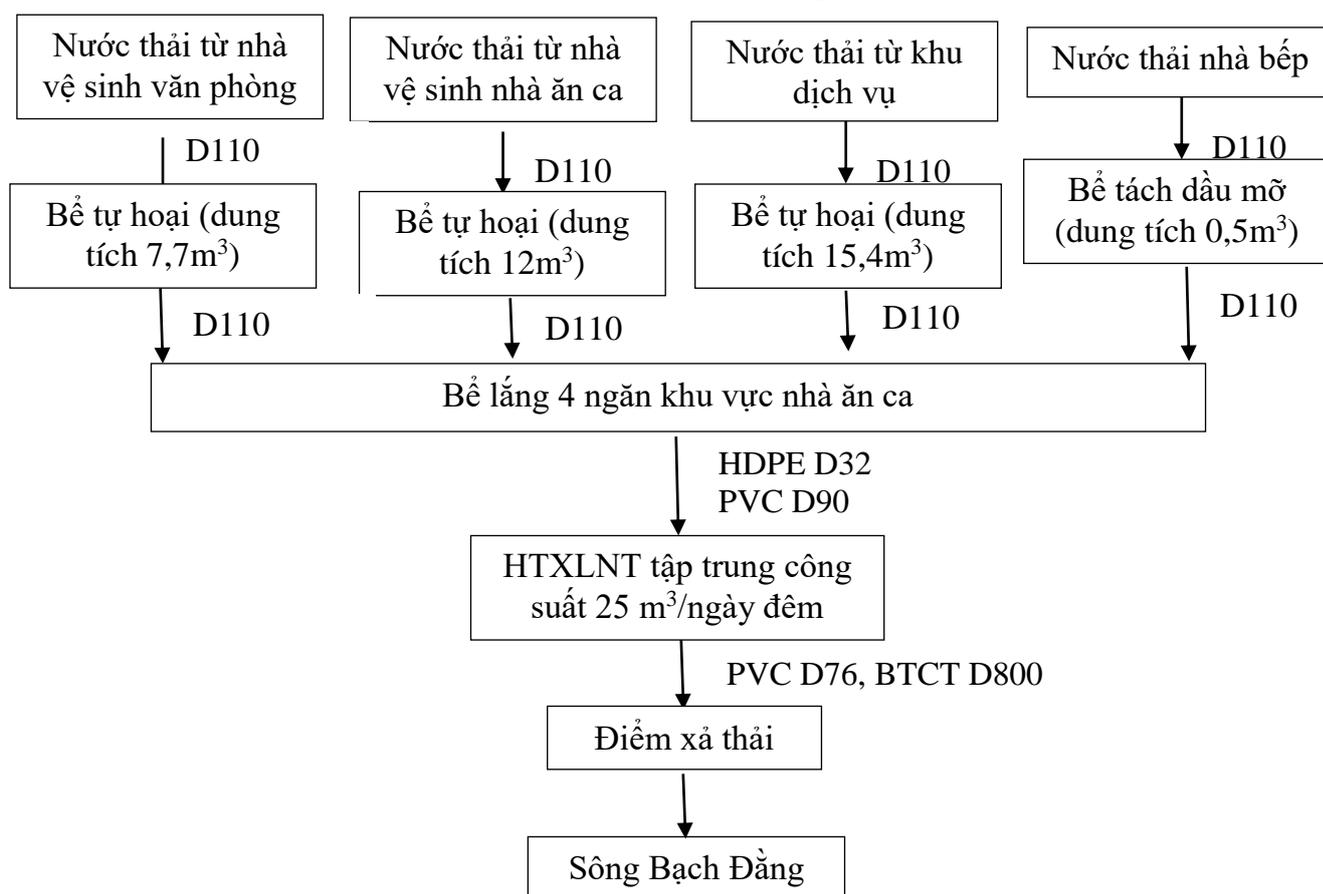
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom xử lý nước thải sinh hoạt

***Nguồn và thành phần:** Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cảng và nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khách đến giao dịch tại Cảng với thành phần đặc trưng gồm hợp chất hữu cơ (BOD, COD), tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

***Lượng thải:** lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cảng và khách đến giao dịch tại Cảng là 13,04 m³/ngày đêm (lượng phát thải thực tế theo tính toán tại bảng 1.6). Theo Nghị định số 80:2014/NĐ-CP, định mức nước thải sinh hoạt bằng nước cấp đầu vào và bằng 13,04 m³/ngày đêm.

***Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty như sau:**



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

***Thuyết minh sơ đồ, công nghệ:**

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà vệ sinh khu văn phòng được thu gom, xử lý tại bể tự hoại, dung tích 7,7 m³; nước thải khu vệ sinh nhà ăn ca được thu gom, xử lý tại bể tự hoại, dung tích 12 m³; nước thải tại khu vệ sinh khu dịch vụ được thu

gom, xử lý tại bể tự hoại, dung tích 15,4 m³. Bể tự hoại có chức năng lắng cặn, lên men lắng cặn, xử lý được phần nào thành phần ô nhiễm chứa trong nước thải sinh hoạt. Định kỳ 3 tháng/lần (hoặc tùy vào tình hình hoạt động thực tế tại cảng), Công ty thuê Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng nạo vét bùn thải tại bể tự hoại 3 ngăn và xử lý theo đúng quy định.

+ Nước thải nhà ăn được thu gom, xử lý tại bể tách mỡ dung tích 0,5 m³. Tạp chất thô được giữ lại tại rọ chắn rác tại bồn rửa; phần nước tiếp tục chảy vào bể lắng 4 ngăn để xử lý. Váng dầu mỡ có tỷ trọng nhẹ hơn nước sẽ nổi lên bề mặt của bể và được bộ phận béc vớt định kỳ 1 tuần/lần, phần chất lơ lửng lắng cặn phần nào xuống đáy bể. Tạp chất thô và váng dầu mỡ được xử lý cùng chất thải sinh hoạt tại cơ sở. Định kỳ 1 tháng/lần (hoặc tùy vào tình hình hoạt động thực tế tại khu vực bếp ăn), Công ty thuê Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng nạo vét bùn thải tại bể tách mỡ 2 ngăn và xử lý theo đúng quy định.

+ Nước thải sinh hoạt sau các công đoạn xử lý tại bể tự hoại và nước thải nhà ăn sau bể tách mỡ 2 ngăn tiếp tục theo đường ống dẫn PVC vào bể lắng 4 ngăn để tiếp tục xử lý, sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B). Nước sau xử lý được theo ống dẫn D76 và qua cống BT đúc sẵn D800 xả vào sông Bạch Đằng.

***Thông số kỹ thuật:**

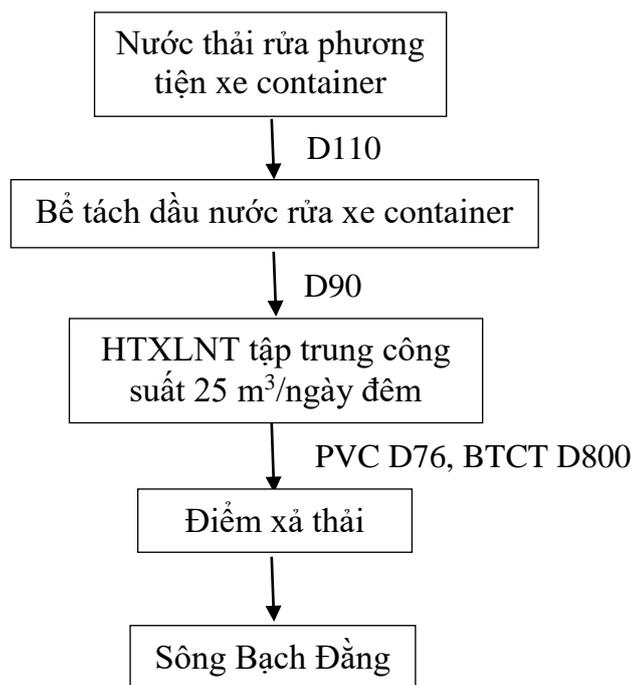
Stt	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng	Kích thước (dài x rộng x sâu)	Ghi chú
1	Bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn ca, khu vực nhà dịch vụ	Bể	03	- 01 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà văn phòng, dung tích chứa 7,7 m ³ , kích thước 3 x 2,4 x 1 (m) - 01 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà ăn ca, dung tích chứa 12 m ³ ; Kích thước: 3,2 x 3,4 x 1 (m) - 01 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà dịch vụ, dung tích chứa 15,4 m ³ ; Kích thước: 3,0 x 5,1 x 1 (m)	Bể được xây dựng với kết cấu bê tông cốt thép đáy dày 150mm; mac 200; trát vữa dày 1,5 cm; bê tông lót đáy dày 100mm; mac 100; thành bể xây gạch đặc 200mm, trát vữa dày 1 cm
2	Bể tách mỡ 2 ngăn	Bể	01	Dung tích chứa là 0,5 m ³ ; Kích thước: 1,2 x 0,7 x 0,8 (m)	
3	Bể lắng 4 ngăn	Bể	01	Dung tích 4,8 m ³ ; Kích thước: 2 x 2 x 1,2 (m)	

b. Công trình thu gom xử lý nước thải rửa phương tiện xe container

***Nguồn và thành phần:** Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động rửa phương tiện xe container với thành phần đặc trưng gồm chất rắn lơ lửng, dầu mỡ ,...

***Lượng thải:** lượng nước cấp cho hoạt động rửa phương tiện xe container là 2,86 m³/ngày đêm (lượng phát thải thực tế theo tính toán tại bảng 1.6). Theo Nghị định số 80:2014/NĐ-CP, định mức nước thải bằng nước cấp đầu vào và bằng 2,86 m³/ngày đêm.

***Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải rửa phương tiện xe container:**



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải rửa phương tiện xe container

***Thuyết minh sơ đồ, công nghệ:**

+ Nước thải phát sinh tại khu vực rửa các phương tiện xe container sẽ theo đường ống dẫn D110 vào bể lắng 4 ngăn tại khu vực rửa phương tiện xe container để xử lý.

+ Nguyên lý hoạt động của bể lắng 4 ngăn: Đầu tiên nước thải theo rãnh thu dẫn vào ngăn thứ nhất của bể, tại đây có lưới chắn rác để giữ lại rác có kích thước lớn, tại ngăn thứ 2 bố trí tấm thấm dầu để giữ lại các váng dầu mỡ nổi lên trên mặt, phần nước trong không nhiễm dầu tiếp tục chảy tràn lần lượt qua các ngăn 3, 4 để lắng cặn chất rắn lơ lửng.

+ Phần nước trong sau khi qua ngăn 4 được theo ống D90 chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Định kỳ, Công ty thuê đơn vị chức năng nạo vét bùn thải tại các rãnh thu, bể lắng 4 ngăn (định kỳ 1 tháng/lần) và thay thế gói thấm dầu để xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh của Cảng.

+ Nước thải từ quá trình rửa các phương tiện xe container cùng với nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại HTXLNT tập trung công suất 25 m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT sẽ theo ống dẫn PVC D76 và qua cống bê tông đúc sẵn D800 xả vào sông Bạch Đằng.

***Thông số kỹ thuật của bể lắng 4 ngăn:**

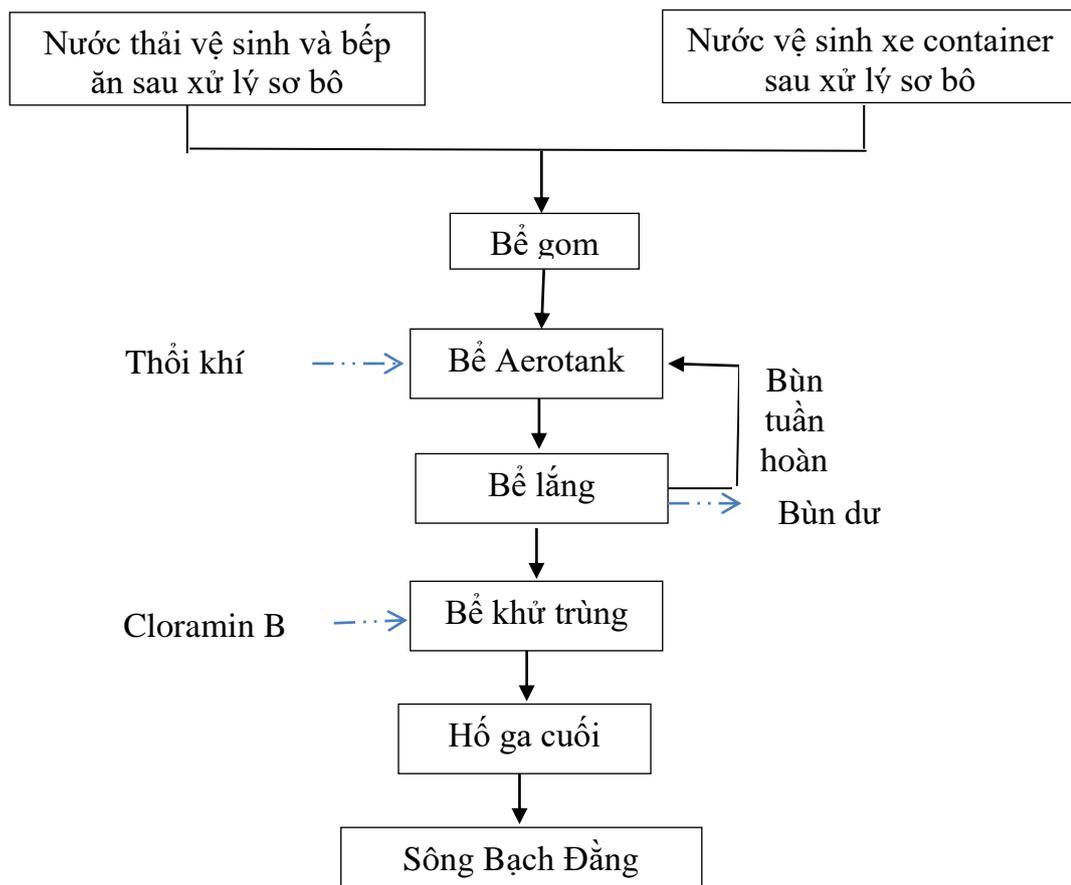
Stt	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng	Kích thước (dài x rộng x sâu)	Ghi chú
1	Bể lắng 4 ngăn tại khu	Bể	01	Dung tích chứa là 8 m ³ ; Kích thước: 7,46 x 2 x 1,1 (m) gồm 4 ngăn:	Bể được xây dựng với kết cấu bê tông

vực rửa phương tiện xe container			<ul style="list-style-type: none"> - Ngăn 1 dung tích chứa 2,112 m³ kích thước 0,96 x 2 x 1,1 (m) - Ngăn 2 dung tích chứa 1,991 m³ kích thước 0,9 x 2 x 1,1 (m) - Ngăn 3 dung tích chứa 1,991 m³ kích thước 0,9 x 2 x 1,1 (m) - Ngăn 4 dung tích chứa 2,112 m³ kích thước 0,96 x 2 x 1,1 (m) 	cốt thép đáy dày 150mm; mac 200; trát vữa dày 1,5 cm; bê tông lót đáy dày 100mm; mac 100; thành bể xây gạch đặc 200mm, trát vữa dày 1 cm
----------------------------------	--	--	--	--

c. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày đêm:

***Thu gom sơ bộ:** Nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà ăn sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ 2 ngăn tiếp tục qua bể lắng 4 ngăn tại khu vực nhà ăn ca cùng với nước thải từ quá trình rửa các phương tiện xe container sau khi được xử lý tại bể tách dầu khu vực rửa container và đầu nối vào công trình xử lý bậc 2: hệ thống xử lý nước thải tập trung với công nghệ sinh học để xử lý chất hữu cơ, chất vô cơ, chất dinh dưỡng kết hợp lắng, lọc, khử trùng để xử lý vi sinh vật gây bệnh trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung

***Thuyết minh công nghệ:**

+ **Bể gom:** Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn thu gom xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ 2 ngăn và bể lắng 4 ngăn khu vực nhà ăn cùng với nước thải từ quá trình rửa các phương tiện xe container sau khi được xử lý tại bể

tách dầu khu vực rửa phương tiện xe container được thu gom vào bể gom trước khi theo đường ống D100 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Tại bể gom nước thải được ổn định lưu lượng, các chất ô nhiễm cũng như độ pH. Sau đó nước thải từ bể gom được bơm tự động sang bể aerotank của thiết bị xử lý hợp khối.

+ **Bể Aerotank:** Nước được xử lý qua 2 bước. Bước 1 là quá trình nitrat hoá nhằm khử một phần hàm lượng chất nitơ, phot pho. Sau đó nước thải được cấp không khí để các vi sinh vật hiếu khí hoạt động chuyển hoá NH_4^+ sang dạng NO_2^- và NO_3^- . Quá trình xử lý vi sinh sẽ xử lý thành phần hữu cơ ô nhiễm làm giảm nồng độ BOD, COD trong nước thải.

+ **Bể lắng:** Sau khi nước thải được trải qua quá trình hình thành các cặn bông lơ lửng trong bể Aerotank sẽ tiếp tục được đưa sang bể lắng nhằm tách bùn cặn khỏi nước. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 3h để các hạt bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ lắng xuống đáy bể; Phần nước trong được dẫn sang bể khử trùng; Một phần bùn lắng được bơm hồi về Aerotank để bù đắp lại sự thiếu hụt của bùn hoạt tính trong bể, nâng cao khả năng xử lý nước thải của hệ thống; Phần bùn dư định kỳ sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ **Bể khử trùng:** Sau khi nước thải được trải qua quá trình lắng chảy sang bể khử trùng. Tại đây vẫn còn khả năng tồn tại vi sinh vật trong nước thải. Vì vậy, Công ty tiến hành bổ sung hoá chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật này.

+ **Xả thải:** Nước thải sau quá trình khử trùng đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp được theo đường ống dẫn PVC D76 và qua cống bê tông đúc sẵn D800 xả vào sông Bạch Đằng.

****Chất lượng nước thải sau xử lý:***

- Nước thải sau quá trình khử trùng đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp được theo đường ống dẫn PVC D76 và qua cống BT đúc sẵn D800 xả vào sông Bạch Đằng.

- Bùn thải tại các bể xử lý sẽ thuê đơn vị có chức năng nạo vét và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

****Hoá chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:*** Hóa chất được khử trùng được sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải là Cloramin B (*dạng hạt 8%*) với lượng dùng khoảng 400g/ngày đêm. Hóa chất này được đựng trong hộp, đậy kín và lưu trữ trong khu vực riêng, được đánh dấu, ghi tên và định lượng hóa chất để thuận tiện trong quá trình sử dụng.

****Thông số kỹ thuật:***

Bảng 3.1. Kích thước các bể trong hệ thống xử lý nước thải tập trung

Stt	Danh mục	Số lượng	Dung tích (m ³)	Dài x rộng x sâu (m)	Kết cấu
1	Bể thu gom	01 bể	9,8	3,4x2,4x1,2	Bể xây bê tông cốt thép, nền láng xi măng chống thấm, tường gạch
2	Bể Aerotank	01 bể	22,2	3,7x2,45x2,45	Thiết bị hợp khối bằng thép
3	Bể lắng	01 bể	3,96	1,35x1,2x2,45	
4	Bể khử trùng	01 bể	2,94	1,0x1,2x2,45	
5	Phòng điều khiển	01 phòng		1,0x2,45	

d. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp được theo đường ống dẫn PVC D76 và qua cống BT đúc sẵn D800 xả vào sông Bạch Đằng.

e. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Điểm xả nước thải: tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra sông Bạch Đằng.

- Toạ độ điểm xả: X = 2304402.607 (m); Y = 607857.637 (m).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Bạch Đằng đoạn chảy qua địa phận phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Toạ độ tiếp nhận nước thải: X = 2304420.223 (m); Y = 607869.017 (m).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3⁰)

Nguồn: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3943/GP-UBND do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/12/2021 (Gia hạn lần thứ nhất)

3.1.3. Nước thải từ tàu (nước dẫn tàu và nước thải từ tàu)

- Tuân thủ quy định hiện hành theo Nghị định số 21:2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 về quản lý Cảng biển và luồng hàng hải - Theo điều 78 nêu rõ "Tàu thuyền khi hoạt động trong cảng phải thực hiện chế độ đổ rác, bơm xả nước bẩn và nước dẫn tàu theo quy định và chỉ dẫn của Cảng vụ Hàng hải và doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ vệ sinh tàu thuyền tại cảng phải bố trí thuận tiện để tiếp nhận rác thải, nước bẩn từ tàu thuyền và được thu phí dịch vụ theo quy định".

- Loại nước thải này không được thu gom, xử lý tại các công trình xử lý nước thải sơ bộ, hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cảng mà Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip đã ký hợp đồng số 43/2024.TK/TT41 ngày 03/01/2024 với Công ty Cổ phần Hoà Anh về việc

thường trực tiếp nhận, thu gom và xử lý chất thải nguy hại từ tàu thuyền tại Cảng Container Vip Green Port.

- Quán triệt chủ tàu tuyệt đối không được xả thải trực tiếp loại nước này xuống sông, biển.

3.2. Công trình, biện pháp lý bụi, khí thải

a. Bụi và khí thải của tàu, thuyền, sà lan cập bến cảng

- Duy trì việc điều phối giao thông tại khu vực cảng hợp lý, không xảy ra tình trạng cùng lúc có quá nhiều phương tiện vận tải neo đậu hoặc bến Cảng.

- Phương tiện phải tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa;

- Tàu thuyền phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm sông của tàu;

- Quy định các tàu ra vào khu vực phải bảo đảm chất lượng khí thải, đáp ứng phụ lục VI của MARPOL. Để đáp ứng yêu cầu này, chủ tàu sẽ phải thay thế loại bỏ dầu đốt có nồng độ sunfua thấp hơn 0,5% hoặc phải lắp đặt thiết bị lọc khí thải cho tàu, khuyến khích các chủ tàu hạn chế vận hành máy móc trong quá trình làm hàng tại cảng khi không cần thiết, sử dụng nhiên liệu sạch và thường xuyên bảo trì máy móc của tàu.

- Cấm đốt rác trên tàu khi hoạt động trên tuyến.

b. Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển hàng hoá thông qua cảng, các thiết bị máy móc làm việc tại cảng

- Phương tiện vận tải chỉ vận chuyển đúng khối lượng hàng hoá cho phép.

- Sử dụng thiết bị bốc xếp, làm hàng hiện đại để giảm thiểu bụi, cũng như tăng cường cơ giới hoá, tự động hoá, giảm lao động thủ công ở những công đoạn có thể phát sinh bụi, khí thải.

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn, cử cán bộ chuyên trách giám sát công tác vệ sinh công nghiệp tại khu vực cầu cảng.

- Phun nước làm ẩm đường nội bộ, sân bãi vào những ngày khô nóng để giảm phát tán bụi tần suất 1-2 lần/ngày.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang,...

- Các phương tiện, thiết bị chuyên tải, chứa dầu sẽ được thường xuyên kiểm tra, bảo trì để tránh rò rỉ, rơi vãi.

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, bảo dưỡng máy móc, thay các chi tiết hỏng...) đăng kiểm đối với các trang thiết bị vận hành trong khu vực cảng theo đúng quy định.

- Quy định tốc độ tối đa cho phép của các xe ra vào khu vực cảng là 10-15km/h

- Chăm sóc hệ thống cây xanh tại cảng, đảm bảo phủ xanh để giảm thiểu bụi phát tán ra bên ngoài, đồng thời tạo thẩm mỹ, cảnh quan môi trường trong khuôn viên của cảng.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

***Nguồn phát sinh:** Loại chất thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Cảng và nhân viên đến làm việc tại khối dịch vụ.

***Thành phần:** chủ yếu là các chất dễ phân huỷ, thành phần chính bao gồm các loại thực phẩm thừa, bao bì giấy vụn, chai lọ,...

***Lượng phát sinh:**

- Tính toán theo lý thuyết: Theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng định mức phát sinh rác thải sinh hoạt là 1,3 kg/ngày.

+ Đối với cán bộ, nhân viên làm việc tại cảng: Tổng số cán bộ công nhân viên làm việc tại Cảng là 172 người, mỗi người làm việc 1 ca, mức thải CTR sinh hoạt là 0,5 kg/người/ca. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh lớn nhất là: 172 người x 0,5 kg/người/ngày = 86 kg/ngày

+ Đối với nhân viên đến làm việc tại khối dịch vụ (phòng thủ tục và đổi lệnh, thực hiện giao dịch) là 100 người, mức phát thải CTR sinh hoạt là 0,2 kg/ngày. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh là: 100 người x 0,2 kg/người/ngày = 20 kg/ngày

=> Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tối đa tại Cảng là 86 kg/ngày + 20 kg/ngày = 106 kg/ngày ≈ 3.180 kg/tháng.

- Theo thống kê khối lượng thực tế, thu gom xử lý năm 2023 của Công ty lượng CTR sinh hoạt phát sinh là: 82,56 kg/ngày đêm ~ 2.476,8 kg/tháng.

***Biện pháp thu gom xử lý:**

- Phân loại rác thải theo Quyết định 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng. Chất thải sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn, sau phân loại phải được lưu chứa trong các thùng riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải hoặc theo các quy định hiện hành của pháp luật.

- Bố trí các thùng chứa 20 lít, 50 lít - 100 lít có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực căng tin, khu vực văn phòng.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cảng thực hiện nghiêm chỉnh nội quy giữ gìn vệ sinh môi trường chung, vứt rác đúng nơi quy định.

- Quy định các vị trí đặt thùng rác - những vị trí dễ thuận tiện, dễ nhìn thấy.

- Hiện tại, Công ty đang chuyển giao chất thải sinh hoạt cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng theo hợp đồng vệ sinh số 28122023/HĐ-DV ngày 28/12/2023.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp

****Nguồn phát sinh và thành phần:***

- Hoạt động sản xuất: Hoạt động lưu chứa hàng hoá tại bãi chứa và hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị hỗ trợ quá trình bốc xếp hàng hoá tại Cảng với thành phần chủ yếu là thùng bìa Carton, gỗ, xốp, phụ kiện, cấu kiện hỏng,...

- Ngoài ra, còn có bùn cặn, bùn thải nạo vét định kỳ tại công trình thoát nước mưa, nước thải.

****Lượng phát sinh:*** Theo báo cáo công tác quản lý môi trường năm 2023 của Cảng Container Vip Green Port, khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 50 kg/tháng ~ 600 kg/năm.

****Biện pháp thu gom xử lý:***

- Toàn bộ chất thải rắn sản xuất được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết vào kho chứa và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng.

- Đối với bùn thải, bùn cặn nạo vét định kỳ tại công trình xử lý nước thải, nước mưa: Công ty thuê đơn vị có chức năng đến nạo vét đồng thời, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Do đó, loại chất thải này không tồn chứa trong kho. Thời điểm nạo vét dự kiến trước thời điểm mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày.

- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Hoà Anh về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường số 42A/2024.TK/XLCTNH ngày 02/01/2024.

****Công trình lưu giữ:*** 01 kho chứa diện tích 16,5 m², khép kín, tường bao quanh bằng vật liệu chống cháy, nền bê tông, mái lợp tôn. Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC.

3.3.3. Chất thải từ tàu thuyền

- Công ty không thu gom, xử lý đối với loại chất thải này. Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc số 20/2023/HĐ-MTĐT ngày 31/12/2023 với Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt từ tàu thuyền trong vùng nước do Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip quản lý.

- Quán triệt chủ tàu tuyệt đối không được xả thải trực tiếp loại chất thải này xuống sông, biển.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

****Nguồn phát sinh và thành phần:***

+ Từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị xếp dỡ, vận chuyển và sửa chữa container: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, mỡ, ốc quy, bao bì dầu mỡ, bộ lọc dầu thải, má phanh thải, dầu thải...

+ Từ hoạt động văn phòng: pin thải, mực in thải.

+ Từ hoạt động chiếu sáng: Bóng đèn huỳnh quang thải.

****Lượng phát sinh:***

Bảng 3.2. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh của Công ty

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	50
2	Pin thải	Rắn	19 06 05	2
3	Mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 01	5
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	500
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	900
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	100
7	Má phanh thải	Rắn	15 01 06	10
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.000
9	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01	10
Tổng				2.577

***Biện pháp thu gom xử lý:**

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng phuy chứa, dung tích từ 200 lít/thùng, có nắp đậy, ghi đầy đủ tên, mã số CTNH; tập kết vào kho chứa và chuyển giao định kỳ cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

- Công ty đã ký hợp đồng 42/2024.TK/XLCT ngày 03/01/2024 với Công ty Cổ phần Hoà Anh về việc thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại.

- Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ chất thải nguy hại, báo cáo quản lý chất thải nguy hại (định kỳ và đột xuất) và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

***Công trình lưu giữ:**

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại, có diện tích 15 m².

- Quy cách bố trí kho: Mặt sàn trong kho bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; thiết kế hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; kho lưu chứa chất thải nguy hại bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại xây dựng:



Hình 3.5. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Hoạt động vận tải

- Sử dụng các phương tiện vận tải hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ các phương tiện để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.

- Quy định tốc độ của các phương tiện ra vào cảng, tuân thủ theo hướng dẫn của đội điều hành.

- Trong trường hợp chờ làm thủ tục xuất/nhập hàng, các phương tiện phải tắt máy để hạn chế tiếng ồn cộng hưởng phát sinh.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cảng để cải thiện chất lượng môi trường không khí (*giảm độ ồn, giảm bụi,...*), góp phần cải thiện vi khí hậu.

b. Hoạt động vận hành của cảng

- Các máy móc, thiết bị bốc dỡ đã được đầu tư hoàn toàn hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo thông số kỹ thuật.

- Đối với công tác quản lý: Chủ dự án đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp quản lý như sau:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.

+ Các phương tiện làm việc trên cảng phải tuân thủ các quy định về vận hành và lịch trình làm việc, hạn chế việc vận hành cùng lúc nhiều phương tiện; các phương tiện chưa có lịch làm việc hoặc chờ hàng phải tiến hành tắt máy.

+ Trong quá trình làm hàng/bốc xếp hàng hóa, các phương tiện tàu thuyền cập cảng phải tuân thủ các quy định của cảng và hướng dẫn của người điều hành cảng.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại cảng.

+ Quy hoạch khu vực trồng cây xanh nhằm hạn chế tiếng ồn, phát sinh.

+ Công nhân vận hành và thuyền viên đi lại trong khu vực hoạt động phải tuân thủ đúng theo chỉ dẫn, hướng dẫn và quy định trong Cảng.

c. Hoạt động của xe nâng hỗ trợ bốc xếp hàng hóa

- Đầu tư xe nâng hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ.

- Thường xuyên bảo dưỡng, tra dầu mỡ động cơ xe nâng để phát hiện hỏng hóc và có phương án thay thế kịp thời.

- Trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, quần áo, mũ bảo hộ...

d. Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe nâng, container

- Khu vực sửa chữa, bảo dưỡng được thiết kế thông thoáng.

- Đầu tư máy móc, thiết bị hỗ trợ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng hiện đại, có nguồn gốc rõ ràng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại đây.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Công tác phòng chống cháy nổ

**Công ty đã được cấp các giấy chứng nhận về PCCC:*

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 79/TD-PCCC ngày 11/5/2015 cấp cho công trình Cảng Container Vip Green port.

- Văn bản nghiệm thu về PCCC số 132/CSPCCC-HDPC ngày 07/11/2015 của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng với hạng mục công trình Cảng Container Vip Green port - giai đoạn 1.

- Văn bản nghiệm thu về PCCC số 47/CSPCCC-HDPC ngày 21/3/2016 của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng với hạng mục công trình Cảng Container Vip Green port - giai đoạn 2.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 192/TD-PCCC của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/9/2016 đối với hạng mục trạm cấp dầu nội bộ.

- Văn bản nghiệm thu số 10/NT-PC07 ngày 11/01/2019 của phòng cảnh sát PCCC và CNCH đối với hạng mục trạm cấp dầu nội bộ.

- Công tác PCCC tuân thủ theo Nghị định số 83:2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC và chữa cháy. Cụ thể như sau:

**Bố trí nhân lực:* Công ty cử cán bộ phụ trách về vấn đề PCCC. Đồng thời, Công ty sẽ kết hợp với công an PCCC thành phố Hải Phòng tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, công nhân viên của Cảng những kiến thức về PCCC; hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị PCCC tại chỗ.

**Bố trí phương tiện PCCC:*

- Việc bố trí các phương tiện PCCC sẽ tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về phòng chống cháy nổ và được cơ quan cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng xem xét, quyết định thẩm duyệt.

- Công ty đã tiến hành lập phương án PCCC theo đúng quy định hướng dẫn của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCCC số 40/2013/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 22/11/2013.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống PCCC các loại:

+ Trang bị 01 tủ trung tâm báo cháy gồm 05 kênh (được đặt tại khu vực phòng bảo vệ) gồm 04 tổ hợp nút ấn, chuông đèn và đầu báo cháy các loại đặt tại khu vực phòng bảo vệ và 03 trạm biến áp.

+ Trang bị hệ thống chữa cháy bằng nước gồm: 01 máy bơm điện có công suất 22,5kW, 01 máy bơm bù áp chữa cháy, 01 bình tích áp dung tích 200 lít, 01 tủ điều khiển bơm chữa cháy, 19 trụ nước chữa cháy 02 ngả D65, 02 trụ tiếp nước từ xe chữa cháy, 19 hộp chữa cháy ngoài nhà, 38 bộ vòi và lăng chữa cháy D65, 01 hệ thống cấp nước và phụ kiện, 01 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC.

+ Phương tiện chữa cháy xách tay: Cảng đã trang bị 40 bình chữa cháy MFZ4 ABC, 47 bình chữa cháy MT3, 03 bình chữa cháy xe đẩy MFZT35 được bố trí phân tán tại các khu vực của Công ty.

- Định kỳ, tổ chức tập huấn cho công nhân của Công ty về khả năng ứng phó, xử lý nhanh các tình huống tai nạn và sử dụng thuần thục trang thiết bị cứu hoả, cứu hộ.

- Phối hợp cùng với các cơ quan chức năng lập phương án phòng chống, ứng cứu sự cố, giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện vận chuyển ...

- Thường xuyên quét dọn nhà kho, vệ sinh máy móc, thiết bị.

**Niêm yết danh sách và số điện thoại khẩn cấp của đơn vị PCCC tại địa phương và Sở PCCC Hải Phòng tại các vị trí có nguy cơ cháy nổ cao để liên hệ ứng cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.*

b. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

**Biện pháp đảm bảo an toàn lao động chung:*

- Quy định địa điểm xếp dỡ hàng phải đủ rộng, gọn gàng, bằng phẳng, không có vật chướng ngại, phải có đủ ánh sáng hợp lý.

- Căn cứ vào tính chất hàng hóa phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, công cụ xếp dỡ, dụng cụ phòng hộ đúng chủng loại và bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, phải thường xuyên kiểm tra an toàn các loại phương tiện và dụng cụ đó.

- Tất cả công nhân tham gia vận hành máy móc thiết bị tại Cảng đều được tập huấn về an toàn lao động và thường xuyên chấp hành quy phạm an toàn lao động của công nhân. Công nhân xếp dỡ phải sử dụng đầy đủ những trang thiết bị phòng hộ được cấp và tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của cán bộ chỉ đạo về kỹ thuật và các ký hiệu hàng hóa.

- Xây dựng các nội quy về vệ sinh, an toàn lao động: Nội quy ra vào Cảng, nội quy về trang phục bảo hộ lao động, về sử dụng các thiết bị, về sử dụng điện an toàn và nội quy về an toàn giao thông. Trường hợp phát hiện dây điện đứt, hở mạch trong quá trình xếp dỡ phải báo ngay cho cấp trên và người có trách nhiệm biết để có biện pháp giải quyết, cấm mọi người tự động chạm vào dây điện.

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức cho cán bộ công nhân viên về môi trường và an toàn lao động. Không được uống bia, rượu trước và trong khi sản xuất. Không hút thuốc ở ngoài bãi, dưới hầm tàu, sà lan ... đặc biệt ở những nơi xếp dỡ những loại hàng hóa dễ cháy ...

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân như quần áo, mũ bảo hiểm, khẩu trang, găng tay, ủng chuyên dụng.

- Đảm bảo 100% công nhân và nhân viên của Công ty có bảo hiểm y tế.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Tổ chức các đợt nghỉ ngơi, điều dưỡng và thực hiện các chế độ bồi dưỡng cho công nhân theo quy định của luật lao động.

****Đối với các thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động bốc xếp hàng hóa tại cảng:***

- Đối với trang thiết bị máy móc như cần trục, xe nâng... chỉ cho các công nhân có bằng lái điều khiển phù hợp với từng thiết bị.

- Các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị được kiểm tra trước khi đưa thiết bị vào hoạt động.

- Các máy móc làm việc phải được định kỳ kiểm tra để đảm bảo an toàn.

c. Phòng chống thiên tai, xói lở, nước biển dâng

****Phòng chống thiên tai***

- Khu vực nhà xưởng, sân, bãi được nâng cao cốt nền với khu vực xung quanh, xây dựng hệ thống thoát nước tốt, đảm bảo thoát nước nhanh khi có mưa lớn. Trong trường hợp xảy ra các sự cố, Công ty sẽ dừng toàn bộ các hoạt động xuất, nhập, bốc xếp hàng hoá để tránh các thiệt hại về người và tài sản.

- Các hệ thống máy móc được gia cố hệ thống đỡ vững chắc và được tiếp đất 100% theo quy định để phòng ngừa sự cố gió bão gây hư hỏng các thiết bị.

- Thành lập đội xung kích thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Trước khi có bão, tổ chức kiểm tra độ an toàn của các công trình trên cảng: chằng, chống, che phủ các công trình bán kiên cố, đảm bảo không bị gió lớn xô đẩy.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện những vị trí xung yếu ở phần cầu cảng, hệ thống đường ống công nghệ, đặc biệt trước mùa mưa bão để gia cố kịp thời.

- Tổ chức cho đội cứu hộ luyện tập thành thạo các tình huống chuẩn bị và xử lý sự cố như đối với công tác phòng cháy chữa cháy.

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết, Giám đốc Công ty có kế hoạch ứng phó khi có bão:

+ Phân công tổ chức bộ phận phòng chống thiên tai theo nguyên tắc tại chỗ.

+ Phân công một lãnh đạo Công ty đảm nhiệm công tác phòng chống thiên tai.

+ Bố trí trực bão 24/24.

+ Di chuyển thiết bị vào nơi an toàn khi cần thiết.

+ Trang bị áo phao và các dụng cụ khác cho đội phòng chống.

- Khi có bão lũ xảy ra:

+ Triển khai biện pháp ứng phó thiên tai theo kế hoạch phòng, chống thiên tai của công ty.

+ Tổ chức trực canh, phân công lực lượng xung kích thường trực phòng, chống thiên tai tại các khu vực do cơ quan đơn vị quản lý; duy trì thông tin liên lạc, hỗ trợ y tế và các công việc liên quan khác.

+ Theo dõi dự báo diễn biến của thiên tai và khả năng chống chịu thiên tai của công trình, máy móc, thiết bị, triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai theo quy định.

+ Khi gió bão từ cấp 8 trở lên, tất cả các tàu sẽ phải rời khỏi bến (*không được neo đậu tại bến*).

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, vượt quá khả năng nhân lực, vật tư, trang thiết bị của đơn vị phải nhanh chóng báo cáo cấp trên chỉ đạo việc huy động và thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để được chi viện, hỗ trợ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Huy động ngay lực lượng xung kích, các trang thiết bị, phương tiện vận tải để triển khai cứu người, tài sản, phương tiện, công trình nơi xảy ra thiên tai.

****Phòng chống sự cố xói lở***

+ Phần cầu cảng được thiết kế với hệ thống móng cọc vững chắc, để chống các hoạt động xói mòn, rửa trôi phần chân móng từ phía trong bờ ra sông. Thực hiện giám sát kỹ thuật định kỳ để phát hiện sớm những biểu hiện về mất ổn định công trình như nứt chân

móng, cầu tàu,... do lún không đều hoặc các biểu hiện về sụt chân móng sâu do các hoạt động xói ngầm, rửa trôi và các hoạt động xâm thực của dòng chảy.

+ Thường xuyên kiểm tra, phát hiện những vị trí xung yếu ở phần cầu tàu, các phần bờ ở thượng lưu, hạ lưu,... để gia cố kịp thời. Đặc biệt trước mùa mưa bão sẽ tổ chức kiểm tra độ an toàn của cầu tàu.

***Giảm thiểu sự cố biến đổi khí hậu nước biển dâng:** Căn cứ theo hồ sơ thiết kế của dự án, cao trình đỉnh bến mà chủ dự án lựa chọn đạt + 5,5 m (Hải đồ) được tính toán đảm bảo theo tiêu chuẩn 22 TCN 207-92 và có tính đến mực nước dâng do biến đổi khí hậu. Việc lựa chọn cao trình này là phù hợp và góp phần giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu nước biển dâng.

d. Sự cố tràn dầu

****Phương án quản lý chung:***

- Cảng đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 và đã cập nhật bổ sung KHUPSCTD tháng 10/2023.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng ứng trực sự cố. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt Nam về việc Ứng phó sự cố tràn dầu theo hợp đồng dịch vụ số 270/2024/UPTD-NHDV ngày 01/01/2024.

- Niêm yết số điện thoại, tên các đơn vị ứng trực ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Lập đội ứng trực sẵn sàng khắc phục sự cố.

- Thực hiện đúng các quy trình vận hành, đầu tư trang thiết bị cần thiết để đảm bảo an toàn cho con người và môi trường.

- Tận dụng mọi nguồn nhân lực, phương tiện sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

- Mục tiêu của kế hoạch là chuẩn bị các hoạt động đối phó với các tai nạn khẩn cấp trong khi vận hành cảng đối với cả khu vực vận hành cảng và các khu vực bên luồng. Các nội dung của kế hoạch là:

+ Xác định các khu vực nhạy cảm tràn dầu trong khu vực và vùng lân cận. Phân loại và xác định tất cả các tai nạn có thể xảy ra khi vận hành như: cháy, nổ, tràn dầu do va chạm tàu thuyền...

+ Xây dựng, tính toán mô phỏng các sự cố tràn dầu để có thể lường trước mức độ nghiêm trọng khi sự cố xảy ra để có các phương án khắc phục sự cố.

+ Kế hoạch phòng chống sự cố cần phải chuẩn bị cho cảng, đồng thời thông báo cho nhà chức trách và các cơ quan chịu trách nhiệm.

+ Thiết lập các đội phản ứng nhanh, thường xuyên tổ chức diễn tập sẵn sàng ứng phó sự cố.

***Phương án xử lý sự cố của tàu:**

- Trong Kế hoạch quy định rằng thuyền trưởng hoặc cán bộ trực ca phải báo cáo ngay lập tức khi sự cố ô nhiễm dầu xảy ra tức thời hoặc dự kiến khả năng xảy ra sự cố ô nhiễm dầu cho các cơ quan quản lý chuyên ngành nơi gần nhất trước khi tiến hành các hoạt động nhằm hạn chế sự cố tràn dầu ra môi trường;

- Kết hợp với các cơ quan chuyên môn để phòng ngừa và khắc phục hậu quả của sự cố. Ghi nhận đầy đủ thông tin về sự cố tràn dầu trên phương tiện để báo cho các cơ quan chức năng.

- Người phát hiện sự cố cần đóng ngay vòi hoặc van dầu để cắt nguồn sự cố. Tìm và sửa chữa tạm thời các vết nứt trên tàu, thùng chứa.

- Khi sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng cứu tại chỗ của Công ty, Công ty phải thông báo cho Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Miền Bắc; Cảng vụ Hải Phòng; Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn; Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố; Các đơn vị ứng cứu chuyên nghiệp để tham gia hỗ trợ.

- Sau khi xử lý sự cố, thực hiện các hoạt động quản lý dầu và rác thải dầu thu hồi: Thuê đơn vị có chức năng thu gom dầu thải và rác thải lẫn dầu đưa đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Trường hợp dầu tràn trôi dạt vào bãi thì coi cát lẫn dầu cũng là chất thải nguy hại, thu gom và quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

- Phân định, quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xảy ra sự cố:

+ Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip có trách nhiệm tổ chức ứng phó các sự cố tràn dầu xảy ra trong phạm vi cảng của công ty.

+ Bên gây sự cố phải chịu trách nhiệm đối với sự cố tràn dầu; phải chủ động, tích cực huy động nguồn lực ứng phó kịp thời khi sự cố xảy ra và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố tràn dầu gây nên.

- Thực hiện các biện pháp PCCC khi có sự cố cháy xảy ra do tràn dầu.

e. Biện pháp phòng chống, ứng phó với các sự cố va chạm, đâm tàu

- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các nguyên tắc an toàn đường biển, thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn tại các tàu thuyền cập cảng.

- Thường xuyên nạo vét, duy tu khu nước trước bến đảm bảo độ rộng, độ sâu cho tàu thuyền ra vào làm hàng.

- Tàu ra vào cập bến phải thông báo lịch trình cho cảng trước 48 giờ.

- Tàu thuyền ra vào cập bến, làm hàng phải có phương án đảm bảo an toàn hàng hải được phê duyệt.

- Quá trình thao tác tại bến cảng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, hướng dẫn của cảng.

f. Giảm thiểu sự cố cần trực

Thường xuyên tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống máy móc, cần trực đảm bảo phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

g. Sự cố đối với container chứa hàng lạnh:

Khu vực bãi xếp container lạnh của Cảng có diện tích 8.176 m². Container lạnh được làm lạnh gián tiếp qua quạt lạnh được thiết kế theo cấu trúc khép kín với dải nhiệt độ từ -30°C đến 30°C có thể dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ theo nhu cầu một cách tự động thông qua bảng điều khiển. Điều chỉnh nhiệt độ theo từng loại mặt hàng vận chuyển tùy theo thông tin nhiệt độ được cung cấp.

Việc cập nhật nhiệt độ rất quan trọng nếu không đúng theo yêu cầu kỹ thuật, nhẹ sẽ làm giảm chất lượng hàng hóa, nặng thì bị hư hỏng.

Chính vì vậy phải đảm bảo hệ thống điện cung cấp cho container luôn giữ được mức độ nhiệt như yêu cầu.

h. Giảm thiểu sự cố ngộ độc thực phẩm

Sự cố ngộ độc sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cũng như tính mạng của công nhân lao động. Công ty sẽ thực hiện lựa chọn các nhà thầu cung ứng thực phẩm phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, được các cơ quan chức năng nhà nước có đủ thẩm quyền cấp phép hoạt động.

****Các điều kiện bắt buộc đối với nhà ăn:***

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng nước sạch để chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn quy định.

- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.

- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.

- Tại khu vực nhà bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ. Thực phẩm khi mua được chọn những loại tươi, ngon và được cung cấp từ những địa chỉ an toàn, có chất lượng, được chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy trình chế biến đảm bảo đúng hướng dẫn của ngành y tế.

- Đội ngũ nhân viên nhà bếp sẽ luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ khi chế biến thực phẩm và được tham gia đầy đủ các lớp nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm khi ngành y tế tổ chức.

- Công ty: thành lập bộ phận y tế (từ 2 - 3 người) với tủ thuốc thường trực được lắp đặt ở các nhà xưởng sẵn sàng sơ cứu những trường hợp cán bộ công nhân viên khi bị mắc những bệnh thông thường như đau đầu, đau bụng...

***Trong trường hợp xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm:**

- Trường hợp dưới 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Bộ phận y tế của dự án sẽ tiến hành sơ cứu, tìm hiểu nguyên nhân. Đối với bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

- Trường hợp trên 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Khi các công nhân có các triệu chứng ngộ độc thực phẩm như: đau bụng, đau đầu, buồn nôn, đi ngoài. Bộ phận y tế sẽ phối hợp với các phòng ban chức năng khác của Công ty khẩn trương thành lập bệnh viện dã chiến, khu vực khám phân loại bệnh nhân.

+ Đối với các bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Đối với các bệnh nhân còn lại, tổ chức điều trị tại Công ty.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.3. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

Stt	Danh mục	ĐTM đã duyệt	Đề xuất cấp phép	Ghi chú
1	Trạm cấp dầu nội bộ	Không	Diện tích 92m ² gồm 01 cột bơm dầu, 01 bể chứa dung tích 25 m ³	Để cấp dầu cho các phương tiện nội bộ của Cảng như các xe đầu kéo rơ moóc và xe nâng. Trạm cấp dầu nội bộ đã được UBND quận Hải An cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 1193/GXN-UBND ngày 12/7/2017 (diện tích 92m ² gồm 01 cột bơm dầu, 01 bể chứa dung tích 25 m ³)
2	Bể lắng 4 ngăn	Không	Bố trí tại khu vực nhà ăn ca, dung tích 4,8m ³	Để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn ca, nhà văn phòng và nhà bếp
3	Bể tách dầu nước rửa xe container	01 bể lắng 02 ngăn dung tích 8,3 m ³	01 bể lắng 04 ngăn dung tích 8 m ³ , kích thước 2 x 2 x 1 (m)	Để tăng cường hiệu quả xử lý nước rửa xe container (xây 2 ngăn thành 4 ngăn)
4	Hệ thống	- Công suất: 25	- Công suất: 25	Dung tích của các bể thay đổi

xử lý nước thải tập trung	m ³ /ngày đêm - Dung tích các ngăn + Ngăn chứa: dung tích 9m ³ + Ngăn khử Nitrat hoá dung tích 8m ³ + Ngăn Nitrat hoá: dung tích 8m ³ + Ngăn lắng: dung tích 14m ³ + Ngăn khử trùng: dung tích 0,5m ³	m ³ /ngày đêm - Dung tích các bể + Bể gom: dung tích 9m ³ + Ngăn xử lý vi sinh dung tích 22,2m ³ + Ngăn lắng: dung tích 3,96m ³ + Ngăn khử trùng: dung tích 2,94m ³	nhưng vẫn đảm bảo được công suất và hiệu quả xử lý
---------------------------------	--	---	---

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên và khách đến làm việc tại Cảng.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ bếp ăn.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện xe container.

4.1.2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày đêm được xả vào sông Bạch Đằng.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Bạch Đằng, đoạn chảy qua phường Đông Hải 2, quận Hải An.

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra Sông Bạch Đằng có toạ độ X = 2304402.607 (m); Y = 607857.637 (m) (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3⁰).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: xả liên tục.

- Chất lượng nước thải: nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, k_f=1,2; k_q=0,9) cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) k _f =1,2; k _q =0,9	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2, 4 Điều 97 Nghị định
2	COD	mg/l	162		
3	BOD ₅	mg/l	54		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108		
5	Asen	mg/l	0,108		
6	Thủy ngân	mg/l	0,0108		
7	Chì	mg/l	0,54		
8	Cadimin	mg/l	0,108		
9	Đồng	-	2,16		

10	Kẽm	mg/l	3,24	10/01/2022 của Chính phủ)	số 08/2022/NĐ -CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
11	Sắt	mg/l	5,4		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
13	Florua	mg/l	5,4		
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8		
15	Tổng Nito	mg/l	43,2		
16	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48		
17	Clo dư	mg/l	2,16		
18	Colifrom	MPN/10 0ml	5.000		

Nguồn: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3943/GP-UBND do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/12/2021 (Gia hạn lần thứ nhất).

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nước thải

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01, nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và nước thải phát sinh tại nhà ăn được xử lý tại bể tách mỡ 2 ngăn sẽ theo đường ống dẫn D110 chảy về bể lắng 4 ngăn tại khu vực nhà ăn ca để tiếp tục xử lý trước khi theo đường ống dẫn D90 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý. Nước sau xử lý theo đường ống dẫn PVC D76 vào cống thoát BTCT D800 rồi xả ra sông Bạch Đằng.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa các phương tiện xe container được thu gom và xử lý tại bể tách dầu 4 ngăn dung tích 8m³. Nước sau xử lý theo đường ống dẫn D90 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³ ngày đêm để tiếp tục xử lý. Nước sau xử lý theo đường ống dẫn PVC D76 vào cống thoát BTCT D800 rồi xả ra sông Bạch Đằng.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01, nguồn số 02: (Nước thải khu vệ sinh → bể tự hoại) + (Nước thải nhà ăn → bể tách mỡ) → bể lắng 4 ngăn khu vực nhà ăn ca → hệ thống xử lý nước thải 25 m³/ngày đêm (gồm: bể thu gom → Ngăn xử lý vi sinh → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng) → Sông Bạch Đằng.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa các phương tiện xe container → bể tách dầu 4 ngăn khu vực rửa xe → hệ thống xử lý nước thải 25 m³/ngày đêm (gồm: bể thu gom → Ngăn xử lý vi sinh → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng) → Sông Bạch Đằng.

- Công suất thiết kế:

+ 03 bể tự hoại tổng dung tích 35,1 m³(01 bể dung tích 7,7 m³; 01 bể dung tích 12 m³; 01 bể dung tích 15,4 m³);

+ 01 bể tách mỡ tại nhà ăn, dung tích 0,5 m³;

+ 01 bể lắng 4 ngăn khu vực nhà ăn ca dung tích 4,8 m³;

+ 01 bể tách dầu khu vực rửa xe dung tích 8 m³.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 25 m³/ngày đêm gồm: bể gom dung tích 9 m³, ngăn xử lý vi sinh dung tích 22,2 m³, ngăn lắng dung tích 3,96 m³, ngăn khử trùng dung tích 2,94 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm); tấm thấm dầu.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải: Không

4.2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với môi trường không khí

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện, thiết bị chuyển tải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân làm việc như: khẩu trang, quần áo.. và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động.

- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió để đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Xe chở hàng hóa, sản phẩm ra vào công ty đúng trọng tải quy định.

- Lắp đặt các van đạt tiêu chuẩn để tránh rò rỉ dầu mỗi khi nhập dầu và thường xuyên bảo dưỡng hệ thống van, thay thế định kỳ các van, đường ống xuống cấp hoặc khi thấy có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho quá trình hoạt động.

- Các thiết bị bơm dầu sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu.

- Các bể chứa dầu được lắp các van thở có bình ngăn tia lửa và có thông số kỹ thuật phù hợp với dung tích bể, với công suất máy bơm để hạn chế tối đa lượng hóa chất bốc hơi vào không khí.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nội dung về cấp phép tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cổng chính ra vào Cảng;
- Nguồn số 02: Khu vực cầu cảng;
- Nguồn số 03: Khu vực bãi container;
- Nguồn số 04: Khu vực xưởng sửa chữa.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 2304047, Y = 607822;
- Nguồn số 02 có tọa độ: X = 2304331, Y = 608016;
- Nguồn số 03 có tọa độ: X = 2304223, Y = 607873;
- Nguồn số 04 có tọa độ: X = 2304256, Y = 607773;

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

c. **Kiểm soát tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

+ Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	75	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị hoạt động.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ, bịt tai... để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến cán bộ công nhân viên.

- Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	50
2	Pin thải	Rắn	19 06 05	2
3	Mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 01	5
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	500
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	900
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	100
7	Má phanh thải	Rắn	15 01 06	10
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.000
9	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01	10
Tổng				2.577

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

+ Chủng loại: thùng bìa Carton, gỗ, xốp, phụ kiện, cấu kiện hỏng,...

+ Khối lượng dự báo: 50kg/tháng ~ 600 kg/năm

- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh:

+ Chủng loại: chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giấy, bọc nylon, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống,...

+ Khối lượng dự báo: 82,56 kg/ngày đêm ~ 2.476 kg/tháng (theo thống kê khối lượng thực tế thu gom, xử lý năm 2023 của Công ty).

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

****Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:***

- Bao bì, dụng cụ lưu chứa: Bố trí thùng chứa dung tích 100-200 lít có nắp đậy tương ứng với các mã CTNH phát sinh đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 01 kho, diện tích 15 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có rãnh và hố thu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

****Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:***

+ Bao bì, dụng cụ lưu chứa: không.

+ Kho lưu chứa: 01 kho, diện tích 16,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa khép kín, có mái che cho toàn bộ khu vực lưu giữ, được trang bị đầy đủ các tiêu lệnh và các thiết bị PCCC theo đúng quy định.

****Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:***

+ Bao bì, dụng cụ lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy, dung tích 20 lít; 50-100 lít bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường.

+ Kho lưu chứa: không.

4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống thu thoát nước mưa, nước thải: bố trí bộ phận kỹ thuật thường xuyên kiểm tra đảm bảo đường ống thu gom không bị nứt

vỡ, rò rỉ, trường hợp phát hiện sự cố nứt vỡ, rò rỉ lập tức dùng van khóa nước trong thời gian để khắc phục; thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn, bùn thải tại công trình thoát nước mưa, bể tự hoại, bể gom (có lưới tách rác).

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC chuyên ngành, trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện PCCC tại Cảng.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu: Công ty đã xây dựng sự cố nhân sự và các trang thiết bị (ký hợp đồng với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt Nam về việc Ứng phó sự cố tràn dầu) cần thiết cho việc ứng cứu tràn dầu.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện trách nhiệm và phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip đã chấp hành nghiêm chỉnh nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp. Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty đã tiến hành phối hợp với Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải Quân để lấy mẫu, phân tích và đánh giá chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận. Chương trình quan trắc môi trường nước thải tại Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip được thực hiện trong năm 2022, 2023 cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải

Stt	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc		Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
					Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước thải	NT	Năm 2022	Đợt 1: 16/03/2022	2304402	607857	Nước thải tại cửa xả cuối
				Đợt 2: 06/6/2022			
				Đợt 3: 08/09/2022			
				Đợt 4: 22/11/2022			
			Năm 2023	Đợt 1: 07/03/2023			
				Đợt 2: 09/06/2023			
				Đợt 3: 13/09/2023			
				Đợt 4: 23/11/2023			

a. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Công ty năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
			16/03/2022	06/06/2022	08/09/2022	22/11/2022	
1	pH	-	7,19	7,58	7,45	7,39	5,5-9
2	COD	mg/l	42	46	38	96	50
3	BOD ₅	mg/l	28	22	20	22	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	35	37	35	39	100
5	Asen	mg/l	0,0028	0,0025	0,0023	0,0021	0,1
6	Thủy ngân	mg/l	0,0011	0,0011	0,0012	0,0011	0,01
7	Chì	mg/l	0,0133	0,0123	0,0138	0,0118	0,5
8	Cadimin	mg/l	0,0023	0,002	0,0020	0,0021	0,1
9	Đồng	mg/l	0,05	0,053	0,047	0,033	2
10	Kẽm	mg/l	0,184	0,230	0,21	0,47	3
11	Sắt	mg/l	0,36	0,46	0,34	0,224	5
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,3	0,3	<0,3	2,7	10
13	Florua	mg/l	2,14	2,51	2,03	1,87	10
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	1,86	1,62	0,16	8,2	10
15	Tổng Nito	mg/l	3,6	3,0	0,28	32,7	40
16	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,86	0,92	0,54	2,54	6
17	Clo dư	mg/l	0,05	0,05	0,07	0,12	2
18	Colifrom	MPN/100ml	2.500	2.200	1.800	2.300	5.000

b. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải của Công ty năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
			07/03/2023	09/06/2023	13/09/2023	23/11/2023	
1	pH	-	7,48	7,62	7,10	7,6	5,5-9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Cảng Container Vip Green Port”

2	COD	mg/l	47	37	22	12	50
3	BOD ₅	mg/l	25	20	12	25	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	37	35	23	30	100
5	Asen	mg/l	0,0011	0,0029	0,0013	0,0019	0,1
6	Thuỷ ngân	mg/l	<0,0009	0,0018	<0,0009	<0,0009	0,01
7	Chì	mg/l	<0,00077	0,0149	0,0014	0,0019	0,5
8	Cadimin	mg/l	<0,00027	0,0032	<0,00027	<0,00027	0,1
9	Đồng	mg/l	0,0097	0,092	0,0196	0,0192	2
10	Kẽm	mg/l	0,048	0,259	0,0599	0,0259	3
11	Sắt	mg/l	1,5	0,16	4,83	3,56	5
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,4	0,5	0,3	0,3	10
13	Florua	mg/l	0,023	0,281	0,359	0,254	10
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,03	9,54	7,38	8,14	10
15	Tổng Nito	mg/l	5,91	24,1	11,97	14,6	40
16	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,21	0,97	0,71	1,04	6
17	Clo dư	mg/l	0,08	0,06	0,13	0,05	2
18	Colifrom	MPN/100ml	3.200	2.500	1.700	1.800	5.000

c. Tiêu chuẩn so sánh

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. **Cột B:** Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

d. Nhận xét chung

Quá trình lấy mẫu tại thời điểm hoạt động của Công ty diễn ra bình thường. Căn cứ vào kết quả quan trắc và phân tích môi trường nước thải của Công ty cho thấy: Các chỉ tiêu phân tích môi trường nước thải của Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép so với QCVN 40:2011/BTNMT.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến

Stt	Công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến	Thông số
1	Công trình xử lý nước thải	Từ tháng 12/2024-02/2025	+ 03 bể tự hoại tổng dung tích 35,1 m ³ (01 bể dung tích 7,7 m ³ ; 01 bể dung tích 12 m ³ ; 01 bể dung tích 15,4 m ³); + 01 bể tách mỡ tại nhà ăn, dung tích 0,5 m ³ ; + 01 bể lắng 4 ngăn khu vực nhà ăn ca dung tích 4,8 m ³ ; + 01 bể tách dầu khu vực rửa xe dung tích 8 m ³ . + Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 25 m ³ /ngày đêm gồm: bể gom dung tích 9 m ³ , ngăn xử lý vi sinh dung tích 22,2 m ³ , ngăn lắng dung tích 3,96 m ³ , ngăn khử trùng dung tích 2,94 m ³ .

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải

a. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường

b. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

***Vị trí lấy mẫu:**

Bảng 6.2. Vị trí lấy mẫu vận hành thử nghiệm

Stt	Vị trí	Thông số giám sát	Tần suất
1	Nước thải tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.	pH, TSS, BOD ₅ , COD, tổng N, tổng P, Amoni, Florua, Pb, Hg, As, Cd, Cu, Fe, Zn, Clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	01 lần
2	Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi xả ra ngoài môi trường		03 lần liên tiếp

***Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Bảng 6.3. Giới hạn các thông số vận hành thử nghiệm

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) k _f =1,2; k _q =0,9
1	pH	-	5,5-9
2	COD	mg/l	162
3	BOD ₅	mg/l	54
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
5	Asen	mg/l	0,108

6	Thủy ngân	mg/l	0,0108
7	Chì	mg/l	0,54
8	Cadimin	mg/l	0,108
9	Đồng	-	2,16
10	Kẽm	mg/l	3,24
11	Sắt	mg/l	5,4
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
13	Florua	mg/l	5,4
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
15	Tổng Nito	mg/l	43,2
16	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48
17	Clo dư	mg/l	2,16
18	Colifrom	MPN/100ml	5.000

c. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

d. Đơn vị lấy mẫu

- Công ty cam kết ký hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để quan trắc các thông số môi trường của dự án

- Công việc đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải được thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định của pháp luật về môi trường

- Tên cơ quan được thuê thực hiện đo đạc, phân tích về môi trường: Đơn vị được Bộ tài nguyên và Môi trường cấp phép.

+ *Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích:*

Bảng 6.4. Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích

Stt	Thông số	Thiết bị	Tiêu chuẩn áp dụng
1	pH	Máy đo nhanh pH Sension 3	TCVN 6492:1999
2	BOD ₅	Tủ ổn nhiệt BOD, máy đo BOD ₅	TCVN 6001-1:2008
3	TSS	Cân phân tích, tủ sấy, giấy lọc	TCVN 6625:2000
4	Sunfua	Máy quang phổ UV-VIS	TCVN 6637:2000
5	Amoni	bếp điện, buret	TCVN 6179-1:1996
6	Dầu mỡ	Máy phân tích dầu trong nước Ocma-310 Horida	SMEWW 5520.B&F:2012
7	Phosphat	Máy quang phổ UV-VIS	TCVN 6202:2008

8	Coliform	Buồng vô trùng nuôi cấy vi sinh, thiết bị đếm lạc khuẩn HACH	TCVN TCVN 6187-2:1996
---	----------	--	-----------------------

- Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích:

Bảng 6.5. Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích n

Stt	Thông số	Phương pháp	Tiêu chuẩn áp dụng
1	pH	Đo nhanh	TCVN 6492:1999
2	BOD ₅	Phương pháp pha loãng và cấy bổ sung	TCVN 6001-1:2008
3	TSS	Phương pháp trọng lượng, lọc qua sợi lọc thủy tinh	TCVN 6625:2000
4	Sunfua	Phương pháp đo quang dùng metylen xanh	TCVN 6637:2000
5	Amoni	Phương pháp chung cất và chuẩn độ	TCVN 6179-1:1996
6	Dầu mỡ	Trọng lượng hoặc đo hồng ngoại	SMEWW 5520.B&F:2012
7	Phosphat	Phương pháp đo quang	TCVN 6202:2008
8	Coliform	Phương pháp màng lọc	TCVN TCVN 6187-2:1996

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6.2.2. Chương trình quan trắc liên tục, tự động chất thải

a. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2,4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

b. Quan trắc bụi, khí thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2, 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, dưới sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thu được kết quả như sau:

Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về biển và hải đảo, việc khai thác, sử dụng tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn thành phố năm 2024

- Kết quả kiểm tra hiện trạng:

+ Tại thời điểm kiểm tra, mặt bằng đảm bảo vệ sinh công nghiệp sạch sẽ và cảnh quan môi trường.

+ Công ty đã chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó sự cố tràn dầu, định kỳ tổ chức diễn tập tại hiện trường.

+ Kho chứa chất thải nguy hại của Công ty đã đảm bảo theo quy định của pháp luật, có dán mã chất thải nguy hại phân loại cụ thể.

+ Công ty đã ký hợp đồng ứng trực ứng phó sự cố tràn dầu với Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng hải Việt Nam (MCIC) thời hạn đến hết ngày 31/12/2023 tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra Công ty chưa ký hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu năm 2024.

+ Công ty chưa thực hiện thủ tục giao khu vực biển đối với vùng nước trước bến theo quy định tại Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Kết luận của Đoàn kiểm tra:

+ Tiếp tục phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường. Luôn đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trên mặt bằng của cầu cảng.

+ Thực hiện diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu; cử cán bộ tham gia đào tạo tập huấn theo KHUPSCTD đã được phê duyệt.

+ Cần duy trì kho chứa chất thải nguy hại trong tình trạng đảm bảo vệ sinh, thực hiện việc lưu giữ chất thải nguy hại, lập báo cáo quản lý chất thải theo đúng quy định.

+ Đề nghị Công ty bổ sung trang thiết bị ứng trực bố trí tại mặt bằng cảng để đảm bảo ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra.

+ Thực hiện thủ tục giao khu vực biển đối với vùng nước trước bến theo quy định tại Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

+ Đề nghị Công ty tiến hành duy tu, nạo vét khu nước trước bến thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

+ Thường xuyên cập nhật, thực hiện các nội dung về ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

(Biên bản kiểm tra được đính kèm phụ lục).

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Với quan điểm phát triển bền vững, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Công ty cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;
- Cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường đã nêu tại Chương 3 của Báo cáo này; đảm bảo các phương án xử lý chất thải (*chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, nước thải, khí thải,...*) của dự án được kiểm soát thường xuyên và hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động.
- Thực hiện thu gom và chuyển giao chất thải định kỳ theo quy định.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, giám sát môi trường, trong đó đặc biệt chú trọng tới kiểm soát nước thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.
- Cam kết đền bù và khắc phục các sự cố môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.
- Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố cháy nổ trong suốt quá trình hoạt động.
- Đào tạo hướng dẫn và tập huấn cho nhân viên ở các vị trí làm việc để có nguy cơ xảy ra cháy nổ và chập điện về khả năng xử lý nhanh các tình huống tai nạn và sử dụng thuần thục trang thiết bị cứu hoả, cứu hộ.
- Cam kết không sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường thì Công ty chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0201579242

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 10 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 13 tháng 08 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIP GREENPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIP GREENPORT

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3552157

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 632.500.000.000 đồng.

Bảng chữ: Sáu trăm ba mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 63.250.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN KIM DƯƠNG KHÔI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031077000747

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 21 Phố Đặng Ma La, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 21 Phố Đặng Ma La, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 022 21 000075

Cấp ngày: 19 tháng 11 năm 2013

Chứng nhận thay đổi lần thứ 01: ngày 10 tháng 02 năm 2015

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội thông qua tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 69/2011/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2118/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư đề ngày 05/11/2013 và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu VIPCO nộp ngày 12/11/2013; Bản bổ sung nộp ngày 18/11/2013;

Căn cứ Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đề ngày 29/01/2015 và hồ sơ kèm theo về việc chuyển nhượng dự án đầu tư; điều chỉnh tên gọi, mục tiêu quy mô, tiến độ và tăng vốn đầu tư thực hiện dự án do Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Vipco và Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip nộp ngày 04/02/2015,



**TRƯỜNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**

Chứng nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP, trụ sở chính: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0201579242, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 28/10/2014.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lương Hoài Trân, chức vụ: Giám đốc, sinh ngày: 28/5/1955, dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 030197897 do Công an Hải Phòng cấp ngày 06/9/2006; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: số 339 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Tên dự án đầu tư:

CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT.

Điều 2: Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng cụm cảng container đáp ứng nhu cầu bốc xếp hàng hóa, container cho các tỉnh phía Bắc là cảng nước sâu nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh.

- Quy mô:

+ Xây dựng hai bến liên bờ có chiều dài 380m có thể tiếp nhận tàu container tải trọng đến 30.000 DWT (giảm tải).

+ Bãi chứa container và đường nội bộ diện tích 148.500 m²;

+ Xưởng sửa chữa và duy tu diện tích: 720 m²;

+ Nhà điều hành (3 tầng) diện tích xây dựng sử dụng: 560 m²;

+ Cổng cảng 10 làn xe diện tích xây dựng: 950 m²;

+ Cùng các công trình kỹ thuật, phụ trợ đồng bộ khác.

Điều 3: Địa điểm thực hiện dự án: Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam;

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 152.694,9 m².

Điều 4: Tổng vốn đầu tư: 1.373.185.000.000 (một nghìn, ba trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu) đồng; trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 450.000.000.000 (bốn trăm năm mươi tỷ) đồng bằng tiền mặt, đã được nhà đầu tư góp đủ vào tháng 01/2015.

Điều 5: Thời hạn thực hiện dự án là 45 (bốn mươi lăm) năm kể từ ngày được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 022 21 0000113, ngày 09 tháng 10 năm 2007.

0201579242
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG XANH
VIP
TP. HẢI PHÒNG



Điều 6: Tiến độ thực hiện dự án:

- Tháng 11/2014: Khởi công giai đoạn 1;
- Từ tháng 11/2014 đến tháng 11/2015: thi công xây dựng cầu cảng, đường, bãi, công trình phụ trợ và mua thiết bị bốc xếp...;
- Tháng 12/2015: Hoàn thành và đưa công trình vào khai thác sử dụng giai đoạn 1;
- Từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016: Tổ chức thi công giai đoạn 2;
- Tháng 12/2016: Khai thác toàn bộ dự án.

Điều 7: Các ưu đãi đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế:

7.1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% (mười phần trăm) trong 15 (mười lăm) năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo,

Miễn thuế 04 (bốn) năm, giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư;

7.2. Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Điều 8: Trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ đầu tư:

8.1. Trong quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư phải tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản, bảo vệ môi trường và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

8.2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ đã cam kết, nếu sau 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà chủ đầu tư không triển khai dự án thì Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng sẽ thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

8.3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Cục Thống kê Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật về báo cáo thống kê.

Điều 9: Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

10-02-2015

SỐ: 891 QUYẾT SỐ: 01
CHỦ TỊCH PHẠM THUYỀN QUANG TRUNG



CHỦ TỊCH

Phạm Huyền Linh

TRƯỞNG BAN



Phạm Thuỳên

Phạm Thuỳên

Chức vụ: Phó



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp

0201579242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/10/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

BU 367885

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải thay báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền

1. Thừa đất:

a) Thừa đất số: "00"

b) Địa chỉ: Phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

c) Diện tích: 152.694,9 m².

(Đang chờ: Mời trên nền mực hai nghìn, sáu trăm chín mươi bốn phẩy chín mét vuông).

d) Hình thức sử dụng: Sử hữu năng.

CHỨNG NHẬN NHÌN SỬ DỤNG: Xây dựng Cảng Container Vip Greenport

SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHỈ DẪN ngày 16/10/2015.

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngày: 24-04-2015 *Giống trình xây dựng*

3. Ghi chú: -/-

Số: 1/KCS. Quyền số: 01.....

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 3 TP. HẢI PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIỆN
Ngô Văn Ngọc Thịnh

Hệ thống ngày 2 tháng 01 năm 2015

TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TUỔI CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Quang Sản

Số vào sổ cấp GCN: CT02442

III. Sơ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1/5000

BẢN SAO



Đường thông về trụ sở nước ngoài

Tên nước	Diện tích (m ²)	Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)
1	2204470,000	40784,121	377,50
2	3242746,174	40784,121	380,00
3	3242746,174	40784,121	380,00
4	3242746,174	40784,121	380,00
5	3242746,174	40784,121	380,00
6	3242746,174	40784,121	380,00
7	3242746,174	40784,121	380,00
8	3242746,174	40784,121	380,00

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

--	--

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 30/2015/2020/GCN-CHVN

Hà Nội, ngày 23.. tháng 11.. năm 2020



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHAI THÁC CẢNG BIỂN

Tên doanh nghiệp cảng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0201579242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp (Đăng ký lần đầu ngày 28/10/2014, Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/11/2017).

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tên cảng biển: Bến cảng Vip Greenport và Bến cảng container Vip Greenport

Vị trí của cảng biển: Tại phía trái luồng hàng hải Hải Phòng, nằm trong Khu Kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quy mô, công năng của cảng biển đã được công bố:

Cầu cảng số 1 thuộc Bến cảng Vip Greenport có chiều dài 226,3m được tiếp nhận tàu chở container Việt Nam và nước ngoài có trọng tải 20.000DWT giảm tải; đến 30.000DWT chở voi mớn tùy thuộc vào điều kiện của luồng và mớn chạy tàu ra, vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan;

Bến cảng container Vip Greenport có chiều dài 377,2m được tiếp nhận tàu chở container Việt Nam và nước ngoài có trọng tải đến 20.000DWT đầy tải; trọng tải đến 30.000DWT giảm tải với mớn nước phù hợp theo điều kiện thực tế của luồng hàng hải, có phương án đảm bảo an toàn hàng hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt ra, vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan.

Đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển theo quy định.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, 01 bản lưu tại Cục Hàng hải Việt Nam.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hoàng Hồng Giang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CỦA CẢNG BIỂN
STATEMENT OF COMPLIANCE OF A PORT FACILITY

Số giấy chứng nhận: **ISFS/SoCPF/090/VN**
Statement Number

Thừa uỷ quyền của Chính phủ nước
Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Cục Hàng hải Việt Nam cấp theo quy định của
Phần B - Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển
*Issued under the provisions of Part B of the International Code
for the Security of Ships and Port Facilities (ISPS CODE)*
*Under the authority of the Government of the Socialist Republic of Vietnam
by the Vietnam National Maritime Administration*

Tên Cảng biển: **Cảng VIP GREEN PORT**
Name of the Port Facility

Địa chỉ của Cảng biển: **Khu KT Đình Vũ - Cát Hải, p. Đông Hải 2, q. Hải An, Tp. Hải Phòng**
Address of the Port Facility

Chúng nhận rằng Cảng biển đã tuân theo các quy định tại Chương XI-2 và Phần A của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển và hoạt động phù hợp với Kế hoạch An ninh cảng biển đã được phê duyệt. Kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt đối với hoạt động của loại tàu biển sau đây (gạch bỏ những loại không thích hợp):

This is to certify that the compliance of this port facility with the provisions of chapter XI-2 and part A of The International Code for the Security of Ships and Port Facilities (ISPS Code) has been verified and that this port facility operates in accordance with the approved Port Facility Security Plan. This plan has been approved for the following (Specify the types of operations, types of ship or activities or other relevant information), delete as appropriate:

- ~~Tàu khách (Passenger ship)~~
- ~~Tàu khách cao tốc (Passenger high speed craft)~~
- ~~Tàu hàng cao tốc (Cargo high speed craft)~~
- ~~Tàu hàng rời (Bulk carrier)~~
- ~~Tàu dầu (Oil tanker)~~
- ~~Tàu hoá chất (Chemical tanker)~~



- Tàu chở gas (Gas-carrier)
- Đàn khoan di động (Mobile-offshore-Drilling-Units)
- Tàu hàng khác những loại nêu trên (Cargo ships other than those referred above)

Giấy chứng nhận phù hợp này có giá trị đến **17/12/2025**..... tùy thuộc vào việc kiểm tra (Ghi ở mặt sau)
This Certificate of compliance is valid until.....subject to the verification stated on the overleaf

Cấp tại: **Hà Nội**
Issued at:
Ngày cấp: **17/12/2020**
Date of issue

Chữ ký của người có thẩm quyền 
Signature of the duly authorized official issuing the Certificate
Đóng dấu

(Seal or stamp of issuing authority, as appropriate)



K. T. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
NGUYỄN HOÀNG



Số: 2689/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư xây dựng cảng container VIP Green Port
tại phường Đông Hải 2, quận Hải An thuộc Khu kinh tế Đình Vũ
- Cát Hải do Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP làm Chủ đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 27/8/2015, họp ngày ngày 10/9/2015 và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cảng container VIP Green Port tại phường Đông Hải 2, quận Hải An; đã được Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng thẩm định tại Văn bản số 219/CV-VGP ngày 12/10/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 840/TTr-STNMT ngày 11/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cảng container VIP Green Port tại phường Đông Hải 2, quận Hải An thuộc Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải do Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP làm Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ dự án), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Phường Đông Hải 2, quận Hải An thuộc Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải.

- Diện tích: 152.694,9 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT02442 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp.

- Mục đích: Đầu tư xây dựng cụm cảng container đáp ứng nhu cầu bốc xếp hàng hóa, container cho các tỉnh phía Bắc là cảng nước sâu nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh.

- Quy mô, công suất:

+ Xây dựng hai bến liên bờ có chiều dài 380 m có thể tiếp nhận tàu container có trọng tải đến 30.000 DWT (giảm tải);

+ Bãi chứa container và đường nội bộ diện tích 148.500 m²;

+ Xưởng sửa chữa và duy tu diện tích: 720 m²;

+ Nhà điều hành (3 tầng) diện tích xây dựng sử dụng: 560 m²;

+ Cổng cảng gồm 10 làn xe diện tích xây dựng: 950 m²;

+ Cùng các công trình kỹ thuật, phụ trợ khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định hiện hành.

- Thực hiện các giải pháp chống ồn, chống rung, xử lý các loại bụi, khí thải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa sự cố va chạm tàu thuyền và ứng cứu sự cố tràn dầu, an toàn lao động, giảm thiểu sự cố container lạnh, container chứa hàng hóa không đảm bảo chất lượng và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thi công và vận hành Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; lưu giữ kết quả quan trắc, giám sát để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra; báo cáo chất lượng môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Hải An.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại mục 1.2 và các nội dung bảo vệ môi trường khác trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Chỉ được tiến hành hoạt động nạo vét, duy tu luồng vào cảng khi xác định được vị trí đổ thải bùn cát và có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Hàng hải và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chứng thực vào mặt sau của trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt gửi tới Chủ dự án một (01) bản, Ủy ban nhân dân quận Hải An một (01) bản, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng một (01) bản, lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản kèm theo một (01) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu theo quy định;

- Quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định.

- Chủ trì cùng Ủy ban nhân dân quận Hải An, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân quận Hải An, Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng có trách nhiệm: Căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án; phối hợp cùng với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng, Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT Đỗ Trung Thoại;
- Như Điều 5;
- CVP, các PCVP;
- CV: MT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Trung Thoại

Số: 3943/GP-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2021



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần thứ nhất)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;
Xét Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP ngày 29 tháng 11 năm 2021 và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 634/TTr-STN&MT ngày 09 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP (địa chỉ tại Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An) được xả nước thải phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng Cảng container VIP Greenport vào nguồn nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Bạch Đằng.
2. Vị trí xả thải: Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra sông Bạch Đằng, có tọa độ: X (m) = 2304402.607; Y(m) = 607857.637.

(Kèm theo Sơ đồ khu vực xả nước thải vào nguồn nước, hệ tọa độ VN-2.000, L=105°45' múi chiếu 3°).

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục (24h/24h)

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 25 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Thông số, giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải tại điểm xả phải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B, áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_r = 1,2$. Cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	
			C	$C_{max} = C_x K_q K_r$
1	pH	-	5,5-9	5,5-9
2	COD	mg/l	150	162
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	54
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	108
5	Asen	mg/l	0,1	0,108
6	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,0108
7	Chì	mg/l	0,5	0,54
8	Cadimi	mg/l	0,1	0,108
9	Đồng	mg/l	2	2,16
10	Kẽm	mg/l	3	3,24
11	Sắt	mg/l	5	5,4
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8
13	Florua	mg/l	5	5,4
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8
15	Tổng Nito	mg/l	40	43,2
16	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	6,48
17	Clo dư	mg/l	2	2,16
18	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000

7. Thời hạn của Giấy phép: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Theo dõi lưu lượng xả nước thải định kỳ hàng tháng, cập nhật vào Sổ Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

b) Quan trắc chất lượng nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải tại điểm xả thải, có tọa độ: X (m) = 2304402.607; Y(m) = 607857.637 (hệ tọa độ VN-2.000, L=105°45' múi chiếu 3°).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số và quy chuẩn áp dụng: Quy định tại Khoản 6 Điều 1 Giấy phép.

c) Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải:

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí trên sông Bạch Đằng về phía bờ xả, cách vị trí tiếp nhận nước thải 50m về phía hạ lưu và thượng lưu.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: Các thông số theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT, cột B2. Cụ thể:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 08:2008/BTNMT (Cột B2)
1	pH	-	5,5 +,9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	25
3	COD	mg/l	50
4	DO	mg/l	≥ 2
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	0,9
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	15
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	0,5
9	Tổng dầu, mỡ	mg/l	1,0
10	Tổng Phenol	mg/l	0,02
11	Asen	mg/l	0,1
12	Chì	mg/l	0,05
13	Đồng	mg/l	1,0
14	Kẽm	mg/l	2,0
15	Sắt	mg/l	2,0
16	Cadimi	mg/l	0,01
17	Coliform	MPN/100ml	10.000

3. Trước ngày 15/12 hàng năm, lập Báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện các quy định của Giấy phép theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi

về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận Hải An để theo dõi, giám sát.

4. Thường xuyên nạo vét, duy tu các công trình thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo thu gom 100% nước thải phát sinh để xử lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng thải luôn đạt quy định tại Giấy phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong nước thải không đạt yêu cầu quy định của Giấy phép, đồng thời phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Lưu giữ Giấy phép xả nước thải, Báo cáo xả nước thải, Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải; lưu giữ các thông tin, số liệu quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận định kỳ đúng quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

7. Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác.

8. Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép nếu vi phạm hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép này và các cam kết của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP đã nêu trong hồ sơ.

2. Ủy ban nhân dân quận Hải An, Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép này và các cam kết của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP đã nêu trong hồ sơ.

Điều 5. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 141/GP-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP còn tiếp tục xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.



Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2, Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Giấy phép thực hiện./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- CV: MT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân





UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mã số QLCTNH: 31.001030.T



Số: 16/2016/SĐK-STNMT
Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 1.. năm 2016

Số: 16/2016/SDK - STNMT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2016

**SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 31.001030.T

(Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 3 năm 2016)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH):

Tên chủ nguồn thải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Trụ sở: Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.8830333

Fax: 031.8830668

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0201579242, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2016 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng.

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Cảng container phục vụ bốc xếp, kho bãi và lưu giữ, vận tải hàng hóa.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo Danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm và đầy đủ các quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT -BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đặc biệt lưu ý các nội dung sau:

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) Thông tư số 36/2015/TT -BTNMT.

- Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp. Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 36/2015/TT -BTNMT;

- Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;

- Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (A) Thông tư số 36/2015/TT -BTNMT và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sổ đăng ký chỉ cấp lại trong trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh chất thải nguy hại; thay đổi bổ sung phương án tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Chủ nguồn thải;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Ka



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 31.001030.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng
cấp lần đầu ngày 3/3/2016)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên cơ sở: Công ty cổ phần Cảng xanh VIP.

Địa chỉ cơ sở: Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận
Hải An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.8830333

Fax: 031.8830668

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực thải	Rắn	6,2	08 02 04
2	Bộ lọc dầu thải	Rắn	07	15 01 02
3	Má phanh thải	Rắn	02	15 01 06
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	05	16 01 06
5	Dầu thải	Lỏng	1.100	17 02 03
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	80	18 01 02
7	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	344	18 02 01
8	Ác quy chì thải	Rắn	05	19 06 01
9	Pin thải	Rắn	0,8	19 06 05
	Tổng số lượng		1.550	

3. Danh sách CTNH đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không có *ly*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2243/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 15 tháng 11 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, địa chỉ Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 08/7/2015;

Căn cứ Khoản 3, Điều 7 Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 409/2016/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định 1476/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP địa chỉ Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An;

Xét nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, địa chỉ Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An đã được Công ty chỉnh sửa bổ sung kèm theo Công văn số 103 ngày 29/9/2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 508/TTr-STN&MT ngày 10/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, địa chỉ Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình phê duyệt tại Tờ trình số 508/TTr-STN&MT ngày 10/10/2016.

Điều 2. Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được duyệt.

1. Thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg



ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

a) Gửi Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định này tới các Sở, ngành nêu tại Điều 4.

b) Công tác phòng ngừa sự cố:

- Bố trí nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật theo đúng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt.

- Thực hiện việc đào tạo, tập huấn, diễn tập theo thời gian cập nhật trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra công nghệ, quy trình vận hành, trang thiết bị, máy, phương tiện vận chuyển, những nơi có nguy cơ gây sự cố tràn dầu.

- Thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm các trang, thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu cần thiết để đảm bảo công tác ứng phó tại chỗ.

c) Công tác ứng phó khi xảy ra sự cố:

- Triển khai ngay các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt.

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu vượt quá tầm kiểm soát, Công ty phải báo ngay về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm, cứu nạn thành phố và các cơ quan thành phố liên quan theo quy định.

- Trường hợp có thay đổi cấp và mức độ tràn dầu phải lập lại Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Công tác đánh giá, xác định và giải quyết bồi thường thiệt hại:

- Phối hợp với các Sở, ngành chức năng có liên quan để xác định đối tượng, nguyên nhân gây ra sự cố, mức độ thiệt hại đến môi trường, giám định thiệt hại, tính toán chi phí và giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến khắc phục hậu quả.

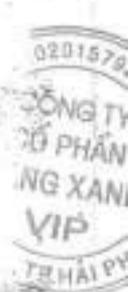
e) Công tác tập huấn, diễn tập, báo cáo:

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt về Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng, chống, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

1. Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Khu vực Miền Bắc căn cứ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP đã được phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành liên quan chủ động bố trí, điều động lực lượng, phương tiện để ứng phó sự cố tràn khi xảy ra sự cố vượt tầm quyền soát của Công



ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố, Công an thành phố, Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, Ủy ban nhân dân quận Hải An cùng các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP đã được phê duyệt.

- Xác nhận vào mặt sau trang phụ bìa Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP địa chỉ Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An.

3. Ủy ban nhân dân quận Hải An căn cứ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành liên quan tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu, thông báo cho các cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn những vùng, khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về sự cố tràn dầu để chủ động ứng phó. Triển khai lực lượng tại địa phương để phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả và tham gia xác định thiệt hại, giải quyết hậu quả khi có sự cố tràn dầu xảy ra theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố, Công an thành phố, Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Khu vực miền Bắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An, Chi cục trưởng các Chi cục: Đề điều và Phòng chống lụt bão, Bảo vệ môi trường, biển và hải đảo, Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Tổng cục MT;
- Chủ tịch;
- PCT Lê Thanh Sơn;
- Như Điều 4;
- CVP, PCVP Bùi Bá Sơn;
- Phòng NNTNMT;
- CV: MT, TL;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Lê Thanh Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 112/QĐ-UBND

Hải An, ngày 12 tháng 1 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu "Trạm cấp dầu nội bộ" của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip tại phường Đông Hải 2, quận Hải An.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/06/2014;

Căn cứ Luật Biên Việt Nam ngày 21/06/2012;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 13/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề cương hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 82/2016/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về trình tự, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của "Trạm cấp dầu nội bộ" của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip. Địa điểm hoạt động: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng kèm theo công văn số H1/2017 ngày 05/7/2017.

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên & Môi trường tại Công văn số 28/TNMT ngày 11/7/2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: "Trạm cấp dầu nội bộ" của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip. Địa điểm hoạt động: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An.

Điều 2. Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và những cam kết sau đây.

1. Thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014; Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

a). Gửi Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Ủy ban nhân dân quận Hải An phê duyệt tại Quyết định này đến các phòng, ban, ngành nêu tại Điều 4 của Quyết định.

b) Công tác phòng ngừa sự cố:

- Bổ trí nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật theo đúng nội Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt.

- Thực hiện việc đào tạo, tập huấn, diễn tập theo thời gian cập nhật trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra công nghệ, quy trình vận hành, trang thiết bị, phương tiện vận chuyển và những nơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu.

c) Công tác ứng phó khi xảy ra sự cố:

- Triển khai ngay các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt.

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu vượt khả năng kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip phải nhanh chóng báo ngay về Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu miền bắc và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Trường hợp có thay đổi cấp về mức độ tràn dầu phải lập lại Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

d) Công tác đánh giá, xác định và giải quyết bồi thường thiệt hại:

- Phối hợp với các Sở, ngành chức năng có liên quan xác định đối tượng, nguyên nhân gây ra sự cố, mức độ thiệt hại đến môi trường, giám định thiệt hại, tính toán chi phí và giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến khắc phục hậu quả.

đ) Công tác tập huấn, diễn tập, báo cáo:

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt về Ủy ban nhân dân quận.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2 Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu "Trạm cấp dầu nội bộ" của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip đã được phê duyệt.

2. Giao Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2 căn cứ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu, thông báo cho các đơn vị và nhân dân trên địa bàn bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng do sự cố tràn dầu có thể xảy ra để chủ động ứng phó, triển khai lực lượng tại địa phương để phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả và tham gia xác định thiệt hại, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND & UBND quận, Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2, Công ty Cổ phần Cảng Xanh Váp và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:
- CT, PCT NCH;
- Như Điều 4;
- Lưu VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Chí Bắc



ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1193 /GXN-UBND

Hải An, ngày 12 tháng 07 năm 2017.

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN
của TRẠM CẤP DẦU NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG XANH VIP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định: số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Công ty Cổ phần Căng Xanh Vip. Địa chỉ hoạt động: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng kèm theo văn bản đề nghị xác nhận số: 10/2017 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Công ty Cổ phần Căng Xanh Vip.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN XÁC NHẬN

Điều 1. Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi là Đề án) Trạm cấp dầu nội bộ của Công ty Cổ phần Căng Xanh Vip. Địa điểm thực hiện: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, quận Hải An.

Điều 2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án đã được phê duyệt.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. *Đạt*

Nơi nhận:

- CT PCB;
- Phòng TN&MT;
- UBND phường Đồng Hải 2;
- CTCF Cảng Xanh Vip;
- Lưu VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Chí Bắc

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: 1733/GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

- Địa chỉ: Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

(Thuộc dự án Cảng Container VIP Green Port)

- Theo thiết kế có ký hiệu do Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải tại thành phố Hải Phòng lập.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Diện tích: 152.694,9 m².

+ Cốt nền xây dựng công trình: $\geq +5,00$ m (Cao độ Hải độ).

+ Mật độ xây dựng (không bao gồm bãi container; sân, đường nội bộ): 2,53%.

+ Hệ số sử dụng (không bao gồm bãi container; sân, đường nội bộ): 0,03 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.

+ Chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch được duyệt.

+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.

+ Chiều sâu công trình (đối với công trình có tầng hầm):

+ Diện tích xây dựng; Tổng diện tích sàn; Chiều cao tầng 1; Chiều cao công trình;

Số tầng: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 367885 (số vào sổ cấp GCN: CT02442) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/1/2015.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

CHỨNG THỰC

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên; **BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

- Lưu VP, QHXD.

27-10-2017

Số chứng thực: 8678 Quyền số 01-SCT/BS



Phạm Thuyên

PHÓ CHỦ TỊCH

Phí Lệ Hồng Vân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 1733/GPXD-BQL ngày 27/10/2015)

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.
- Địa chỉ: Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Tên hạng mục công trình	DTXD (m ²)	TDTS (m ²)	CCT1 (m)	CCCT (m)	Số tầng
1	Nhà văn phòng	362,66	969,88	4,35	12,15	03
2	Nhà ăn ca	195,04	195,04		4,46	01
3	Nhà nghỉ ca	201,32	201,32		5,06	01
4	Xưởng sửa chữa	763,88	763,88		9,95	01
5	Trạm bơm và bể nước cứu hỏa 250 m ³	135,51	135,51		3,95	01
6	Trạm biến áp (không bao gồm thiết bị lắp đặt)	145,41	145,41		6,30	01
7	Công ra vào, nhà cabin tại các làn xe, trạm cân 120 tấn	1.829	1.829		9,20	01
8	Hàng rào xây tường gạch trên lắp hoa sắt thoáng dài 517 m				3,00	
9	Tường rào lưới thép B40 dài 560 m				3,00	

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

2 hạng mục : 1 hồ đổ xe máy : 200m²
1 hồ đổ xe ô tô : 60m²

kec ok

- QTB 6

Số: 19 /TD-PCCC



**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 97/PCCC ngày 20/4/2015 của Công ty cổ phần cảng xanh VIP.

Người đại diện là Ông: Lương Hoài Trân Chức danh: Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: Cảng Container VIP Green port.

Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cảng xanh VIP.

Đơn vị thiết kế: - CN Công ty CP tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải tại TP Hải Phòng

- Công ty cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng;

- Công ty TNHH thiết bị PCCC Hoàng An.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Giao thông phục vụ chữa cháy;
2. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (xưởng sửa chữa: hạng D);
3. Khoảng cách an toàn PCCC; Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
4. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống điện; Hệ thống chống sét;
6. Hệ thống thông gió thoát khói (Thông gió tự nhiên);
7. Hệ thống báo cháy tự động;
8. Hệ thống cấp nước chữa cháy;
9. Phương tiện chữa cháy xách tay.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Các lối ra thoát nạn (cửa thoát nạn) của xưởng sửa chữa hiện là cửa cuốn. Yêu cầu các cửa thoát nạn phải luôn mở khi có người làm việc bên trong;

2. Chủ đầu tư, đơn vị thi công phải đảm bảo an toàn PCCC đối với công trình trong suốt quá trình xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;

3. Công trình phải được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định. HL

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: HDPC (TD).

Hải Phòng, ngày 11 tháng 5 năm 2015



Thiếu tá Lê Quốc Trân

TNL

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư
số 66/2014/TT-BCA
Ngày 16-12-2014



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 96/CV ngày 28/8/2016 của Công ty cổ phần cảng xanh Vip.

Người đại diện là ông **Cáp Trọng Cường** Chức danh: Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN**

Công trình: Trạm cấp dầu nội bộ

(Gồm 01 cột bơm và 01 bể chứa dung tích 25m³).

Địa điểm xây dựng: Cảng Container Vip Green Port, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cảng xanh Vip.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Hàng hải thương mại.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy;
2. Khoảng cách an toàn PCCC;
3. Bậc chịu lửa gian cấp hàng;
4. Hệ thống công nghệ, bể chứa;
5. Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện;
6. Sơ đồ nguyên lý điện;
7. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;
8. Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

CHỨNG THỰC
IN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
06-10-2016

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang

Các yêu cầu kèm theo:

1. Chỉ cấp dầu nội bộ trong công ty;
2. Chủ đầu tư phải bảo đảm an toàn PCCC đối với công trình trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;
3. Công trình phải được Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Lưu: HDPC (TD).

Hải Phòng, ngày 05 tháng 9 năm 2016



GIAM ĐOC

Thiếu tá **Lê Quốc Trần**

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	Giao thông phục vụ chữa cháy.	01	
2.	Khoảng cách an toàn PCCC.	01, 02	
3.	Bậc chịu lửa gian cấp hạng.	23 đến 25	
4.	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ.	Thuyết minh	
5.	Hệ thống công nghệ, bể chứa.	03 đến 07	
6.	Sơ đồ nguyên lý điện.	11, 12, 29	
7.	Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện.	10, 13, 14, 15, 17	
8.	Phương tiện chữa cháy di động.	SO-04	



THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *40* /NT-PC07

Hải Phòng, ngày *11* tháng *01* năm 2019

Kính gửi: Công ty Cổ phần cảng xanh Vip

Theo đề nghị tại văn bản đề nghị số 238 ngày 28/12/2018 về việc nghiệm thu công trình Trạm cấp dầu nội bộ của Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra đo đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH lập ngày 09/01/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip.

Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình "Trạm cấp dầu nội bộ" do Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip là chủ đầu tư, xây dựng tại Cảng Container Vip Green Port, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo các nội dung sau:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy;
2. Khoảng cách an toàn PCCC;
3. Bậc chịu lửa gian cấp hàng;
4. Hệ thống công nghệ, bể chứa;
5. Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện;
6. Sơ đồ nguyên lý điện;
7. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;
8. Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Để bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình "Trạm cấp dầu nội bộ" trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014;

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. *Tr*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07.

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Văn Bình
Đại tá Hoàng Văn Bình



BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
Nghiệm thu công trình

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 09/01/2019 tại Trạm cấp dầu nội bộ thuộc Công ty cổ phần cảng xanh Vip.

Địa chỉ: Cảng Container Vip Green Port, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH:

- Ông Nguyễn Tuấn Mạnh; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy;
- Ông Nguyễn Xuân Anh; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy;
- Bà Vũ Thị Trang; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy.

2. Đại diện Công an quận Hải An:

- Ông Vũ Đức Khánh; Chức vụ: Phó Đội trưởng; Cấp bậc: Trung úy;
- Ông Phạm Đức Thuyền, Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thiếu úy.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với:

- Công trình: Trạm cấp dầu nội bộ.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cảng xanh Vip.
- Địa điểm xây dựng: Cảng Container Vip Green Port, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Đại diện:

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip.

- Ông Nguyễn Kim Dương Khôi; Chức vụ: Phó Giám đốc.

2. Đại diện đơn vị thi công: Công ty Cổ phần Xây dựng & Vật tư Bạch Đằng.

- Ông Nguyễn Thanh Bình; Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Hoàng Văn Thìn; Chức vụ: Kỹ thuật.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Kiểm tra hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp:

1. Hồ sơ thiết kế công trình "Trạm cấp dầu nội bộ" đã được Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng thẩm duyệt về PCCC theo văn bản số 192/TĐ-PCCC ngày 05/9/2016. Các nội dung đã được thẩm duyệt về PCCC:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa gian cấp hàng;
- Hệ thống công nghệ, bể chứa;
- Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện;
- Sơ đồ nguyên lý điện;



- Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

2. Công văn đề nghị số 238 ngày 28/12/2018 của Công ty Cổ phần Cảng xanh Vip gửi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH về việc “Đề nghị nghiệm thu công trình Trạm cấp dầu nội bộ”.

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu hoàn thành giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công.

4. Kết quả đo điện trở tiếp địa số 1862/KQTĐ ghi ngày 28/12/2018 do Công ty TNHH thiết bị PCCC Hải Thành tiến hành đo.

5. Giấy chứng nhận kiểm định số 94/KĐ-PCCC-TT2 ngày 20/11/2016 của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng.

II. Kiểm tra thực tế.

1. Vị trí xây dựng, giao thông phục vụ chữa cháy:

- Trạm cấp dầu nội bộ nằm trong khuôn viên Cảng Container Vip Green Port, vị trí xe chữa cháy tiếp cận được.

- Xung quanh và trong trạm có sân đường nội bộ kết cấu bê tông đá.

2. Đặc điểm kiến trúc công trình: Trạm cấp dầu nội bộ công ty gồm các hạng mục chính:

2.1. Cột bơm:

- Công trình có 01 cột bơm, 02 vòi bơm đặt ngoài trời không mái che đảo bơm cao hơn bãi đỗ xe.

2.2. Gian bán hàng: xây 01 tầng, diện tích khoảng 24m², có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường gạch, mái bằng.

2.3. Khu bể chứa: Gồm 01 bể chứa dầu có dung tích 25m³, bể chứa bằng thép được chôn ngầm, được neo chống nổi

- Có 01 họng nhập kín và 01 van thở. Van thở cao khoảng 3,0m theo thiết kế.

- Các đường ống công nghệ bằng thép, được liên kết bằng phương pháp hàn, nổi mặt bích và đi trong hào công nghệ. Hào công nghệ xây gạch và có nắp bằng tấm bê tông.

3. Lối thoát nạn.

3.1. Gian bán hàng

- Gian bán hàng được chia thành 02 phòng, mỗi phòng có 01 cửa thoát trực tiếp ra ngoài.

4. Khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Khoảng cách từ gian bán hàng đến họng nhập kín khoảng 3,7 m (đảm bảo).

- Khoảng cách từ van thở đến cột thu lôi khoảng 5m (đảm bảo).

- Khoảng cách từ cột bơm đến gian bán hàng khoảng 0,6m (đảm bảo).

5. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý điện):



- Hệ thống điện cấp cho gian bán hàng, cột bơm được lấy từ tủ điện tổng và chia nguồn cho các khu vực riêng biệt.

- Điện chiếu sáng tại gian bán hàng là đèn tuýp thường.

- Dây, cáp điện cấp cho các thiết bị điện tại gian bán hàng được đi trong ống nhựa, cáp cho cột bơm được đi ngầm trong ống thép.

- Không sử dụng các thiết bị điện tại cột bơm, bể chứa dầu.

6. Hệ thống thu lôi chống sét đánh thẳng, hệ thống chống tĩnh điện cảm ứng:

- Công trình được bảo vệ chống sét đánh thẳng bằng 01 cột thu sét độc lập cao 6,8 m theo tính toán bảo vệ được khu bể chứa, van thờ, gian bán hàng, cột bơm.

- Hệ thống thu lôi chống sét, hệ thống tiếp địa nối đất an toàn đã được đo, kiểm tra đạt yêu cầu.

- Cột bơm, bể chứa và đường ống công nghệ đã được nối đất chống tĩnh điện.

- Tại khu vực nhập dầu vào bể chứa có điểm để cho xe nhập tiếp đất.

7. Trang bị phương tiện chữa cháy: Tại cửa hàng xăng dầu đã trang bị các phương tiện chữa cháy với số lượng cụ thể như sau:

- Bình bột MFZL4: 02 bình.

- Bình khí CO2 loại 5 kg: 02 bình.

- Bình MFTZ35: 01 bình

- Chăn sợi: 02 chiếc.

- Xăng: 02 cái.

- Xô: 02 chiếc.

- Phi đựng cát: 01 phi (loại 20L)

- Đã niêm yết nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, biển cấm lửa, cấm hút thuốc, quy trình vận hành thao tác kỹ thuật thiết bị các khu vực.

III. Tổ chức thử nghiệm hoạt động thực tế các hệ thống thiết bị PCCC lắp đặt tại công trình.

1. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý):

- Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

2. Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện: Có kết quả đo điện trở tiếp đất.

3. Phương tiện chữa cháy tại chỗ:

- Phun thử xác suất 01 bình khí CO₂ và 01 bình bột vào khay xăng đang cháy (khay có kích thước 1m x 1m x 0,3m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn.

IV. Kết luận:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;

2. Khoảng cách an toàn PCCC: Đạt yêu cầu;

3. Bậc chịu lửa gian cấp hàng: Đạt yêu cầu;

4. Hệ thống công nghệ, bể chứa: Đạt yêu cầu;

5. Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện: Đạt yêu cầu;

6. Sơ đồ nguyên lý điện: Đạt yêu cầu;

792
3 T
IÁN
CÁI
HAI

01579222
CÔNG TY
PHẦN
3 XANH
/IP
TP. HẢI PHÒNG

8. Phương tiện chữa cháy tại chỗ: Đạt yêu cầu.

V. Yêu cầu.

1. Chủ đầu tư chỉ được cấp dầu nội bộ trong công ty; Khi có nhu cầu kinh doanh phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC khác theo quy định

2. Chủ đầu tư phải hướng dẫn cho nhân viên bán hàng vận hành, sử dụng thành thạo quy trình bơm rót xăng dầu.

3. Thực hiện đúng quy trình vận hành máy móc, thiết bị trong quá trình bơm rót, xuất nhập xăng dầu.

4. Tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định.

5. Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định Số: 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Bổ sung hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 04 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây. /.

Đại diện

Chủ đầu tư



Đại diện

Đơn vị thi công



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Dương Khoa

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Đại diện

Đoàn kiểm tra

Thượng úy Nguyễn Tuấn Mạnh



BIÊN BẢN KIỂM TRA

Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 15 giờ 15 phút, ngày 29 tháng 10 năm 2015. Tại Cảng container Vip Green Port do Công ty cổ phần Cảng xanh Hải Phòng làm chủ đầu.

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Hướng dẫn chỉ đạo về Phòng cháy - Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng:

- Ông Đoàn Mạnh Hùng; Chức vụ: Trưởng phòng; Cấp bậc: Thượng tá;
- Ông Đoàn Hồng Hiệp; Chức vụ: Đội trưởng; Cấp bậc: Thiếu tá;
- Ông Đào Thanh Tùng; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Trung úy;
- Bà Vũ Thị Vân Anh; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Cảng container vip green port – giai đoạn 1.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cảng xanh vip.
- Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip.

- Ông Cáp Trọng Cường; chức vụ: Giám đốc.
- Ông Lương Hoài Trân; chức vụ: Trưởng ban dự án.

2. Đại diện đơn vị thi công đường, bãi, nhà văn phòng 03 tầng : Công ty TNHH Xây dựng và trang trí nội thất Thăng Long

- Ông Trần Quang Vinh; chức vụ: Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH thiết-bị PCCC Duyên Hải.

- Bà Phạm Thị Hạnh; chức vụ: Giám đốc.
- Bà Phạm Thị Thùy Linh; chức vụ: Nhân viên.

4. Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế giám sát: Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải tại Hải Phòng

- Ông Vũ Ngọc Long; chức vụ: Giám đốc.
- Ông Phan Kim Toàn; chức vụ: Chủ nhiệm thiết kế, tư vấn giám sát trưởng

5. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Trung tâm tư vấn phát triển Công nghệ xây dựng Hàng Hải

- Ông Phạm Văn Trung; chức vụ: Giám đốc.
- Ông Trần Long Giang; chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng.



6. Đại diện đơn vị thi công: Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình Thủy Cienco 1

- Ông Tạ Tuấn Anh; chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Ông Phạm Anh Tuấn; chức vụ: Giám đốc.

7. Đại diện đơn vị thi công: Công ty cổ phần cơ giới và xây lắp Hùng Giang

- Ông Nguyễn Hữu Hùng; chức vụ: Giám đốc

8. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH dịch vụ xây lắp thương mại S3T

- Ông Đào Đình Sử; chức vụ: Giám đốc

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Hồ sơ thiết kế công trình Cảng Container VIP Green port đã được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng thẩm duyệt về PCCC và cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 79/TD-PCCC ngày 11/5/2015 với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- + Bậc chịu lửa; Giao thông phục vụ chữa cháy;
- + Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (xưởng sửa chữa: hạng D);
- + Khoảng cách an toàn PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- + Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- + Hệ thống điện; Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống thông gió thoát khói (Thông gió tự nhiên);
- + Hệ thống báo cháy tự động;
- + Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- + Phương tiện chữa cháy xách tay.

- Tại nội dung thẩm duyệt có yêu cầu:

+ Các lối ra thoát nạn (cửa thoát nạn) của xưởng sửa chữa hiện là cửa cuốn. Yêu cầu các cửa thoát nạn phải luôn mở khi có người làm việc bên trong.

2. Công văn số 261 ghi ngày 26/10/2015 của Công ty cổ phần cảng xanh vip gửi Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng về việc nghiệm thu PCCC đối với công trình.

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công; báo cáo kết quả thi công tại giai đoạn 1.

4. Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 5086/KĐ-PCCC-P9 ghi ngày 30/10/2015 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm xây dựng: Công trình Cảng container Green Port – Công ty cổ phần Cảng xanh Vip có tổng diện tích quy hoạch khoảng 169.238m², tại giai đoạn 1 thi công xây dựng một nhà bãi, cầu cảng và các hạng mục chính:

- Nhà văn phòng điều hành (03 tầng): Kết cấu chịu lực cột bê tông cốt thép, tường gạch, dầm, sàn bê tông cốt thép, cầu thang bê tông cốt thép, mái tôn. Nhà văn phòng điều hành có 01 cầu thang bộ bê tông cốt thép, chiều rộng vế thang đạt

1,5m, cầu thang là loại cầu thang có chiều nghỉ, bậc thang không phải là bậc thang rẽ quạt.

- Nhà trạm biến áp số 1 (công suất 2x1600KVA, kiêm trạm cắt 22KV đầu nguồn) và nhà trạm biến áp số 2 (công suất 1600KVA): kết công bê tông cốt thép, sàn, mái bê tông cốt thép. Nhà trạm biến áp được ngăn thành phòng máy biến áp, phòng điện, mỗi phòng có 01 cửa mở ra ngoài theo hướng thoát nạn.

- Khu vực cầu cảng: Kết cấu bê tông cốt thép, tiếp giáp với Cảng Đình Vũ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (gồm 09 trụ nước chữa cháy kép D65, 01 trụ tiếp nước cho xe chữa cháy).

2. Giao thông phục vụ chữa cháy:

- Khuôn viên khu đất Công ty nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ, có đường giao thông thuận lợi. Mặt đường bãi là bê tông asphan được gia cố, đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy hoạt động.

3. Hệ thống điện:

- Nguồn điện cung cấp cho công trình được lấy từ điện lưới khu vực tới trạm biến áp trong công trình và đến các tủ điện phân phối của khu vực.

- Các tủ điện được nối đất an toàn.

- Khu vực bãi được chiếu sáng bằng các đèn cao áp trên cột.

4. Hệ thống chống sét:

- Tại nhà văn phòng điều hành lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét loại thông thường, có sử dụng các kim thu sét thường lắp đặt trên mái nhà. Các thiết bị của hệ thống thu lôi chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

- Các cột điện cao áp tại khu vực bãi có kim thu lôi chống sét.

5. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn tại khu vực hành lang chung, cầu thang bộ thoát nạn tại nhà văn phòng điều hành 03 tầng, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

6. Hệ thống thông gió thoát khói.

- Nhà văn phòng điều hành (03 tầng) được thông gió tự nhiên bằng các cửa ra vào, cửa sổ.

7. Hệ thống báo cháy tự động.

- Tủ trung tâm báo cháy 05 kênh, đặt tại phòng bảo vệ, nơi có người thường trực 24/24h; có nối đất an toàn. Nguồn điện cấp cho trung tâm báo cháy là nguồn điện áp AC 220V và nguồn điện dự phòng Acqui 24V.

- Trạm biến áp số 1: Lắp đặt tổng số 04 đầu báo cháy (gồm 02 đầu báo cháy khói, 02 đầu báo cháy nhiệt)

- Trạm biến áp số 2: Lắp đặt tổng số 02 đầu báo cháy (gồm 01 đầu báo cháy khói và 01 đầu báo cháy nhiệt).

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây 2x0,75mm², được đi trong ống nhựa bảo vệ chống cháy.

- Nút ấn báo cháy: Được lắp đặt trên tường bên ngoài nhà đặt trạm biến áp, cách sàn thao tác khoảng 1,25m. Chuông báo cháy được lắp đặt phía trên nút ấn báo cháy, cách sàn thao tác khoảng 3m.

579242
CÔNG TY
PHÂN
CÁNH
G XANH
VIP
TP. HẢI PHÒNG

- Đã niêm yết hướng dẫn sử dụng và sơ đồ phân vùng hệ thống báo cháy tự động.

8. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Xung quanh cảng chứa hàng container có lắp đặt 09 trụ nước chữa cháy (loại trụ kép) đường kính ống lên thân trụ D100, họng ra D65, tại mỗi trụ có 02 cuộn vòi A, 02 lăng A đặt trong tủ và 01 trụ tiếp nước cho xe chữa cháy.

- Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống chữa cháy là ống thép mạ kẽm đường kính D100 thi công bằng phương pháp hàn, nối mặt bích.

- Khu vực đặt trạm bơm chữa cháy nằm riêng biệt có lối ra ngoài trực tiếp. Máy bơm chữa cháy lấy nước từ bể nước ngầm có khối tích là $243m^3$.

- Cụm máy bơm chữa cháy gồm: 01 máy bơm chữa cháy chính động cơ điện có $P = 22,5KW$, $Q = 54 - 144m^3/h$, $H = 56,7-44m.c.n$; 01 Máy bơm dự phòng động cơ diesel $P = 22KW$, $Q = 54-144m^3/h$, $H = 61-41,7m.c.n$; 01 máy bơm bù áp chữa cháy pentax có $P = 2,2KW$, $Q = 2,4-10,2m^3/h$, $H = 26,7-71,5m.c.n$.

- Đã niêm yết hướng dẫn sử dụng, vận hành trạm bơm chữa cháy.

9. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Công trình được trang bị các bình chữa cháy loại bình bột MFZ4, bình khí CO2 MT3. Các bình chữa cháy được bố trí tại các khu vực hành lang nhà văn phòng điều hành, trạm biến áp nơi dễ thấy, dễ lấy. Số lượng bình đảm bảo theo quy định.

III. Tiến hành thử nghiệm.

1. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn thấy ắc quy trong đèn tự khởi động để chiếu sáng.

2. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý hệ thống điện):

Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

3. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

4.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

4.2. Chế độ báo cháy:

- Thử các đầu báo cháy khói bằng phương pháp tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy khói thấy chuông báo cháy kêu, đèn báo cháy sáng, tại trung tâm báo cháy hiển thị khu vực cháy.

- Thử các đầu báo cháy nhiệt bằng phương pháp đốt nóng sau 30 giây thấy chuông báo cháy kêu, đèn báo cháy hiển thị.

- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các đầu báo cháy ở các khu vực của công trình.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 10 giây.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

5. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

5.1. Máy bơm nước chữa cháy:

- Vận hành máy bơm chữa cháy trường hợp:

+ Hoạt động của máy bơm khi không tải: Bơm có hoạt động.

+ Hoạt động của máy bơm khi có tải (bơm và xả nước qua các trụ chữa cháy kép D65).

5.2. Hệ thống họng nước chữa cháy:

- Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy: Vòi chữa cháy không bị bục, liên kết giữa vòi chữa cháy và lăng phun nước chữa cháy bằng khớp nối nhanh đảm bảo theo quy định.

- Tầm phun xa đầu lăng của tia nước đặc $> 6m$;

- Áp lực đồng hồ trong trạm bơm khi sử dụng $> 5KG/cm^2$.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

6. Phương tiện chữa cháy xách tay:

Các bình chữa cháy trang bị đúng theo hồ sơ thiết kế (bình chữa cháy mới chưa sử dụng) thử phun bình chữa cháy vào đám cháy có diện tích $1m^2$ (kích thước $1m \times 1m$) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

IV. Kết luận:

1. Bậc chịu lửa (Nhà văn phòng điều hành): bậc II chịu lửa;

2. Khoảng cách an toàn PCCC: Đạt yêu cầu;

3. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;

4. Lối thoát nạn: Đạt yêu cầu;

5. Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Đạt yêu cầu;

6. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;

7. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý hệ thống điện): Đạt yêu cầu.

8. Hệ thống thông gió thoát khói (Thông gió tự nhiên): Đạt yêu cầu;

9. Hệ thống chống sét: Đạt yêu cầu;

10. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;

11. Hệ thống cấp nước chữa cháy: Đạt yêu cầu;

12. Phương tiện chữa cháy xách tay: Đạt yêu cầu.

V. Kiến nghị:

1. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng cho Chủ đầu tư sử dụng các phương tiện PCCC đã trang bị.

2. Đơn vị sử dụng phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

3. Chủ đầu tư phải xây dựng hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy chữa cháy, phương án chữa cháy.

4. Tổ chức tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ PCCC, thực tập phương án chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

5. Giai đoạn 2 và xưởng sửa chữa cơ khí chưa được nghiệm thu về PCCC: Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu về PCCC theo quy định trước khi đưa vào sử dụng.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 10 phút cùng ngày gồm 06 trang, lập thành 09 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây,

**Đại diện
Chủ đầu tư**



TRƯỞNG BAN DỰ ÁN
Lương Hoài Trần

**Đại diện đơn vị
thi công Công ty TNHH
thiết bị PCCC Duyên Hải**



GIÁM ĐỐC
Phạm Chi Khanh

**Đại diện
Đoàn kiểm tra**



TRƯỞNG PHÒNG HƯỚNG DẪN,
CHỈ ĐẠO VỀ PHÒNG CHÁY
Thượng tá Đoàn Mạnh Hùng

**Đại diện đơn vị thi công -
Công ty TNHH Xây dựng
và trang trí nội thất Thăng**



GIÁM ĐỐC
Trần Quang Vinh

**Đại diện đơn vị thi công -
Công ty Cổ phần đầu tư và
xây dựng công trình Thủy
Cienco 1**



CHỦ TỊCH HĐQT
Ca Tuấn Anh

**Đại diện đơn vị thi công: Công
ty cổ phần cơ giới và xây lắp**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Thị Hoàn

**Đại diện đơn vị tư vấn thiết
kế giám sát: Chi nhánh
Công ty Cổ phần tư vấn
xây dựng công trình Hàng
Hải tại Hải Phòng**



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Long

**Đại diện đơn vị thi công -
Công ty TNHH dịch vụ xây
lắp thương mại S3T**



GIÁM ĐỐC
Đào Đình Sĩ

**Đại diện đơn vị tư vấn giám
sát: Trung tâm tư vấn phát
triển Công nghệ xây dựng**



Hàng Hải
Trần Thị Quy



BIÊN BẢN KIỂM TRA Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 14 giờ 15 phút, ngày 16 tháng 3 năm 2016. Tại Cảng container Vip Green Port do Công ty cổ phần Cảng xanh Vip làm chủ đầu.

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Hướng dẫn chỉ đạo về Phòng cháy - Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng:

- Ông Đoàn Mạnh Hùng; Chức vụ: Trưởng phòng; Cấp bậc: Thượng tá;
- Ông Đoàn Hồng Hiệp; Chức vụ: Đội trưởng; Cấp bậc: Thiếu tá;
- Ông Đào Thanh Tùng; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Trung úy;
- Bà Phạm Thị Hà Giang; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Trung úy.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Cảng container vip green port – giai đoạn 2.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cảng xanh vip.
- Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip.

- Ông Cấp Trọng Cường; chức vụ: Giám đốc.
- Ông Lê Bá Hồng; chức vụ: Phó Giám đốc.
- Ông Mai Ngọc Tấn; chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục: hệ thống đường, bãi và Nhà ăn ca): Công ty TNHH Xây dựng và trang trí nội thất Thăng Long

- Ông Trần Quang Vinh; chức vụ: Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục: hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động tại nhà trạm biển áp 3, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn tại nhà ăn ca và nhà trạm biển áp 3, trang bị phương tiện chữa cháy xách tay tại nhà trạm biển áp 3 và nhà ăn ca): Công ty TNHH thiết bị PCCC Duyên Hải.

- Bà Phạm Thị Hạnh; chức vụ: Giám đốc.
- Bà Phạm Thị Thùy Linh; chức vụ: Nhân viên.

4. Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế giám sát: Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải tại thành phố Hải Phòng

- Ông Vũ Ngọc Long; chức vụ: Giám đốc.
- Ông Đào Trọng Phong; chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng.

5. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Trung tâm tư vấn phát triển Công nghệ xây dựng Hàng Hải

- Ông Phạm Văn Trung; chức vụ: Giám đốc.

- Ông Trần Huy Thanh; chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng.

6. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục: nhà trạm biển áp số 3, hệ thống điện Cảng container Vip Green Port giai đoạn 2): Công ty cổ phần hỗ trợ phát triển năng lượng Hải Phòng

- Ông Đặng Đức Chính; chức vụ: Giám đốc.

- Ông Đinh Tấn Khang; chức vụ: Chỉ huy trưởng.

7. Đại diện đơn vị thi công (thi công nền cọc cầu tàu số 2, thi công đổ đá găm bến): Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình Thủy Cienco 1

- Ông Tạ Tuấn Anh; chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty;

- Ông Phạm Anh Tuấn; chức vụ: Giám đốc.

8. Đại diện đơn vị thi công (thi công xây lắp cầu tàu): Công ty TNHH dịch vụ xây lắp thương mại S3T

- Ông Đào Đình Sử; chức vụ: Giám đốc

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Hồ sơ thiết kế công trình Cảng Container VIP Green port đã được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng thẩm duyệt về PCCC và cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 79/TD-PCCC ngày 11/5/2015 với các nội dung thẩm duyệt gồm:

+ Bậc chịu lửa; Giao thông phục vụ chữa cháy;

+ Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (xưởng sửa chữa: hạng D);

+ Khoảng cách an toàn PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;

+ Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

+ Hệ thống điện; Hệ thống chống sét;

+ Hệ thống thông gió thoát khói (Thông gió tự nhiên);

+ Hệ thống báo cháy tự động;

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy;

+ Phương tiện chữa cháy xách tay.

- Tại nội dung thẩm duyệt có yêu cầu:

+ Các lối ra thoát nạn (cửa thoát nạn) của xưởng sửa chữa hiện là cửa cuốn. Yêu cầu các cửa thoát nạn phải luôn mở khi có người làm việc bên trong.

2. Công văn nghiệm thu số 132/CSPCCC-HDPC ghi ngày 07/11/2015 của Cảnh sát PCCC TP Hải Phòng về việc nghiệm thu đối với công trình Cảng Container Vip Green Port – Giai đoạn 1.

3. Công văn số 34/CV ghi ngày 10/3/2016 của Công ty cổ phần cảng xanh vip gửi Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng về việc nghiệm thu PCCC đối với công trình Cảng Container Vip Green Port – Giai đoạn 2.

4. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công; báo cáo kết quả thi công tại giai đoạn 2.

5. Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 5086/KĐ-PCCC-P9 ghi ngày 30/10/2015 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm xây dựng: Công trình Cảng container Green Port – Công ty cổ phần Cảng xanh Vip có tổng diện tích quy hoạch khoảng 169.238m², một số hạng mục chính đã được nghiệm thu về PCCC ở giai đoạn 1, tại giai đoạn 2 thi công xây dựng các hạng mục chính gồm:

- Nhà ăn ca (cao 01 tầng, diện tích khoảng 140m²): Kết cấu chịu lực cột bê tông cốt thép, tường gạch, dầm, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép. Nhà ăn ca xây cách nhà văn phòng (cao 03 tầng) khoảng 2,0m, tường của nhà văn phòng quay về phía nhà ăn ca là tường gạch cao tới mái.

- Nhà trạm biến áp số 3 (công suất 1600KVA, sử dụng 01 máy biến áp 22/0,4KV): kết cấu bê tông cốt thép, tường xây gạch chi, sàn, mái bê tông cốt thép. Nhà trạm biến áp được ngăn thành phòng máy biến áp, phòng điện, mỗi phòng có 01 cửa mở ra ngoài theo hướng thoát nạn.

- Khu vực cầu cảng: Kết cấu bê tông cốt thép, tiếp giáp với Cảng Đình Vũ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (gồm 10 trụ nước chữa cháy kép D65, 01 trụ tiếp nước cho xe chữa cháy) được đấu nối với hệ thống đường ống hiện trạng tại giai đoạn 1.

- Riêng hạng mục nhà xưởng sửa chữa đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, tuy nhiên theo báo cáo của Chủ đầu tư do không có nhu cầu sử dụng đến nên không tổ chức thi công nhà xưởng sửa chữa.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy:

- Khuôn viên khu đất Công ty nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ, có đường giao thông thuận lợi. Mặt đường bãi là bê tông asphan được gia cố, đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy hoạt động.

3. Hệ thống điện:

- Nguồn điện cung cấp cho công trình được lấy từ điện lưới khu vực tới trạm biến áp trong công trình và đến các tủ điện phân phối của khu vực.

- Các tủ điện được nối đất an toàn.

- Khu vực bãi được chiếu sáng bằng các đèn cao áp trên cột.

4. Hệ thống chống sét:

- Tại nhà ăn ca, nhà trạm biến áp số 3 lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét loại thông thường, có sử dụng các kim thu sét thường lắp đặt trên mái nhà. Các thiết bị của hệ thống thu lôi chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

- Các cột điện cao áp tại khu vực bãi có kim thu lôi chống sét.

5. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn trên các lối thoát nạn tại nhà ăn ca, nhà trạm biến áp số 3.

6. Hệ thống thông gió thoát khói.

- Nhà ăn ca (01 tầng), nhà trạm biến áp số 3 được thông gió tự nhiên bằng các cửa ra vào, cửa sổ.

7. Hệ thống báo cháy tự động.

- Sử dụng trung tâm báo cháy 05 kênh hiện trạng.

- Nhà Trạm biến áp số 3: Lắp đặt tổng số 02 đầu báo cháy (gồm 01 đầu báo cháy khói và 01 đầu báo cháy nhiệt).

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây 2x0,75mm², được đi trong ống nhựa bảo vệ chống cháy.

- Nút ấn báo cháy: Được lắp đặt trên tường bên ngoài nhà đặt trạm biến áp, cách sàn thao tác khoảng 1,25m. Chuông báo cháy được lắp đặt phía trên nút ấn báo cháy, cách sàn thao tác khoảng 3,0m.

8. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Tại giai đoạn 2 xung quanh Cảng chứa hàng container có lắp đặt 10 trụ nước chữa cháy (loại trụ kép) đường kính ống lên thân trụ D100, họng ra D65, tại mỗi trụ có 02 cuộn vòi A, 02 lăng A đặt trong tủ và 01 trụ tiếp nước cho xe chữa cháy.

- Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống chữa cháy là ống thép mạ kẽm đường kính D100 thi công bằng phương pháp hàn, nối mặt bích. Đường ống cấp nước chữa cháy được kết nối với đường ống hiện trạng tại giai đoạn 1.

- Sử dụng trạm bơm chữa cháy, bể nước chữa cháy hiện trạng đã được nghiệm thu tại giai đoạn 1.

9. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Công trình được trang bị các bình chữa cháy loại bình bột MFZ4, bình khí CO₂ MT3. Các bình chữa cháy được bố trí tại các nhà ăn ca, nhà trạm biến áp nơi dễ thấy, dễ lấy. Số lượng bình đảm bảo theo quy định.

III. Tiến hành thử nghiệm.

1. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn thấy ắc quy trong đèn tự khởi động để chiếu sáng.

2. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý hệ thống điện):

Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

3. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

4.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

4.2. Chế độ báo cháy:

- Thử các đầu báo cháy khói bằng phương pháp tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy khói thấy chuông báo cháy kêu, đèn báo cháy sáng, tại trung tâm báo cháy hiển thị khu vực cháy.

- Thử các đầu báo cháy nhiệt bằng phương pháp đốt nóng sau 30 giây thấy chuông báo cháy kêu, đèn báo cháy hiển thị.

- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các đầu báo cháy ở các khu vực của công trình.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 10 giây.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

5. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

5.1. Máy bơm nước chữa cháy:

- Vận hành máy bơm chữa cháy trường hợp:

+ Hoạt động của máy bơm khi không tải: Bơm có hoạt động.

+ Hoạt động của máy bơm khi có tải (bơm và xả nước qua các trụ chữa cháy kép D65).

5.2. Hệ thống họng nước chữa cháy:

- Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy: Vòi chữa cháy không bị bục, liên kết giữa vòi chữa cháy và lăng phun nước chữa cháy bằng khớp nối nhanh đảm bảo theo quy định.

- Tầm phun xa đầu lăng của tia nước đặc > 6m;

- Áp lực đồng hồ trong trạm bơm khi sử dụng > 5KG/cm².

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

6. Phương tiện chữa cháy xách tay:

Các bình chữa cháy trang bị đúng theo hồ sơ thiết kế (bình chữa cháy mới chưa sử dụng) thử phun bình chữa cháy vào đám cháy có diện tích 1m² (kích thước 1mx1m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

IV. Kết luận:

1. Bậc chịu lửa (Nhà ăn ca): bậc II chịu lửa;

2. Khoảng cách an toàn PCCC: Đạt yêu cầu;

3. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;

4. Lối thoát nạn: Đạt yêu cầu;

5. Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Đạt yêu cầu;

6. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;

7. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý hệ thống điện): Đạt yêu cầu.

8. Hệ thống thông gió thoát khói (Thông gió tự nhiên): Đạt yêu cầu;

9. Hệ thống chống sét: Đạt yêu cầu;

10. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;

11. Hệ thống cấp nước chữa cháy: Đạt yêu cầu;

12. Phương tiện chữa cháy xách tay: Đạt yêu cầu.

V. Kiến nghị:

1. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng cho Chủ đầu tư sử dụng các phương tiện PCCC đã trang bị.

2. Đơn vị sử dụng phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

3. Chủ đầu tư (Công ty cổ phần cảng xanh vip) phải bổ sung hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy chữa cháy, phương án chữa cháy.

4. Tổ chức tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ PCCC, thực tập phương án chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 10 phút cùng ngày gồm 06 trang, lập thành 08 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây.

Đại diện
Chủ đầu tư



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Bá Hồng

Đại diện đơn vị
thi công - Công ty TNHH
thiết bị PCCC Duyên Hải



GIÁM ĐỐC
Phạm Chi Hằng

Đại diện
Đoàn kiểm tra



TRƯỞNG PHÒNG HƯỚNG DẪN,
CHỈ ĐẠO VỀ PHÒNG CHÁY
Thượng tá Đoàn Mạnh Hùng

Đại diện đơn vị thi công - Công
ty TNHH Xây dựng và trang
trí nội thất Thăng Long



GIÁM ĐỐC
Trần Quang Vinh

Đại diện đơn vị thi công -
Công ty Cổ phần đầu tư và
xây dựng công trình Thủy
Điện 1



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Tuấn Anh

Đại diện đơn vị thi công - Công
ty TNHH dịch vụ xây lắp
thương mại S3T



GIÁM ĐỐC
Đào Đình Sĩ

Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế
giám sát: Chi nhánh Công ty
Cổ phần tư vấn xây dựng công
trình Hàng Hải tại Hải Phòng



GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Long



GIÁM ĐỐC
Dặng Đức Chính

Đại diện đơn vị tư vấn giám
sát: Trung tâm tư vấn phát
triển Công nghệ xây dựng
Hàng Hải



GIÁM ĐỐC
TS. Phạm Văn Trung



**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ AN TOÀN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP; Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

*** Đại diện Đoàn kiểm tra an toàn PCCC – Công an TP. Hải Phòng:**

1. Thượng tá Vũ Thế Cường – Phó trưởng phòng.
2. Thiếu tá Hoàng Văn Thám - Đội trưởng.
3. Trung tá Nguyễn Văn Điền – Đội trưởng
4. Trung tá Phạm Văn Nam - Phó Đội trưởng.
5. Đại úy Đào Ngọc Hà – Phó Đội trưởng.
6. Thượng úy Phạm Trung Dũng - Cán bộ.
7. Thượng úy Trịnh Văn Nhân – Cán bộ.
8. Đại úy Đoàn Văn Nho – Cán bộ Phòng PC06.
9. Thượng úy Lê Văn Nghĩa – Cán bộ Phòng PV01.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn PCCC đối với Cảng Xanh Vip thuộc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

*** Đại diện Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP:**

1. Ông Nguyễn Kim Dương Khôi; Chức vụ: Phó giám đốc Công ty (được ủy quyền theo Công văn số 22/UQGD-VGD ngày 16/3/2023).

2. Ông Nguyễn Quang Hưng; Chức vụ: Đội trưởng đội PCCC Cơ sở.

Thực hiện Kế hoạch số 200/KH-CAHP-PC07 ngày 24 tháng 01 năm 2024 về kiểm tra công tác an toàn PCCC đối với các cơ sở có đội PCCC chuyên ngành và cơ sở có xe chữa cháy trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Qua nghe báo cáo của Lãnh đạo cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở, Đoàn kiểm tra ghi nhận tình hình công tác PCCC tại cơ sở như sau:

I. Tình hình đặc điểm chung:

Cảng Xanh Vip thuộc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP hoạt động năm 2015 có diện tích mặt bằng khoảng 169.238m² bao gồm các hạng mục sau:

- Nhà văn phòng điều hành được xây dựng 03 tầng có diện tích mặt bằng 276m² kết cấu cột bê tông cốt thép chịu lực, tường gạch, dầm, sàn bê tông cốt thép, mái tôn.

- Nhà ăn ca cho công nhân được xây dựng 01 tầng có diện tích 120m² kết cấu cột bê tông cốt thép chịu lực, tường gạch, mái bê tông cốt thép.

- Trạm cấp dầu nội bộ gồm 01 cột bơm và 01 bể chứa dung tích 25m³.
- Cầu cảng dài khoảng 370m được xây dựng kết cấu bê tông cốt thép, cầu cảng có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 30.000 DWT giảm tải.
- Bãi container được trải nhựa asphan.
- 01 nhà xưởng diện khoảng 100m² được xây dựng kết cấu khung thép, mái tôn.
- Tại cơ sở có 03 trạm biến áp:
 - + Trạm biến áp số 01 có diện tích 75m² tường xây gạch 220mm, mái bê tông cốt thép, cửa thép.
 - + Trạm biến áp số 2 và số 3 có diện tích 40m² tường xây gạch 220mm, mái bê tông cốt thép, cửa thép.

II. Đánh giá công tác PCCC đã thực hiện tại cơ sở:

I. Công tác duy trì, đảm bảo các hoạt động của đội PCCC chuyên ngành:

- Cơ sở đã thành lập đội PCCC chuyên ngành gồm có 25 thành viên, các thành viên đã được huấn luyện cấp chứng nhận huấn luyện về PCCC và CNCH năm 2023.

- Đã ban hành quy chế hoạt động của đội PCCC chuyên ngành. Trong quy chế đã thể hiện việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đội PCCC chuyên ngành, bảo đảm chế độ chính sách cho chỉ huy và đội viên đội PCCC chuyên ngành cũng như kinh phí hoạt động của đội pccc chuyên ngành.

- Đã phối hợp tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH năm 2023 nhưng chưa đảm bảo thời gian huấn luyện theo quy định.

- Đã tiến hành trang bị phương tiện cho Đội PCCC chuyên ngành theo quy định gồm: 10 bình bột chữa cháy, 10 bình khí chữa cháy, 10 bộ quần áo chữa cháy, 10 găng tay chữa cháy, 10 ủng chữa cháy, 10 mũ chữa cháy, 03 đèn pin, 01 riu cứu nạn, 01 búa tạ, 01 xà beng, 02 bộ đàm.

- Phương tiện, trang thiết bị chữa cháy dự phòng được bảo quản trang kho đồ, sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng.

- Đã lập sổ theo dõi tình trạng hoạt động của máy bơm chữa cháy, có ghi chép đầy đủ và thường xuyên.

- Kiểm tra kỹ thuật cá nhân, việc sử dụng phương tiện, trang thiết bị của đội viên đội PCCC cơ sở:

+ Đã xây dựng giáo án huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho đội viên đội PCCC chuyên ngành. Một số nội dung giáo án huấn luyện chưa phù hợp với điều kiện phương tiện trang bị thực tế tại cơ sở.

+ Đội viên đội PCCC chuyên ngành triển khai được các đội hình chữa cháy cơ bản.

+ Đội viên đội PCCC chuyên ngành thao tác, sử dụng được các trang bị, phương tiện được trang bị tại cơ sở.

+ Một số đội viên đội PCCC chuyên ngành chưa nắm bắt được phương pháp kiểm tra tình trạng hoạt động của phương tiện chữa cháy xách tay.

2. Công tác thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 79/TD-PCCC của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/5/2015 đối với hạng mục công trình Cảng Container VIP Green port.

- Văn bản nghiệm thu về PCCC số 132/CSPCCC-HDPC ngày 07/11/2015 của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng đối với hạng mục công trình Cảng Container VIP Green port - giai đoạn I.

- Văn bản nghiệm thu về PCCC số 47/CSPCCC-HDPC ngày 21/3/2016 của Cảnh sát PCCC thành phố đối với hạng mục công trình Cảng Container VIP Green port - giai đoạn II.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 192/TD-PCCC của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/9/2016 đối với hạng mục trạm cấp dầu nội bộ.

- Văn bản nghiệm thu số 10/NT-PC07 ngày 11/01/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đối với hạng mục trạm cấp dầu nội bộ.

3. Về hồ sơ theo dõi công tác PCCC:

- Cơ sở đã xây dựng hồ sơ quản lý công tác PCCC; đã ban hành, niêm yết được nội quy an toàn PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, biển cấm lửa, cấm hút thuốc.

- Đã xây dựng Phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu số PC11 Ban hành kèm theo Thông tư 66/2014/TT-BCA.

- Phương án cứu nạn cứu hộ của cơ sở theo mẫu số 04 Ban hành kèm theo Nghị định 83/2017/NĐ-CP.

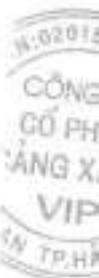
- Năm 2021, 2022, 2023 đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Hệ thống giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy:

+ Giao thông bên ngoài: Cảng có 02 cổng ra vào chính hướng ra đường Đình Vũ, mặt đường rộng, giao thông thông thoáng thuận tiện cho xe chữa cháy và CNCH tiếp cận.

+ Giao thông bên trong: Bên trong Cảng mặt đường rộng đảm bảo cho xe chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiếp cận, triển khai đội hình chữa cháy và CNCH.

+ Cơ sở nằm cạnh sông Bạch Đằng nên có nguồn nước phục vụ chữa cháy dồi dào, chữa cháy trong nhiều giờ. Ngoài ra cơ sở có 01 bể nước ngầm 250m³ phục vụ cho công tác chữa cháy.



5. Hệ thống điện, hệ thống chống sét, chống tĩnh điện:

- Nguồn điện được cấp từ nguồn điện của thành phố qua các trạm biến áp đến các khu vực. Dây dẫn điện được đi trong ống gen, có áp tô mát bảo vệ.

- Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện: Đã đo điện trở tiếp địa hệ thống chống sét khu nhà văn phòng, cột thu lôi chống sét trạm cấp xăng dầu, bể chứa xăng dầu, trụ cấp xăng dầu, các cột đèn từ số 01 đến số 10 ngày 19/07/2023.

- Cảng có 03 trạm biến áp:

+ Trạm biến áp số 1: Gồm 02 máy mỗi có công suất 1600KVA;

+ Trạm biến áp số 2 và số 3: mỗi trạm có 01 máy, mỗi máy có công suất 1600KVA.

- 01 máy phát điện dự phòng gần khu vực trạm cấp dầu nội bộ có diện tích 75m².

6. Hệ thống thiết bị, phương tiện PCCC được trang bị:

- Cơ sở có 01 tủ trung tâm báo cháy gồm 05 kênh (được đặt tại khu vực phòng bảo vệ), gồm 04 tổ hợp nút ấn, chuông đèn và đầu báo cháy các loại đặt tại khu vực phòng bảo vệ và 03 trạm biến áp.

- Cơ sở có trang bị hệ thống chữa cháy bằng nước gồm: 01 máy bơm điện có công suất 22,5 KW, 01 máy bơm chữa cháy động cơ Diezel có công suất 22,5KW, 01 máy bơm bù áp chữa cháy (Q=1lit/s, H=60m), 01 bình tích áp, dung tích 200 lít, 01 tủ điều khiển bơm chữa cháy, 19 trụ nước chữa cháy 02 ngà D65, 02 trụ tiếp nước từ xe chữa cháy, 19 hộp chữa cháy ngoài nhà, 38 bộ vòi và lăng chữa cháy D65, 01 hệ thống cấp nước và phụ kiện, 01 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC.

- Phương tiện chữa cháy xách tay: Cảng đã trang bị 90 bình chữa cháy các loại gồm: 40 bình chữa cháy MFZ4 ABC, 47 bình chữa cháy MT3, 03 bình chữa cháy xe đẩy MFZT35 được bố trí phân tán tại các khu vực của công ty.

- Đã bảo dưỡng phương tiện PCCC theo quy định.

- Đã tiến hành trang bị phương tiện cho Đội PCCC chuyên ngành theo quy định gồm: (05 bộ quần áo, mũ, ủng, găng tay, 02 đèn pin cầm tay, 05 mặt nạ lọc độc, 01 xả beng, 01 búa tạ 5kg, 02 rừu cứu hỏa loại 2kg, 01 kìm cộng lực, 02 túi cứu thương, 01 cáng cứu thương, 02 dây cứu người loại 30m).

7. Về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc:

- Cơ sở đã thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của Công ty Bảo Việt Đinh Vũ cho tòa nhà văn phòng và nhà ăn ca, trạm biến áp có thời hạn đến ngày 17/01/2025.

*** Tồn tại:**

- Chưa trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới theo quy định.

- Trang bị chưa đầy đủ phương tiện, trang thiết bị cho đội PCCC chuyên ngành theo Thông tư 150/2020/TT-BCA của Bộ Công an.

- Giáo án huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và CNCH cho đội viên đội PCCC chuyên ngành chưa bám sát nội dung, phương tiện được trang bị tại cơ sở.

- Chưa báo cáo tình hình quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BCA.

- Tại thời điểm kiểm tra, máy bơm chữa cháy không hoạt động ở chế độ tự động duy trì áp lực nước chữa cháy.

III. Kiến nghị:

1. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở được quy định tại Luật PCCC năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2013. Duy trì các điều kiện an toàn PCCC tại cơ sở theo quy định. Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở CBCNV công ty và khách hàng chấp hành nội quy, quy định về PCCC. Quản lý chặt chẽ các dạng nguồn lửa nguồn nhiệt, các chất sinh lửa, sinh nhiệt trong khu vực hoạt động.

2. Tổ chức và duy trì công tác tự kiểm tra an toàn PCCC, kịp thời khắc phục ngay những tồn tại, thiếu sót về PCCC để phòng các sự cố cháy, nổ xảy ra. (kết quả tự kiểm tra phải được ghi nhận bằng văn bản và lưu vào hồ sơ theo dõi).

3. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy (hệ thống chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố) đã được trang bị theo quy định.

Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị cho đội PCCC chuyên ngành theo Thông tư 150/2020/TT-BCA của Bộ Công an.

Báo cáo tình hình quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ định kỳ theo quy định.

4. Đảm bảo duy trì hoạt động của đội PCCC chuyên ngành. Nêu cụ thể nội dung về chế độ của đội viên, chỉ huy đội PCCC chuyên ngành trong Báo cáo công tác PCCC định kỳ gửi cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH. Xây dựng lại giáo án huấn luyện để đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tính chất cháy, nổ, trang bị, phương tiện chữa cháy, CNCH được trang cấp tại cơ sở.

5. Sửa chữa hệ thống máy bơm chữa cháy để đảm bảo hệ thống duy trì áp lực, phục vụ thường trực chữa cháy theo quy định.

6. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC:

- Ban hành nội quy an toàn PCCC phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của cảng.



- Tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn cứu hộ định kỳ hàng năm theo quy định.

- Trang bị phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại TCVN:3890-2023

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày gồm 06 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây.



ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

[Handwritten signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Dương Khởi

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA



[Handwritten signature]
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN
Thượng tá Vũ Thế Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 01 năm 2024.

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 270/2024/UPTD-VIPG

Về việc: Ứng phó sự cố tràn dầu cho cảng Vip Green Port

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP (VGP)

VÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
VIỆT NAM (MCIC)**



MỤC LỤC

PHẦN 1. CĂN CỨ KÍ KẾT	3
PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG	4
Điều 1. MÔ TẢ HỢP ĐỒNG	4
Điều 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	4
Điều 3. NGÀY HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG	4
Điều 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A	4
Điều 5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B.....	5
Điều 6. CHI PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN	6
Điều 7. BẢO HIỂM.....	7
Điều 8. BẤT KHẢ KHÁNG	7
Điều 9. TUÂN THỦ QUY TẮC AN TOÀN.....	7
Điều 10. LUẬT VÀ TRỌNG TÀI.....	7
Điều 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	7
PHỤ LỤC 1:	9
PHỤ LỤC 2:	13
TM CÔNG TY	13
PHỤ LỤC 3:	14

PHẦN I. CĂN CỨ KÝ KẾT

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI.

Bộ Luật Hàng hải số 95/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2015.

Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/6/2015.

Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024 chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Đại diện : Ông Nguyễn Kim Dương Khôi Chức vụ: Phó Giám Đốc
Địa chỉ : Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : (0225) 883 0333

Fax: (0225) 883 0668

Mã số thuế : 0201579242

Số TK: 0031000586868 – tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hải Phòng.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI VIỆT NAM

Đại diện : Ông Trần Thành Trung Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 12 Hồ Sen – Phường Dư Hàng - Quận Lê Chân - Thành Phố Hải Phòng.

Điện thoại : (0225) 628 5060

Fax: (0225) 361 1418

Tài khoản : 1013085170 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Mã số thuế : 0200805121

Hai Bên đồng ý ký Hợp Đồng Dịch vụ Ứng phó sự cố tràn Dầu ("Hợp Đồng") với các điều khoản như sau:

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Điều 1. MÔ TẢ HỢP ĐỒNG

1.1 Hợp Đồng này bao gồm :

Các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng

- Phụ lục 1: Đơn Giá chi tiết Hợp đồng.
- Phụ lục 2: Mẫu Thông báo sự cố tràn Dầu.
- Phụ lục 3: Quy trình thông báo

1.2 Những Phụ lục trong Hợp Đồng này lập thành một phần của Hợp Đồng và là phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

1.3 Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc mâu thuẫn nào giữa các điều khoản, điều kiện của Hợp Đồng với các Phụ lục của Hợp Đồng này thì các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này sẽ được dùng để áp dụng.

Điều 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1 Bên A thuê và bên B đồng ý cung cấp dịch vụ “Ứng trực thông tin và ứng cứu sự cố tràn dầu” tại khu vực cầu cảng thuộc Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip theo phương thức trực thông tin sự cố 24/24 tại văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam và triển khai tổ chức ứng cứu, giải quyết sự cố kịp thời khi có sự cố xảy ra tại cảng của Bên A.

2.2 Đặt trang thiết bị ứng trực tại cảng Bên A các trang thiết bị, vật tư như sau.

- 2.2.1 : 100m phao quây dầu chuyên dụng
- 2.2.2 : 03 kiện phao quây thấm dầu loại 3m.
- 2.2.3 : 02 Thùng tấm thấm dầu (100 tấm / thùng).

2.3 Phối hợp diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 3. NGÀY HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

3.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Sau thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, Bên A không còn nợ Bên B về tất cả các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này coi như đã được thanh lý và giá trị của Hợp đồng không còn hiệu lực.

3.3 Trong vòng 30 ngày trước hạn Hợp đồng kết thúc hai Bên sẽ tiến hành thương thảo gia hạn Hợp đồng hoặc ký Hợp đồng mới.

Điều 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- 4.1 Khi xảy ra sự cố tràn dầu, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B bằng phương tiện điện thoại theo số điện thoại tại phụ lục 3 và ngay sau đó sẽ thông báo bằng văn bản những thông tin liên quan đến sự cố theo mẫu thông báo chi tiết tại Phụ lục 2 để Bên B kịp thời huy động nhân lực, phương tiện và trang thiết bị tham gia ứng cứu.
- 4.2 Cung cấp thông tin, số điện thoại của người chịu trách nhiệm ứng cứu hoặc người đại diện để Bên B thuận tiện liên lạc trong quá trình ứng cứu.
- 4.3 Bên A tạo điều kiện cho Bên B liên lạc với Chủ tàu, tàu dịch vụ, sà lan và các Bên hữu quan để phối hợp ứng cứu kịp thời.
- 4.4 Bên A có nhiệm vụ giám sát các hoạt động nhân sự của Bên B, xác nhận khối lượng hoàn thành Dịch vụ của Bên B khi kết thúc thời hạn của Hợp Đồng.
- 4.5 Có trách nhiệm chi trả chi phí ứng trực và ứng cứu, diễn tập theo các điều khoản đã thống nhất trong Hợp đồng này.
- 4.6 Bên A chịu trách nhiệm chi trả cho Bên B mọi chi phí phát sinh trong quá trình ứng cứu theo phụ lục 1 của Hợp đồng này khi có sự cố xảy ra.
- 4.7 Bên A chịu trách nhiệm chi trả các chi phí bồi thường thiệt hại theo quy định.
- 4.8 Bên A cam kết sẽ bảo quản, giữ gìn các trang thiết bị mà bên B cung cấp đảm bảo nguyên trạng như lúc nhận bàn giao; nếu mất mát hoặc hư hỏng sẽ có trách nhiệm đền bù theo giá trị tại thời điểm đền bù.

Điều 5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- 5.1 Chịu trách nhiệm cùng với Bên A thoả thuận với các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan về quy trình, kế hoạch thực hiện công việc trong phạm vi của Hợp Đồng trước khi triển khai.
- 5.2 Chịu trách nhiệm ứng cứu sự cố tràn dầu tại Cầu Cảng của Cảng VIP GREEN PORT (Chi phí theo phụ lục HĐ).
- 5.2.1 Khi nhận được thông báo của Bên A bằng điện thoại (Bên A sẽ gửi văn bản sau), Bên B có trách nhiệm điều động nhân lực, phương tiện và trang thiết bị đến khu vực xảy ra sự cố tràn dầu trong thời gian nhanh nhất, bảo đảm kịp thời khống chế dầu tràn trong diện tích mặt nước nhỏ nhất.
- 5.2.2 Bên B bảo đảm rằng nhân lực, phương tiện và trang thiết bị luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động để triển khai khi có sự cố. Bên B tuân theo các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A (hoặc Đại diện Bên A tại khu vực xảy ra sự cố tràn dầu) liên quan đến dịch vụ trừ khi yêu cầu đó không phù hợp với Hợp Đồng.
- 5.2.3 Bên B sẽ tuân theo những quy định cần thiết về an toàn như ghi ở Điều 9 của Hợp Đồng này.
- 5.2.4 Bên B phải có trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện và trang thiết bị ứng trực

thông tin sẵn sàng hàng tháng tại Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ của Bên B.

5.2.5 Khi có sự cố tràn dầu, trong mọi tình huống Bên B sẽ thực hiện công tác ứng cứu một cách nhanh nhất, đảm bảo không chế lượng dầu tràn, thu hồi và xử lý lượng dầu đã tràn ở mức cao nhất, giảm thiệt hại tới môi trường xung quanh.

5.2.6 Cùng với Bên A làm việc với các cơ quan chức năng liên quan để xử lý sự cố.

5.2.7 Chịu trách nhiệm và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với Bên A và Bên thứ ba mà nguyên nhân là do lỗi cố ý của Bên B gây ra.

5.2.8 Bên B sẽ được miễn trách nhiệm cho toàn bộ những tổn thất, thiệt hại phát sinh từ sự cố do Bên A không thông báo kịp thời cho Bên B.

5.3 Bên B hỗ trợ Bên A diễn tập trên cạn và đào tạo nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu và cấp giấy chứng nhận cho học viên của Bên A theo hình thức đào tạo tập trung.

5.4 Bên B hỗ trợ đặt thiết bị miễn phí cho Bên A.

Điều 6. CHI PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1 Đơn giá ứng trực thông tin sự cố tràn dầu hàng tháng tại văn phòng Công ty cổ phần Tư vấn Dầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam cho Bến cảng VipGreenport là: **5.000.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng).**

6.2 Đơn giá phối hợp diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu dưới nước là: **7.000.000 đồng/ lần (Bằng chữ: Bảy triệu đồng/ lần).**

6.3 Các đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT, đơn giá phối hợp diễn tập đã bao gồm chi phí lập kịch bản và chi phí khách mời.

6.4 Phí trực thông tin sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B ba (03) tháng/ lần (Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 10 ngày sau khi nhận được hóa đơn và giấy đề nghị thanh toán của Bên B). Đơn giá phối hợp diễn tập sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B sau khi Bên A nhận được hóa đơn, đề nghị thanh toán và Biên bản diễn tập.

6.5 Khi xảy ra sự cố tràn dầu Bên B triển khai ứng cứu, Bên A có trách nhiệm thanh toán các chi phí dịch vụ ứng cứu cho Bên B căn cứ vào số lượng nhân lực, phương tiện, trang thiết bị tham gia và vật liệu tiêu hao khi ứng cứu sự cố tràn dầu cho Bên A. Bên A xác nhận theo đơn giá ghi tại Phụ lục 1.

6.5.1 Đơn giá tại Phụ lục 1 là không thay đổi trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp Đồng.

6.5.2 Sau khi hoàn thành toàn bộ dịch vụ ứng cứu, Bên B sẽ gửi cho Bên A các giấy tờ cần thiết như sau:

- Hoá đơn tài chính cho các chi phí thực hiện Dịch vụ.
- Giấy đề nghị thanh toán.
- Biên bản nghiệm thu ứng cứu.

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ các giấy tờ trên, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền Việt Nam và bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

6.6 Trường hợp có thắc mắc tranh chấp liên quan đến đơn giá Dịch vụ và chi phí hay chứng từ thanh toán của Bên B, Bên A phải kịp thời thông báo cho Bên B biết để cùng nhau bàn bạc giải quyết.

6.7 Mọi chi phí liên quan đến giao dịch Ngân Hàng của Bên nào do Bên đó chịu, trừ những chi phí đã được quy định rõ tại các điều khoản trong Hợp Đồng này.

6.8 Bên B có trách nhiệm đóng mọi khoản thuế, lệ phí và các loại chi phí khác theo quy định pháp luật liên quan đến Hợp Đồng này.

Điều 7. BẢO HIỂM

Bên B có trách nhiệm mua và duy trì các loại Bảo hiểm cần thiết theo quy định của Nhà nước bằng chi phí của mình, bao gồm nhưng không giới hạn: Phương tiện, thiết bị, vật liệu, xe cộ, tính mạng, bảo hiểm hàng hải cho Nhân sự và trang thiết bị tham gia vào hoặc liên quan đến Hợp Đồng này theo quy định và thông lệ của Cơ quan Bảo hiểm, Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với Bên thứ ba.

Điều 8. BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 Không một Bên nào trong Hợp Đồng này sẽ phải chịu trách nhiệm cho những hư hỏng, thiệt hại về tài sản, con người của Bên kia hay của Bên thứ ba trong những trường hợp bất khả kháng.

8.2 Những sự cố bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn những sự cố thiên nhiên, chiến tranh, khủng bố, biểu tình v.v, hay những quyết định của Chính phủ v.v, và những trường hợp tương tự vượt quá sự kiểm soát của các Bên .

Điều 9. TUÂN THỦ QUY TẮC AN TOÀN

9.1 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Bên B có trách nhiệm tuân thủ các quy định, quy trình về an toàn, phòng cháy chữa cháy tại khu vực xếp dỡ hàng hoá của tàu, sả lan và phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước.

9.2 Bên B bảo đảm rằng thực hiện Dịch vụ không gây ảnh hưởng đến Nhân sự, các thiết bị, ống dẫn, tàu thuyền của Bên A tại vùng xảy ra sự cố tràn dầu.

Điều 10. LUẬT VÀ TRỌNG TÀI

10.1 Luật chi phối Hợp Đồng này là Luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

10.2 Mọi tranh chấp giữa các Bên không thể giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra Toà án Kinh tế thành phố Hải Phòng giải quyết.

Điều 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Hợp Đồng này và các thông tin liên quan phải được bảo mật và các Bên không được tiết lộ cho Bên thứ ba dưới bất cứ hình thức nào.

Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024 và sẽ tự thanh lý khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Dương Khải

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thành Trung

2
T
A
1
2
1
H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH

số: 2942-2023..... HB-DV

- Căn cứ Bộ luật Dân sự của Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND Thành phố Hải Phòng "Về giải tỏa địa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn Thành phố Hải Phòng".
- Căn cứ Quyết định số 194B/QĐ-MTĐT ngày 29/4/2021 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hải Phòng "Về việc giải địa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn Thành phố Hải Phòng".
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế các các bên trong hợp đồng.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Thành phố Hải Phòng chúng tôi gồm có:

1. Bên sử dụng dịch vụ vệ sinh (bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG XANH VIP

Đại diện là Ông : Tạ Công Thông

Chức vụ: Giám Đốc

Trụ sở: Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế: 0201579242

Email:

Tài khoản:.....

2. Bên cung cấp dịch vụ vệ sinh (bên B):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG.

Đại diện: Bà Phạm Thị Thu An Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Công ty

Trụ sở: Số 1 Lý Tự Trọng, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng.

Tài khoản số: 2112201022230

Tại: NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200149536

Điện thoại: 02253-747787

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của đơn vị.

1.1. Thành phần chất thải: rác thải sinh hoạt (không chứa thành phần nguy hại).

1.2. Địa điểm xử lý: khu xử lý tập trung của thành phố do Bên B quản lý

Điều 2: Khối lượng dịch vụ:

1. Khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải được lấy đơn vị đo là: m³ (mét khối)

2. Phương pháp xác định khối lượng là dung tích các dụng cụ chứa đựng (thiết bị, phương tiện vận chuyển) mà 2 bên nhất trí sử dụng theo dung tích xác định của nhà sản xuất.

3. Khối lượng dịch vụ thanh toán: Lấy khối lượng rác thải vận chuyển xử lý theo tháng làm khối lượng thanh toán dịch vụ.

Khối lượng rác thải sinh hoạt: Khối lượng thực tế (KLTT) m³

Điều 3: Giá trị hợp đồng bao gồm:

1. Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt:

$$\text{KLTT (m}^3\text{/tháng) } \times 294.000 \text{ đồng/m}^3 = \text{KLTT} \times 294.000 \text{ đồng/tháng.}$$

Tổng giá trị hợp đồng: **KLTT x 294.000 đồng/tháng**

(Bảng chữ: Khối lượng thực tế nhân hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng trên tháng)

(Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT)

Điều 4: Phương thức thanh toán:

1. Sau khi nhận được hóa đơn thu tiền hợp lệ do bên B phát hành thì bên A phải thanh toán 100% số tiền trên hóa đơn cho bên B.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 5: Quyền hạn và trách nhiệm của các bên:

1. Quyền hạn và trách nhiệm của bên A:

1.1. Bên A có quyền cử cán bộ kiểm tra giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, với điều kiện việc kiểm tra giám sát này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên B.

1.2. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).

1.3. Chứa đựng chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.

1.4. Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

1.5. Đảm bảo thành phần chất thải đúng theo chủng loại đã ghi tại Điều 1 của hợp đồng này, khi có thay đổi về loại chất thải thì phải thông báo cho bên B để có phương án xử lý.

1.6. Đưa chất thải lên phương tiện vận chuyển của bên B đúng thời gian, địa điểm quy định.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của bên B:

2.1. Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định việc thực hiện các điều khoản hợp đồng này, lập biên bản nếu bên A vi phạm hợp đồng.

2.2. Ngừng cung cấp dịch vụ khi bên A vi phạm quy định về vệ sinh môi trường của Thành phố. Việc cung cấp dịch vụ trở lại chỉ được tiến hành sau khi bên A thanh toán đầy đủ các khoản nợ tiền dịch vụ hoặc thực hiện đầy đủ Quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền và đã trả đủ các chi phí khắc phục vi phạm theo quyết định

2.3. Đảm bảo cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải ổn định cho bên A:

- Về thời gian: các ngày trong tuần khi lượng rác cần dc thu gom

- Điểm thu tại: Địa chỉ trụ sở của bên A

2.4. Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24h bằng điện thoại hoặc các phương tiện khác.

2.5. Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ vệ sinh đã được thỏa thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

2.6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Thay đổi, sửa đổi hợp đồng:

1. Nếu một trong hai bên có thông báo hoặc đề nghị bằng văn bản về thay đổi, bổ sung điều khoản có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận bằng văn bản, phụ lục hợp đồng.

2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng:

1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1.1. Bên A giải thể và đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định hoặc hợp đồng hết hạn.

1.2. Bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng do bên A vi phạm hợp đồng hoặc được xác định là không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ vệ sinh trên thực tế.

2. Khi hợp đồng chấm dứt, bên B ngừng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường. Nếu bên A có nhu cầu dịch vụ vệ sinh trở lại phải ký kết hợp đồng mới sau khi đã giải quyết xong các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện hợp đồng cũ với bên B.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

1. Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng, yêu cầu bên vi phạm phải chịu bồi thường mọi tổn thất do bên đó gây ra.

2. Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng; nếu không thương lượng được thì các bên có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại toà án theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Sự kiện bất khả kháng:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Thông báo ngay cho bên kia trong vòng 3 ngày ngay sau sự kiện xảy ra.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 10: Điều khoản chung:

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày: 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

2. Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có các văn bản mang tính thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên hoặc các thông báo để chi tiết, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì cũng được coi là phụ lục của hợp đồng này.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các quy định hiện hành về vệ sinh môi trường đô thị. Nếu một trong hai bên thực hiện không đúng thì được coi là vi phạm hợp đồng.

4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG

Số: 43/2024.TK/TT41

“Thường trực tiếp nhận chất, thu gom và xử lý chất thải nguy hại từ tàu thuyền tại Cảng Xanh Vip”

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường Số: 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ V/v: “ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;
- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 V/v “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;
- Căn cứ vào thông tư số 41/2017/TT-BGTVT về “Quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển” ngày 14/11/2017 của Bộ Giao Thông Vận Tải.
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX của Công ty Cổ phần Hoà Anh do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 28/5/2021;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip và khả năng của Công ty Cổ phần Hoà Anh.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại Công ty Cổ phần Hòa Anh, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng.

Điện thoại: 02258.830333

Fax: 02258.830688

Mã số thuế: 0201579242

Đại diện: Ông NGUYỄN KIM DƯƠNG KHÔI Chức vụ: Phó Giám đốc

Tài khoản: 0031.000.58.6868 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ ANH

Địa chỉ: Số 37/33 Ngô Quyền – P.Máy Chai – Q.Ngô Quyền - TP Hải Phòng

Điện thoại: 02253.765109

Fax: 02253.765109

Mã số thuế: 0200431395

Đại diện: Ông NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản: 3211.0000.215919 tại NH Đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng.

0031000053654 tại Ngân hàng Ngoại Thương Hải Phòng

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng “*Thường trực tiếp nhận, thu gom và xử lý chất thải nguy hại từ tàu thuyền tại Cảng Xanh Vip*” với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU:

Thường trực tiếp nhận chất thải cho các tàu cập tại Cảng Xanh Vip khi có yêu cầu.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN.

- Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại Cảng Xanh Vip : Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng.
- Địa điểm lưu giữ, xử lý:** Tại Công ty Cổ phần Hoà Anh - Số 37, ngõ 33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Thời gian giao nhận:** Giao nhận khi có sự thống nhất của hai bên.
- Số lượng chất thải:** Theo số lượng phát sinh thực tế.
- Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**1. Đơn giá thường trực tiếp nhận chất thải:**

- Đơn giá thường trực tiếp nhận chất thải là: **10.000.000 VND trong 01 năm**
(*Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn./.*)
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải từ các tàu thuyền sẽ theo phụ lục hợp đồng đi kèm.

2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Bên B bằng chuyển khoản trong vòng 10 ngày kể từ khi Bên B xuất hóa đơn cho Bên A.
- Tài khoản ngân hàng số:
 - o 3211.0000.215919 tại NH Đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng.
 - o 0031000053654 tại Ngân hàng Ngoại Thương Hải Phòng

- Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA MỖI BÊN

1. Quyền hạn và trách nhiệm bên A:

- Bên A có quyền cử cán bộ đến kiểm tra, giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải từ tàu thuyền, với điều kiện việc kiểm tra giám sát không làm ảnh hưởng đến các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý của Bên B.
- Bên A có trách nhiệm yêu cầu các tàu thuyền neo đậu trong khu vực cảng của mình khi có nhu cầu xử lý chất thải phải ký hợp đồng xử lý và chuyển giao chất thải cho Bên B.
- Khi nhận được yêu cầu về thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền, Bên A phải báo trước và hỗ trợ cho Bên B về các thủ tục giấy tờ có liên quan để Bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện thu gom và vận chuyển.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện Bên B vào điểm tập kết để thu gom chất thải để thực hiện chuyển chất thải lên phương tiện thu gom và vận chuyển phù hợp.
- Xác nhận theo *Phiếu xác nhận thu gom chất thải từ tàu thuyền (Mẫu số 03 Phụ lục II Thông tư 41/2017/TT-BGTVT)* sau khi Bên B hoàn thành quá trình thu gom.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo đúng Điều 3 của hợp đồng này.

2. Quyền hạn và Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho Bên A thời gian đến nhận chất thải.
- Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển - xử lý và ngay lập tức thông báo cho Bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải thu về.
- Cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng Bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải lỏng lẫn dầu
- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.
- Lập *Phiếu xác nhận thu gom chất thải từ tàu thuyền (Mẫu số 03 Phụ lục II Thông tư 41/2017/TT-BGTVT)* và bàn giao chứng từ cho các bên liên quan.

ĐIỀU 5: SỰ CỐ BẤT KHẢ KHÁNG:

- Sự cố bất khả kháng là sự cố xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự cố bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự cố bất khả kháng có nghĩa vụ:

+ Thông báo cho bên kia trong vòng 05 ngày ngay sau sự cố xảy ra.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự cố bất khả kháng gây ra.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký kết, sau đó sẽ căn cứ vào nhu cầu của hai bên để gia hạn hoặc ký hợp đồng mới tiếp theo.

- Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi hai bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện. *Được*



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Dương Khôi

Hải Phòng, ngày 03 tháng 01 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Cường



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

“Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, từ tàu thuyền trong vùng nước do

Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip quản lý”
Số: 20/2023/HĐ-MTĐT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ban hành ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ban hành ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ban hành ngày 14/11/2017 quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 02/3/2001 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc bổ sung nhiệm vụ cho Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng thành Công ty TNHH một thành viên;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Đại diện: Ông Tạ Công Thông

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận

Hải An, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0201 579242

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Đại diện: Bà Phạm Thị Thu An

(Căn cứ vào Ủy quyền ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng)

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Đại chỉ: Số 01 Lý Tự Trọng, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3550277

Mã số thuế: 0200149536

Số tài khoản: 2112 201 022 230 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Đông Hải Phòng.



Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng nguyên tắc V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, từ tàu thuyền trong vùng nước do Công ty Cổ phần Cảng Xanh quản lý với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung và phạm vi thực hiện hợp đồng

- Nội dung: Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và bên A đồng ý sử dụng dịch vụ của bên B cho việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải từ tàu thuyền, bao gồm: chất thải sinh hoạt.

- Phạm vi thực hiện hợp đồng: Tại cầu cảng Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

1. **Địa điểm thu gom chất thải:** Tại các tàu thuyền đỗ tại cầu cảng và vùng neo đậu thuộc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP quản lý.

2. **Địa điểm xử lý:** Khu quản lý và xử lý chất thải Đình Vũ nằm trong Khu Kinh tế Đình Vũ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

3. **Thời gian thu gom:** Được thực hiện ngay sau khi nhận được yêu cầu từ người làm thủ tục cho tàu thuyền.

4. **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp nhân lực thu gom và vận chuyển chất thải từ các tàu thuyền lên xe vận chuyển về Khu xử lý theo quy định.

Điều 3: Phương thức thanh toán, giá dịch vụ:

1. **Phương thức thanh toán:** Đại diện chủ tàu hoặc đại lý của tàu biển trong vùng nước thuộc bên A quản lý sẽ trả tiền dịch vụ vệ sinh cho bên B. (Bên A không phải thanh toán bất cứ một khoản chi phí gì cho bên B).

2. **Giá dịch vụ:** Bên B thực hiện thu đúng theo giá dịch vụ vệ sinh tàu biển đã niêm yết, công bố công khai thông tin về giá và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn đối với mức giá đã kê khai.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên:

1. Trách nhiệm của bên A:

- Công khai, niêm yết các thông tin liên hệ của bên B như: số điện thoại, địa chỉ và bảng giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của bên A để các tàu thuyền nắm được;

- Hướng dẫn, đôn đốc các tàu thuyền chấp hành nghiêm việc tập kết, lưu giữ, thu đổ chất thải theo quy định;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B lên các tàu neo đậu tại cầu Cảng và vùng neo thuộc bên A quản lý để thực hiện việc thu gom chất thải cho tàu thuyền;

2011
CÔNG
CỔ
PHẦN
CẢNG
XANH

- Bên A không được cho phép bên thứ ba thực hiện dịch vụ tiếp nhận thu gom và xử lý chất thải rắn từ tàu thuyền.

- Lưu giữ các chứng từ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền do bên B bàn giao để sẵn sàng cung cấp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu thu gom chất thải từ các đại lý, chủ hãng tàu. Đảm bảo loại chất thải thu gom từ các tàu thuyền phải đúng chủng loại đã ghi tại Điều 1 của hợp đồng này;

- Vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải tuân thủ đúng các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan;

- Cung cấp, giới thiệu các thông tin, văn bản có liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải của Nhà nước, Thành phố để bên A niêm yết, thông báo trên trang thông tin điện tử;

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi vào làm việc trong địa phận quản lý của bên A;

- Lưu giữ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền để sẵn sàng cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu;

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

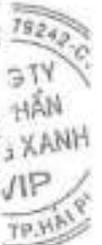
Điều 5: Điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau khi hết hạn Hợp đồng, nếu 2 bên không có ý kiến hợp đồng sẽ tự động gia hạn thêm 01 năm.

2. Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có các văn bản mang tính thoả thuận, thống nhất giữa hai bên hoặc các thông báo để chi tiết, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì cũng được coi là phụ lục của hợp đồng này.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các quy định hiện hành về công tác quản lý, xử lý chất thải của Nhà nước và Thành phố, nếu một trong hai bên thực hiện không đúng thì được coi là vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.



4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG XANH VIP
QUẬN HÀ NỘI TP. HÀ NỘI
M.S.D.N: 02018704
GIÁM ĐỐC
Le Công Thông

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MỸ TRUNG ĐO THỊ HẢI PHƯƠNG
QUẬN HỒNG BANG TP. HÀ NỘI
M.S.D.N: 0200142536-CT TNHH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu Hoa

ONG * 30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG

Số: 42 /2024.TK/XLCTNH

“Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại”

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự Số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/ 1/2017;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường Số: 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ V/v: “ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”.

- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 V/v” Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.046.VX của Công ty cổ phần Hoà Anh do Bộ tài nguyên và môi trường cấp lần 2 ngày 28/05/2021.

- Căn cứ vào Sổ đăng ký chủ nguồn thải của Công ty cổ phần Cảng xanh VIP số 31.001030.T cấp lần đầu ngày 03/03/2016.

- Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần Cảng xanh VIP và khả năng của Công ty cổ phần Hoà Anh.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại Công ty cổ phần Hoà Anh chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng.

Điện thoại: 02258. 830333 Fax: 02258.830688

Mã số thuế: 0201579242

Đại diện: Ông NGUYỄN KIM DƯƠNG KHÔI Chức vụ: Phó Giám đốc

Tài khoản: 0031.000.58.6868 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng

- Tài khoản: 0031.000.58.6868 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ ANH

- Do ông: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

- Chức vụ: Giám đốc Lâm Đại diện.

- Địa chỉ: 37/33 - Đường Ngô Quyền – Máy Chai – Ngô Quyền - Hải Phòng.

- Điện thoại: (0225) 3759909 Fax: (0225) 3765109

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ ANH – HOAANH.JSC – ISO 14001 : 2015

Số 37/33 – Ngô Quyền – Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng

Tel: 02253.765.109

Fax: 02253.765.109

Email: congtycophanhoanh@gmail.com

- Mã số thuế: 0200431395

- Tài khoản: 0031000053654 tại Ngân hàng ngoại thương Hải Phòng.

3211.0000.215919 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng “Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH)” với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU:

1. Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của Công ty cổ phần Cảng xanh VIP là những loại được đề cập trong danh mục dưới đây:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	344	18 02 01
2	Dầu thải	Lỏng	1.100	17 02 03
3	Hộp mực thải	Rắn	6,2	08 02 04
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	80	18 01 02
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
6	Pin thải	Rắn	0,8	19 06 05
7	Ắc quy chì thải	Rắn	5	19 06 01
8	Má phanh thải	Rắn	2	15 01 06
9	Bộ lọc dầu thải	Rắn	7	15 01 02
Tổng			1550	

2. Vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại này tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN.

1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu trữ chất thải của Công ty cổ phần Cảng xanh VIP

2. **Địa điểm lưu giữ, xử lý:** Tại Công ty cổ phần Hoà Anh – Ngõ 33, Đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. **Thời gian giao nhận:** Theo yêu cầu của bên A; 03 lần/năm

4. **Số lượng chất thải:** Tuỳ theo lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

5. **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

1. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng trọn gói là **60.000.000 VND / 01 năm.** (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn)
- Chưa bao gồm thuế GTGT

2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B sau khi hai bên kí kết hợp đồng và bên B gửi cho bên A chứng từ thanh toán hợp lệ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm bên A:

- Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.
- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải báo trước cho bên B để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển phù hợp.
- Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B bốc xếp chất thải lên xe.
- Chuyển giao chất thải cho Bên B, xác nhận chứng từ CTNH gồm có 3 liên theo như quy định của Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022.

- Cử 1 cán bộ phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ CTNH để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý CTNH theo quy định của nhà nước.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí hợp đồng cho bên B theo khoản 2 điều 3 của hợp đồng này.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Xử lý CTNH đúng theo quy định của pháp luật.

- Bố trí thời gian và nhân lực thu gom cho bên A 03 lần trong 1 năm.

- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý (Theo sổ đăng kí chủ nguồn thải của bên A). Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra

trên đường vận chuyển - xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.

- Lập chứng từ CTNH gồm có 4 liên theo như quy định của Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 yêu cầu ghi rõ tên – số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao cho Bên A các liên còn lại sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.

- Cũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH. Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng đối với chất thải của bên A.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

ĐIỀU 5: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG:

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ:

+ Thông báo cho bên kia trong vòng 05 ngày ngay sau sự kiện xảy ra.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực trong 01 năm từ ngày 03/01/2024 đến ngày 31/12/2024, sau đó sẽ căn cứ vào nhu cầu của hai bên để gia hạn hoặc ký hợp đồng mới tiếp theo.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện. /



ĐẠI DIỆN BÊN A
Nguyễn Kim Dương Khe
PHÓ GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Bá Cường
GIÁM ĐỐC

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2024, tại Công Ty Cổ Phần

Công Xanh Việt

Chúng tôi gồm có:

I. Đại diện bên giao:

1. Ông/Bà: ...Lương Hoàn Thủy... Chức vụ: ...CB... Mica: Trưởng

2. Ông/Bà: Chức vụ:

II. Đại diện bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

1. Ông: Nguyễn Hùng Sơn Chức vụ: lái xe

2. Ông/Bà: Chức vụ:

Cùng nhau bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

Stt	Tên chất thải nguy hại	Mã Chất thải	Số lượng (kg)	Phương tiện VC
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				

- Tổng số lượng:(kg)

Các bên thống nhất nội dung ghi trên và đồng ý ký vào biên bản giao nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Lương Hoàn Thủy

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Nguyễn Hùng Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2024 tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip. Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, tp.Hải Phòng.

Chúng tôi gồm có:

I. Đại diện bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

1. Ông/Bà: Lương Hoàng Thủy

Chức vụ: Lb. An Toàn & Môi Trường

2. Ông/Bà:

Chức vụ:

II. Đại diện bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

1. Ông/Bà: Nguyễn Hùng Sơn

Chức vụ: Lái xe

2. Ông/Bà:

Chức vụ:

Cùng nhau bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương tiện vận chuyển
1	Dầu thải	17 02 03	200	Xe: 15C-081.99
2	Bộ lọc dầu thải	15 01 02	350	
3	Má phanh thải	15 01 06	3	
4	Ắc quy thải	19 06 01	0	
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	45	
6	Pin thải	19 06 05	0	
7	Giẻ lau dính dầu mỡ; mùn cưa dính dầu; bìa carton dính dầu	18 02 01	1.000	
8	Bóng đèn huỳnh quang thải + Kính	16 01 06	50	
9	Mực in thải	08 02 04	2	

- Tổng số lượng: 1650(kg)

Các bên thống nhất nội dung ghi trên và đồng ý ký vào biên bản giao nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO


Lương Hoàng Thủy

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN


Nguyễn Hùng Sơn

TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Phòng		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 93/2024/1-2-3-4-5-6.046.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty cổ phần Hoà Anh		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 37/33 Ngô Quyền - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng		ĐT: 0225.3765109					
Địa chỉ cơ sở xử lý: Số 37/33 Ngô Quyền - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng		ĐT: 0225.3765109					
2. Chủ xử lý CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip		Mã số QLCTNH: 31.001030.7					
Địa chỉ văn phòng: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp.Hải Phòng		ĐT: 0225.3552157					
Địa chỉ cơ sở: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp.Hải Phòng		ĐT: 0225.3552157					
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu thải		X		15 01 07	200	TD
2	Bộ lọc dầu thải	X			15 01 02	350	TD
3	Má phanh thải	X			15 01 06	3	HR, Đóng gạch Block
4	Áo quy thải	X			19 06 01	0	Súc rửa
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	45	Tẩy rửa
6	Pin thải	X			19 06 05	0	Súc rửa
7	Chất hấp thu, giá lau nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	1.000	TD
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	50	Nghiên, HR
9	Mực in thải	X			08 02 01	2	TD
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý để áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tồn trữ/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích/chết/oo/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rửa); CL (Cố lập/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (So chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảnh:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-081.99					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Hùng Sơn		Ký: <i>[Signature]</i> Ngày: 15/04/2024					
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:		Ký: Ngày:/...../2024					
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý CTNH (nếu đúng) xác nhận để hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp đã kê khai ở mục 4			
Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2024				Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024			
 <i>[Signature]</i> PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Kim Dương Kohi (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 <i>[Signature]</i> GIÁM ĐỐC Nguyễn Bá Cường (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/>							

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về biển và hải đảo; việc khai thác, sử dụng tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn thành phố năm 2024 tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip

Hôm nay, hồi 14h30 ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip.

Thực hiện Quyết định số 10/QĐ-CCBHD ngày 07/3/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Biển và Hải đảo về kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về biển và hải đảo; việc khai thác, sử dụng tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn thành phố năm 2024, Chi cục Biển và Hải đảo tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về biển và hải đảo; việc khai thác, sử dụng tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn thành phố năm 2024 của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip.

I. Thành phần

1. Thành phần Đoàn Kiểm tra gồm có:

- Ông Vũ Khắc Quyết, Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo, Phó Trưởng đoàn;
- Bà Tô Thị Lan Phương, Phó trưởng phòng Quản lý Tài nguyên Môi trường Biển và Hải đảo, thành viên;
- Bà Đinh Thị Thu Thủy, Chuyên viên phòng Quản lý Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo, thành viên;
- Ông Trần Việt Toàn, Chuyên viên phòng Quản lý Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo, thành viên;
- Bà Phạm Lê Thịnh, Chuyên viên phòng Quản lý Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo, thư ký;

2. Đại diện Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip:

- Ông Nguyễn Quang Hưng - Trưởng phòng Bảo vệ quân sự;
- Ông Trịnh Thượng Hiền, Trưởng phòng Thiết Bị xếp dỡ;

- Ông Lương Hoàn Thụy, Cán bộ môi trường.

II. Nội dung kiểm tra

1. Khái quát chung

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Ngành nghề: tiếp nhận container từ tàu, xếp dỡ bảo quản container tại bãi cảng, vận chuyển container đến kho của khách hàng và ngược lại.

- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 0201579242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28/10/2014, thay đổi lần thứ 4 ngày 17/3/2023.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 021210000113 của Ủy ban nhân dân thành phố cấp ngày 09/10/2007 cho Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000075 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 19/11/2013.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BU 367858 cấp ngày 22/01/2015, diện tích 152694.9 m² (thời hạn sử dụng: 16/10/2052).

2. Hồ sơ sử dụng khu vực biển;

- Giấy phép xây dựng số 1733 cấp ngày 27/10/2015 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

- Quyết định số 40/QĐ-UB ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP thuê vào mục đích xây dựng Cảng Container Vip Greenport tại phường Đông Hải 2, quận Hải An.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cảng biển số 30/2020/GCN-CHHVN do Cục Hàng Hải Việt Nam cấp ngày 28/4/2020.

3. Hồ sơ về ứng phó sự cố tràn dầu

- Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu; Cập nhật Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu đã được Chi cục Biển và Hải đảo - Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng xác nhận tháng 10/2023.

- Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân quận Hải An phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu "Trạm cấp dầu nội bộ" của Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip tại phường Đông Hải 2, quận Hải An.

- Quyết định số 19/2023/QĐ-VGR ngày 16/03/2023 của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thành lập ban ứng phó sự cố tràn dầu tại Công ty (gồm 05 thành viên).

- Quyết định số 19-1/2023/QĐ-VGR ngày 16/03/2023 của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thành lập đội ứng phó sự cố tràn dầu tại Công ty (gồm 20 thành viên).

- Chứng chỉ Tập huấn nghiệp vụ Ứng phó sự cố tràn dầu cho 03 người (cấp năm 2023).

- Hợp đồng ứng trực, ứng phó sự cố tràn dầu số 282/2022/UPTD-VIPG ngày 27/12/2022 ký với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam (MCIC).

- Công ty đã phối hợp với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ để tổ chức thực hiện diễn tập công tác ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng VipGreen Port vào ngày 11/4/2023.

4. Hồ sơ nạo vét

a. Năm 2022: Nạo vét 01 lần, khối lượng 70.000 m³

- Giấy đăng ký môi trường số 50/UBND-ĐC ngày 04/7/2022 của UBND phường Đông Hải 2 về việc tiếp nhận đăng ký môi trường và thông báo cho doanh nghiệp thực hiện công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến cảng.

- Văn bản chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét:

+ Văn bản số 37/2022/CV-CN ngày 04/7/2022 của Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam;

+ Công văn số 3840/VP-GT ngày 09/01/2020 và số 166/VP-GT ngày 18/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Quyết định phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải, giao thông số 1383/QĐ-CVHHHP, 1384/QĐ-CVHHHP ngày 07/7/2022 của Cảng vụ hàng hải Hải Phòng.

+ Hợp đồng nạo vét duy tu số 0107/2022/HĐKT-VGP ngày 01/7/2022 giữa Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP và Công ty TNHH xây dựng Chấn Nam;

+ Thông báo kế hoạch thi công số 38/2022/CV-CN ngày 08/7/2022 và Thông báo kết thúc thi công số 91/CV-VGR ngày 22/11/2022.

b. Năm 2023: Nạo vét 01 lần, khối lượng 38.000 m³

- Giấy đăng ký môi trường số 114/UBND-ĐC ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2.

- Văn bản chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét:



+ Văn bản số 713/2023/CV-CN ngày 23/11/2023 của Công ty TNHH xây dựng Chấn nam về việc đồng ý tiếp nhận chất nạo vét.

- Văn bản số 2989/UBND-MT ngày 28/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý cho tiếp nhận chất nạo vét duy tu luồng, khu nước trước bên cảng vào khu vực ven đê xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải.

- Quyết định phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải, giao thông số 2625/QĐ-CVHHHP, số 2626/QĐ-CVHHHP ngày 18/12/2023 của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng.

- Hợp đồng nạo vét duy tu số 08.25/2023/HĐKT-VGP ngày 25/8/2023 giữa Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP với Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam về việc tiếp nhận chất nạo vét.

- Thông báo kế hoạch thi công số 725/2023/CV-CN ngày 22/12/2023 và thông báo kết thúc thi công: đang trong quá trình nghiệm thu bàn giao.

5. Hồ sơ môi trường

- Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án xây dựng Cảng Xanh Vip Đình Vũ.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 16/2016/SDK-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03/3/2016.

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3943/GP-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của trạm cấp dầu nội bộ - Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip số 1193/GXN-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân quận Hải An.

6. Kết quả kiểm tra hiện trạng

Đoàn thực hiện kiểm tra tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP kết quả như sau:

- Tại thời điểm kiểm tra, mặt bằng đảm bảo vệ sinh công nghiệp sạch sẽ và cảnh quan môi trường.

- Công ty đã chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó sự cố tràn dầu, định kỳ tổ chức diễn tập tại hiện trường.

- Kho chứa chất thải nguy hại của Công ty đã đảm bảo theo quy định của pháp luật, có dán mã chất thải nguy hại phân loại cụ thể.

- Công ty đã ký Hợp đồng trực ứng phó sự cố tràn dầu với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam (MCIC) (hiệu lực hợp đồng từ

2017
CÔNG
PH
3 XA
7P
HAI

01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023), tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra, Công ty chưa ký Hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu năm 2024.

- Công ty chưa thực hiện thủ tục giao khu vực biển đối với vùng nước trước bến theo quy định tại Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

III. Kết luận của Đoàn kiểm tra:

Đoàn kiểm tra đề nghị Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP:

- Tiếp tục phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường. Luôn đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trên mặt bằng của cầu cảng.

- Thực hiện diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu; cử cán bộ tham gia đào tạo tập huấn theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt.

- Cần duy trì kho chứa chất thải nguy hại trong tình trạng đảm bảo vệ sinh, thực hiện việc lưu giữ chất thải nguy hại, lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Đề nghị Công ty bổ sung trang thiết bị ứng trực bố trí tại mặt bằng cảng để đảm bảo ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra.

- Thực hiện lập hồ sơ giao khu vực biển đối với mặt nước trước bến theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

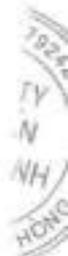
- Đề nghị Công ty tiến hành duy tu, nạo vét khu nước trước bến thực hiện theo quy định của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Thường xuyên cập nhật, thực hiện các nội dung về ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Đề nghị Công ty tiếp thu ý kiến của Đoàn kiểm tra, có Báo cáo giải trình gửi về Chi cục Biển và Hải đảo trước ngày 01/4/2024.

IV. Ý kiến của Đơn vị

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP hoàn toàn nhất trí với các đánh giá và cam kết thực hiện nghiêm túc các kết luận của Đoàn kiểm tra, có báo cáo gửi về đoàn kiểm tra theo yêu cầu.



Biên bản được lập xong vào hồi 16h00 cùng ngày, biên bản được lập thành 03 bản đã đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên. Biên bản được giao cho đơn vị kiểm tra 01 bản./.



ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Dương Khôi

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA
KT. TRƯỜNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Vũ Khắc Quyết
NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Phạm Lê Thịnh

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0206340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NE: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 148435

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH13000024065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 10/09/2023 (kèm theo bảng kê số 1315504914 ngày 12 tháng 09 năm 2023)	kWh	180.760	-	332.138.613
Tổng tiền hàng (Total amount):					332.138.613
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 26.571.889
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 358.709.702
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm năm mươi tám triệu bảy trăm linh chín nghìn bảy trăm linh hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 12/09/2023 14:28:48

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NE: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 177623

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300024065

Số tài khoản (Account No):

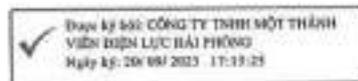
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	1	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2023 từ ngày 11/09/2023 đến ngày 20/09/2023 (kèm theo bảng kê số 1323554312 ngày 20 tháng 09 năm 2023)	kWh	154,760	-	277.285.629
Cộng tiền hàng (Total amount):					277.285.629
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 22.182.850
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 299.468.479
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19005769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 177937

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300024065

Số tài khoản/Account No:

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2023 từ ngày 21/09/2023 đến ngày 30/09/2023 (kèm theo bảng kê số 1325264393 ngày 02 tháng 10 năm 2023)	kWh	139.040	-	257.517.578
Cộng tiền hàng (Total amount):					257.517.578
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 20.601.406
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 278.118.984

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi tám triệu một nghìn bốn trăm tám mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

 Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 02/10/2023 11:00:30

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại (Phone Number): 19006709

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 206356

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300024065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 10/10/2023 (kèm theo bảng kê số 1327412596 ngày 12 tháng 10 năm 2023)	kWh	133.040	-	241.964.782
Cộng tiền hàng (Total amount):					241.964.782
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 19.357.183
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 261.321.965

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm hai mươi một nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

 Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
 Ngày ký: 12/10/2023 16:22:05

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0290340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 208648

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300024065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2023 từ ngày 11/10/2023 đến ngày 20/10/2023 (Kính theo bảng kê số 1334107562 ngày 21 tháng 10 năm 2023)	kWh	133.160	-	249.313.694
Cộng tiền hàng (Total amount):					249.313.694
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 19.945.096
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 269.258.790
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Đơn ký bán: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 21/10/2023 14:44:48

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 237350

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH13000024065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	1	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2023 từ ngày 21/10/2023 đến ngày 31/10/2023 (theo hóa đơn kê số 1337884623 ngày 02 tháng 11 năm 2023)	kWh	152.720	-	244.615.753
Cộng tiền hàng (Total amount):					244.615.753
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 19.569.360
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 264.185.013
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 02/11/2023 08:17:59

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi Nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVF

Số (No): 237396

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300002965

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 10/11/2023 (kèm theo bảng kê số 1338838138 ngày 12 tháng 11 năm 2023)	kWh	124.840	-	237.491.440
Cộng tiền hàng (Total amount):					237.491.440
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 18.999.315
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 256.490.755

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

 Duyệt ký tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
 Ngày ký: 12/11/2023 13:55:01

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19005769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 242564

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH130002465

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	I	3=IxI
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2023 từ ngày 11/11/2023 đến ngày 20/11/2023 (kèm theo bảng kê số 1341343022 ngày 20 tháng 11 năm 2023)	kWh	121.840	-	233.113.557
Tổng tiền hàng (Total amount):					233.113.557
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 18.649.885
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 251.762.642

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm năm mươi một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 20/11/2023 17:14:25

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TVP

Số (No): 296868

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300024065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 11 năm 2023 từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/11/2023 (kèm theo bảng kê số 1348228531 ngày 02 tháng 12 năm 2023)	kWh	137.720	-	268.441.234
Cộng tiền hàng (Total amount):					268.441.234
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 21.475.299
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 289.916.533

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Được ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 02/12/2023 17:28:18

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi Nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Series): 1K23TVP

Số (No): 256912

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH13000024055

Số tài khoản (Account No):

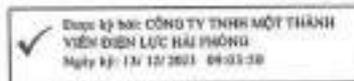
Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/12/2023 (kèm theo bảng kê số 1352806081 ngày 13 tháng 12 năm 2023)	kWh	117960	-	227.348.902
Cộng tiền hàng (Total amount):					227.348.902
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 18.187.912
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 245.536.814
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200349211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 0921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K25TVP

Số (No): 302930

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần cảng xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300002405

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 12 năm 2023 từ ngày 11/12/2023 đến ngày 20/12/2023 (kèm theo bảng kê số 1362962490 ngày 21 tháng 12 năm 2023)	kWh	112,640	-	215,725,065
Cộng tiền hàng (Total amount):					215,725,065
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17,258,005
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 232,983,070

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Đại lý bán: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 21/12/2023 13:51:32

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại (Phone Number): 19006709

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An - Số TK: 6921000333008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ngô Quyền

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TVP

Số (No): 297

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần công xanh VIP

Mã số thuế (Tax code): 0201579242

Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Phường Đồng Hải 2 - Quận Hải An - Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH1300024065

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2023 từ ngày 21/12/2023 đến ngày 31/12/2023 (kèm theo bảng kê số 1382228147 ngày 02 tháng 01 năm 2024)	kWh	118.240	-	223.969.906
Cộng tiền hàng (Total amount):					223.969.906
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17.917.592
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 241.887.498
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Được ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 02/01/2024 10:15:33



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Mã số thuế : 0200171274
Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn
Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC
Ngày 03 tháng 08 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA
Số HD: 2468051

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng .
Địa chỉ điểm dùng nước: Km 6 Đường Đình Vũ .
Mã số thuế: 0201579242
Điện thoại: 0936635445
Số tài khoản:
Mã khách hàng: 6813333

Hình thức thanh toán: TM/CK

hóa đơn: 08/2023	Từ ngày: 03/07/2023	Chỉ số cũ: 28321	Tuyến: 8533
hóa đơn: 65116224	Đến ngày: 03/08/2023	Chỉ số mới: 28781	Số m ³ tiêu thụ: 460

T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền thuế GTG (đ)
	Nước tiêu thụ			8.280.000		414.000	8.694.000
	DN, văn phòng	460	18.000	8.280.000	5%	414.000	8.694.000
	Dịch vụ thoát nước			1.324.800		105.984	1.430.784
	DVTN DN, VP	368	3.600	1.324.800	8%	105.984	1.430.784

Thành tiền chưa có thuế GTGT:	9.604.800
Thành tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%	414.000
Thành tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%	105.984
Thành tiền thuế GTGT:	519.984
Thành cộng:	10.124.784

Thành tiền viết bằng chữ: Mười triệu một trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 03/08/2023 ✓



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 03 tháng 09 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HD: 2818085

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

hệ: Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng.

hệ điểm dùng nước: Km 6 Đường Đình Vũ.

ố thuế: 0201579242

thoại: 0936635445

khoản:

hách hàng: 6813333

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ngày đơn: 09/2023	Từ ngày: 03/08/2023	Chỉ số cũ: 28781	Tuyến: 8533
Ngày đơn: 09/2023	Đến ngày: 03/09/2023	Chỉ số mới: 29245	Số m ³ tiêu thụ: 464

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
Nước tiêu thụ			8.352.000		417.600	8.769.600
DN, văn phòng	464	18.000	8.352.000	5%	417.600	8.769.600
Dịch vụ thoát nước			1.336.320		106.906	1.443.226
DVTN DN, VP	371,2	3.600	1.336.320	8%	106.906	1.443.226
tiền chưa có thuế GTGT:						9.688.320
tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%						417.600
tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%						106.906
tiền thuế GTGT:						524.506
cộng:						10.212.826

ố tiền viết bằng chữ: Mười triệu hai trăm mười hai nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 03/09/2023





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Mã số thuế : 0200171274
Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
Website: www.capnuochoaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn
Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC
Ngày 03 tháng 10 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA
Số HĐ: 3171486

khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
địa chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng .
địa điểm dùng nước: Km 6 Đường Đình Vũ .
điện thoại: 0201579242
điện thoại: 0936635445
tài khoản:
khách hàng: 6813333

Hình thức thanh toán: TM/CK

hóa đơn: 10/2023	Từ ngày: 03/09/2023	Chỉ số cũ: 1	Tuyến: 8533
hóa đơn: 65824636	Đến ngày: 03/10/2023	Chỉ số mới: 154	Số m ³ tiêu thụ: 423

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
Nước tiêu thụ			7.614.000		380.700	7.994.700
DN, văn phòng	423	18.000	7.614.000	5%	380.700	7.994.700
Dịch vụ thoát nước			1.218.240		97.459	1.315.699
DVTN DN, VP	338,4	3.600	1.218.240	8%	97.459	1.315.699

tiền chưa có thuế GTGT:	8.832.240
tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%	380.700
tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%	97.459
tiền thuế GTGT:	478.159
Tổng cộng:	9.310.399

số tiền viết bằng chữ: Chín triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi chín đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 03/10/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Mã số thuế : 0200171274
Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn
Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC
Ngày 03 tháng 11 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA
Số HĐ: 3522287

khách hàng: Công ty Cổ phần Xanh VIP
chỉ: Km 6 Đường Đinh Vũ.

chỉ điểm dùng nước: Khu Kinh tế Đinh Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng.

số thuế: 0201579242

1 thoại: 0936635445

ài khoản:

khách hàng: 6813333

Hình thức thanh toán: TM/CK

óa đơn: 11/2023	Từ ngày: 03/10/2023	Chỉ số cũ: 154	Tuyến: 8533
óa đơn: 66178980	Đến ngày: 03/11/2023	Chỉ số mới: 711	Số m ³ tiêu thụ: 557

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
Nước tiêu thụ			10.026.000		501.300	10.527.30
DN, văn phòng	557	18.000	10.026.000	5%	501.300	10.527.30
Dịch vụ thoát nước			1.604.160		128.333	1.732.49
DVTN DN, VP	445,6	3.600	1.604.160	8%	128.333	1.732.49

g tiền chưa có thuế GTGT: 11.630.16

g tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 501.30

g tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 128.33

g tiền thuế GTGT: 629.63

g cộng: 12.259.79

số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 03/11/2023 ✓



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Mã số thuế : 0200171274
Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn
Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC
Ngày 03 tháng 12 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA
Số HĐ: 3872783

khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng .

chỉ điểm dùng nước: Km 6 Đường Đình Vũ .

số thuế: 0201579242

hạn thoại: 0936635445

hạng khoản:

khách hàng: 6813333

Hình thức thanh toán: TM/CK

hóa đơn: 12/2023	Từ ngày: 03/11/2023	Chỉ số cũ: 711	Tuyến: 8533
hóa đơn: 66523889	Đến ngày: 03/12/2023	Chỉ số mới: 1107	Số m ³ tiêu thụ: 396

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
Nước tiêu thụ			7.128.000		356.400	7.484.40
DN, văn phòng	396	18.000	7.128.000	5%	356.400	7.484.40
Dịch vụ thoát nước			1.140.480		91.238	1.231.71
DVTN DN, VP	316,8	3.600	1.140.480	8%	91.238	1.231.71

g tiền chưa có thuế GTGT: 8.268.48

g tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 356.40

g tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 91.23

g tiền thuế GTGT: 447.63

g cộng: 8.716.11

số tiền viết bằng chữ: Tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn một trăm mười tám đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 03/12/2023 ✓

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày 03 tháng 3 năm 2023.

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

1. Ông: Tô Quang Vịnh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

1. Ông: Nguyễn Thế Toàn Chức vụ: Nghiên cứu viên

C. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A

1. Ông: Hoàng Minh Hải Chức vụ: Chuyên viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

1. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẠC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

2. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

TT	Vị trí quan trắc	Thông số
1.	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402.607; Y: 607857.637)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K _q =0,9; K _r =1,2

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đạc lấy mẫu

Đại diện cơ sở


Hoàng Minh Hải


Nguyễn Thế Toàn


Nguyễn Quang Hải





BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 401.01/2023/KQ-MTg



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 07/3/2023 Ngày phân tích mẫu: 07/3/2023 - 14/3/2023
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (401.1.01)
Tọa độ: X-2304402 ; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN ⁽¹⁾
				NT	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,48	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	25	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	47	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	37	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0011	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,0009	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,00077	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,00027	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0097	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,048	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	1,50	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	0,023	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	4,03	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,08	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	5,91	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,21	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	mg/l	0,4	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	CFU/100ml	3.200	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2023

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLKT/QLCL

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu

Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày 09 tháng 6 năm 2023.

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

1. Ông: Tô Quang Vịnh

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

1. Bà: Vũ Thị Huế

Chức vụ: Nghiên cứu viên

C. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.D.A

1. Ông: Hoàng Minh Hải

Chức vụ: Chuyên viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

1. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẠC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

2. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

TT	Vị trí	Chỉ tiêu phân tích
1	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402; Y: 607857)	pH, TSS, BOD ₅ , COD, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
2	NMI: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu. (X: 2304363; Y: 607883)	pH, DO, BOD, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Phenol, Coliform.
3	NM2: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía hạ lưu. (X: 2304441; Y: 607831)	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B ₂)

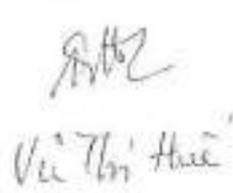
Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đạc lấy mẫu

Đại diện cơ sở


Hoàng Minh Hải


Vũ Thị Huế


Đại diện cơ sở





BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 401.02/2023/KQ-MTg



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP VILAS 426
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 09/6/2023 Ngày phân tích mẫu: 09/6 ÷ 28/6/2023
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (401.2.01)
Tọa độ: X-2304402.615; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	
				NT	QCVN ⁽¹⁾
1	pH	TCVN 6492-2011	-	7,62	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	20	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	37	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	35	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0029	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0018	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0149	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0032	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,092	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,259	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	0,16	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	0,281	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	9,54	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,06	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	24,1	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,97	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,5	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	vi khuẩn/ 100ml	2.500	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2023

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL/QLKT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu



- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được Vilas công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1960

1961

1962

1963

1964

1965

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 401.03/2023/KQ-MTg



VILAS 426

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 09/6/2023 Ngày phân tích mẫu: 09/6 + 28/6/2023
Vị trí lấy mẫu:

NM1: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu
Tọa độ: (X:2304363; Y:607883) (401.2.02)

NM2: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía hạ lưu
Tọa độ: (X:2304441; Y:607831) (401.2.03)

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN ⁽¹⁾
				NM1	NM2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,21	7,38	5,5-9
2	DO	SMEWW 4500-OG:2017		5,19	6,12	≥ 2
3	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	12	9	25
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	25	16	50
5	TSS ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	17	12	100
6	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,70	0,53	0,9
7	Nitrat (tính theo N)	US EPA Method 352.1	mg/l	0,32	0,37	15
8	Phosphat (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,06	0,07	0,5
9	Asen ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0024	0,0028	0,1
10	Cadimi ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0014	0,0013	0,01
11	Chì ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0035	0,0041	0,05
12	Đồng ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,045	0,050	1
13	Kẽm ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,130	0,095	2
14	Sắt	SMEWW 3500 Fe:2017	mg/l	1,49	1,78	2
15	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520.B: 2017	mg/l	<0,3	<0,3	1
16	Tổng Phenol	SMEWW5530C:2017	mg/l	0,0032	0,0047	0,02
17	Coliform	SMEWW 9222:2017	MPN/100ml	1.600	1.000	10.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột B₂
Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2023

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL/QLKT

KT. GIÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu



Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được Vilas công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

BIÊN BẢN ĐO ĐẶC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày 12 tháng 9 năm 2023.

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

C. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

3. Ông: Tô Quang Vịnh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

G. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẶC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

1. Ông: Lương Sơn Đại Chức vụ: Nghiên cứu viên

H. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A

1. Ông: Hoàng Minh Hải Chức vụ: Nhân viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

5. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẶC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

6. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU:

TT	Vị trí quan trắc	Thông số
1	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402.607; Y: 607857.637)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K _c =0,9; K _f =1,2

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

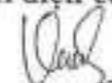
Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đạc lấy mẫu

Đại diện cơ sở


Hoàng Minh Hải


Nguyễn Hải Tiên


Tô Quang Vịnh





BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@ynn.vn

Số: 401.04/2023/KQ-MTg



VILAS 426

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 13/09/2023 Ngày phân tích mẫu 13/09/2023 + 20/09/2023
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (401.3.01)
Tọa độ: X-2304402.615; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN ⁽¹⁾
				NT	
1	pH	TCVN 6492-2011	-	7,10	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	12	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	22	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	23	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0013	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,0009	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,001	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,00027	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0196	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0599	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	4,83	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	0,359	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	7,38	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,13	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	11,97	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,71	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	mg/l	0,3	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	CFU/100ml	1.700	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2023

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu



Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

BIÊN BẢN ĐO ĐẶC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày 23 tháng 11 năm 2023.

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

H. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

8. Ông: Tô Quang Vịnh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Q. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẶC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

1. Ông (bà): Nguyễn Xuân Thủy..... Chức vụ: Nghiên cứu viên

R. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A

1. Ông: Hoàng Minh Hải Chức vụ: Chuyên viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đặc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

15. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẶC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

16. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU:

TT	Vị trí	Chỉ tiêu phân tích
1	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402; Y: 607857)	pH, TSS, BOD ₅ , COD, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
2	NMI: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu. (X: 2304363; Y: 607883)	pH, DO, BOD, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Phenol, Coliform. QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B ₂)
3	NM2: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía hạ lưu. (X: 2304441; Y: 607831)	

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đặc lấy mẫu

Đại diện cơ sở


Hoàng Minh Hải


Nguyễn Xuân Thủy


Tô Quang Vịnh





BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 0002.2023/401-KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 426

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 23/11/2023 Ngày phân tích mẫu: 23/11 ÷ 30/11/2023
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (401.4.01)
Tọa độ: X-2304402.615; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN ⁽¹⁾
				NT	
1	pH	TCVN 6492-2011	-	7,6	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	12	50
3	COD	SMBWW 5220C:2017	mg/l	25	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	30	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0019	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,0009	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0019	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	<0,00027	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0192	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0259	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	3,56	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	0,254	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	8,14	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,05	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	14,6	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	1,04	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,3	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	vi khuẩn/ 100ml	1.800	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu

Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được Vilas công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.





BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 0003.2023/401-KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 426

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 23/11/2023 Ngày phân tích mẫu: 23/11 + 30/11/2023
Vị trí lấy mẫu:

NM1: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu
Tọa độ: (X:2304363; Y:607883) (401.4.02)

NM2: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía hạ lưu
Tọa độ: (X:2304441; Y:607831) (401.4.03)

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN ⁽¹⁾
				NM1	NM2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	7,3	-
2	DO	SMEWW 4500-OG:2017	mg/l	6,35	6,48	-
3	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	10	10	-
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	21	19	-
5	TSS ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	20	16	-
6	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,074	0,082	0,3
7	Nitrat (tính theo N)	US EPA Method 352.1	mg/l	1,104	1,127	-
8	Phosphat (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,054	0,039	-
9	Asen ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0020	0,0023	0,01
10	Cadimi ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0016	0,0013	0,005
11	Chì ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0030	0,0048	0,02
12	Đồng ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,0496	0,0439	0,1
13	Kẽm ^(*)	EPA 200.8, ICP-MS	mg/l	0,146	0,089	0,5
14	Sắt	SMEWW 3500 Fe:2017	mg/l	0,31	0,36	0,5
15	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520.B: 2017	mg/l	<0,3	<0,3	5,0
16	Tổng Phenol	SMEWW5530C:2017	mg/l	0,0028	0,0040	0,005
17	Coliform	SMEWW 9222:2017	MPN/100ml	1.400	1.100	-

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 1.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu

Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được Vilas công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

BIÊN BẢN ĐO ĐẶC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày 16 tháng 3 năm 2022

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

I. Ông: Tô Quang Vịnh

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẶC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

II. Ông: Nguyễn Thế Toàn

Chức vụ: Nghiên cứu viên

C. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A

III. Ông: Hoàng Minh Hải

Chức vụ: Chuyên viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

1. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẶC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

2. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU:

STT	Vị trí quan trắc	Thông số
1.	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402.607; Y: 607857.637)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K _q =0,9; K _r =1,2

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đạc lấy mẫu

Đại diện cơ sở





BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 402.01/2022/KQ-MTg



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 16/3/2022 Ngày phân tích mẫu: 16/3 + 23/3/2022
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (402.1.01)
Tọa độ: X-2304402.615; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN ⁽¹⁾
				NT	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,19	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	28	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	42	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	35	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0028	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0011	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0133	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0023	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,050	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,184	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	0,36	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	2,14	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,86	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,05	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	3,6	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,86	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,3	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	vi khuẩn/ 100ml	2500	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL/QLKT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Phạm Thế Tùng

Nguyễn Ngọc Tuyên

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 006.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 9 giờ sáng ngày 05 tháng 6 năm 2022.

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

1. Ông: Tô Quang Vịnh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

1. Ông: Nguyễn Thế Toàn Chức vụ: Nghiên cứu viên

C. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A

1. Ông: Hoàng Minh Hải Chức vụ: Chuyên viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

1. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẠC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

2. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

TT	Vị trí	Chỉ tiêu phân tích
1.	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402; Y: 607857)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
2.	NMI: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu. (X: 2304363; Y: 607883)	pH, DO, BOD, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Phenol, Coliform. QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B₂)
3.	NM2: Nước mặt trên sông Bạch Đằng, cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía hạ lưu. (X: 2304441; Y: 607831)	

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đạc lấy mẫu

Đại diện cơ sở


Hoàng Minh Hải


Nguyễn Thế Toàn


Tô Quang Vịnh



BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 402.02/2022/KQ-MTg

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 06/6/2022 Ngày phân tích mẫu: 06/6 ÷ 13/6/2022
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (402.2.01)
Tọa độ: X-2304402.615; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN ⁽¹⁾
				NT	
1	pH	TCVN 6492-2011	-	7,58	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	22	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	46	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	37	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0025	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0011	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0123	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,002	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,053	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,230	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	0,46	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	2,51	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,62	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,05	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	3,0	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,92	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	mg/l	0,3	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	vi khuẩn/ 100ml	2.200	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 13 tháng 6 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL/QLKT

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Xinh

Phạm Thế Tùng



Nguyễn Ngọc Tuyên

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu ^(**) được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 006.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày 08 tháng 9 năm 2022.

Tại: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

1. Ông: Tô Quang Vịnh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC LẤY MẪU: Trung tâm quan trắc phân tích môi trường biển - Bộ tư lệnh Hải quân

1. Ông: Nguyễn Thế Toàn Chức vụ: Nghiên cứu viên

C. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A

1. Ông: Hoàng Minh Hải Chức vụ: Chuyên viên

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP như sau:

1. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHI ĐO ĐẠC LẤY MẪU:

Công ty hoạt động bình thường, trời không mưa, có nắng và gió nhẹ.

2. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

TT	Vị trí quan trắc	Thông số
1.	NT: Nước thải tại điểm thải cuối. (X: 2304402.607; Y: 607857.637)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Florua, Amoni (tính theo N), Clo dư, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform. QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K _q =0,9; K _r =1,2

Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Đơn vị tư vấn

Đoàn đo đạc lấy mẫu

Đại diện cơ sở


Hoàng Minh Hải


Bùi Ngọc Châu


Tô Quang Vịnh



BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 402.03/2022/KQ-MTg



VILAS 426

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 08/9/2022 Ngày phân tích mẫu: 08/9 ÷ 16/9/2022
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (402.3.01)
Tọa độ: X-2304402.615; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	
				NT	QCVN ⁽¹⁾
1	pH	TCVN 6492-2011	-	7,45	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	20	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	38	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	35	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0023	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0012	0,01
7	Chi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0138	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0020	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,047	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,21	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	0,34	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	2,03	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,16	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,07	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	0,28	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,54	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	mg/l	<0,3	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	CFU/100ml	1.800	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL/QLKT

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Xinh

Phạm Thế Tùng

Ngọc Tuyên

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thông nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu ^(**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.



BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vna.vn

Số: 402.05/2022/KQ-MTg



VILAS 426

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 22/11/2022 Ngày phân tích mẫu: 22/11 + 05/12/2022
Vị trí quan trắc: NT-Nước thải tại điểm thải cuối (402.4.01)
Tọa độ: X-2304402.613; Y-607857

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN ⁽¹⁾
				NT	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,39	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	22	50
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	96	150
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	39	100
5	Asen ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0021	0,1
6	Thủy ngân ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0011	0,01
7	Chì ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0118	0,5
8	Cadimi ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,0021	0,1
9	Đồng ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,033	2
10	Kẽm ^(*)	EPA 200.8	mg/l	0,47	3
11	Sắt	SMEWW 3500 Fe.B:2017	mg/l	0,224	5
12	Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/l	1,87	10
13	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	8,2	10
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,12	2
15	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	32,7	40
16	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	2,54	6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	mg/l	2,7	10
18	Coliform	SMEWW 9222:2017	CFU/100ml	2.300	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 12 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLKT/QLCL



Phạm Mai Hương

Nguyễn Thế Toàn

Bùi Đặng Thanh

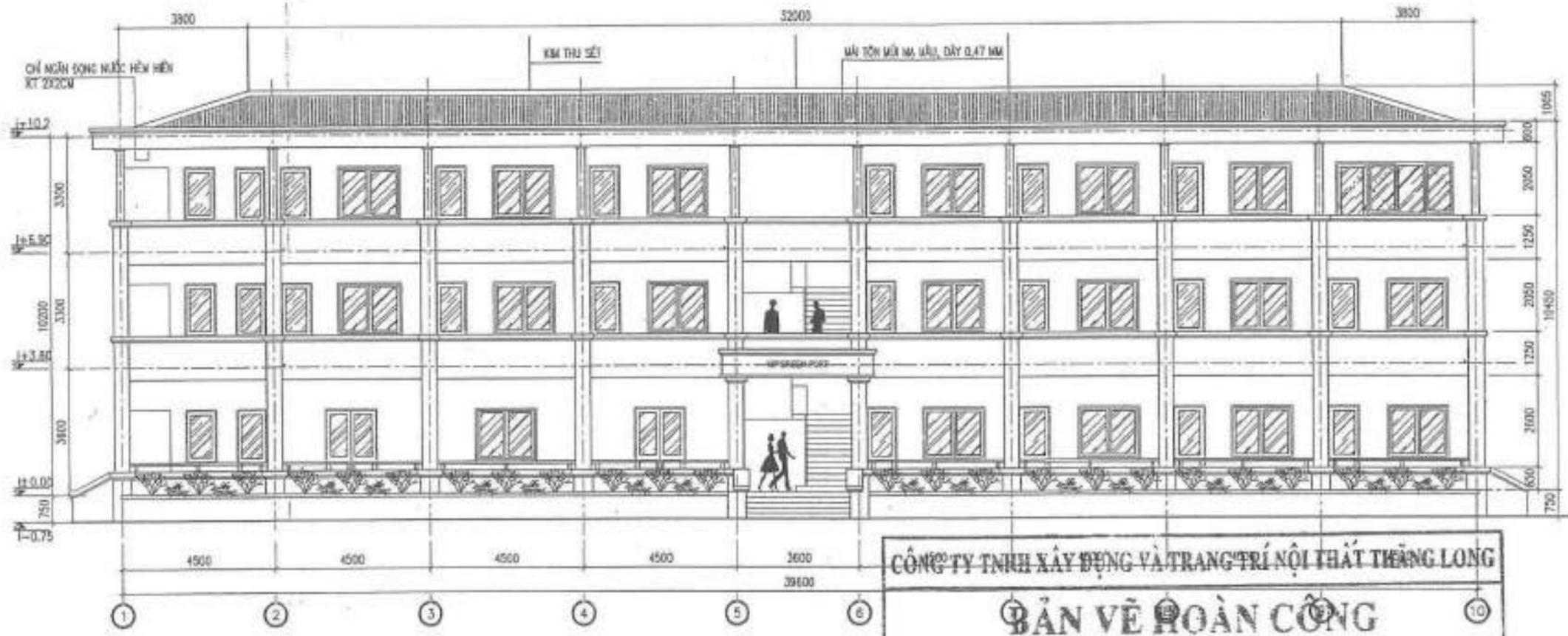
ThS. Phạm Mai Hương

ThS. Nguyễn Thế Toàn

TS. Bùi Đặng Thanh

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu ^(**) được phân tích bởi nhà thầu phụ.

MẶT ĐỨNG TRỰC 1- 10



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng...năm 2015

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	GIÁM SÁT
<i>Phan Kim Toàn</i>	<i>Phan Ngọc Long</i>	<i>Phan Kim Toàn</i>

GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ CHỈ BẰNG MM.
- CAO ĐỘ CHỈ BẰNG M (THEO CAO ĐỘ NỀN NHÀ)



ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT ĐÌNH VŨ TẠI KTX ĐÌNH VŨ-CÁT HẢI, P.ĐÔNG HẢI 2, H. AN, H. PHÒNG

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 GỒI THẦU SỐ 1: CÔNG CẢNG VÀ NHÀ VẬN PHỒNG 3 TẦNG
 PHẦN 6.2: NHÀ VẬN PHỒNG 3 TẦNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT ĐỨNG TRỰC 1- 10

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI

CNTK	PHAN KIM TOÀN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	VŨ ĐỨC THÀNH	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	PHAN KIM TOÀN	<i>[Signature]</i>
KCS	VŨ NGỌC LONG	<i>[Signature]</i>

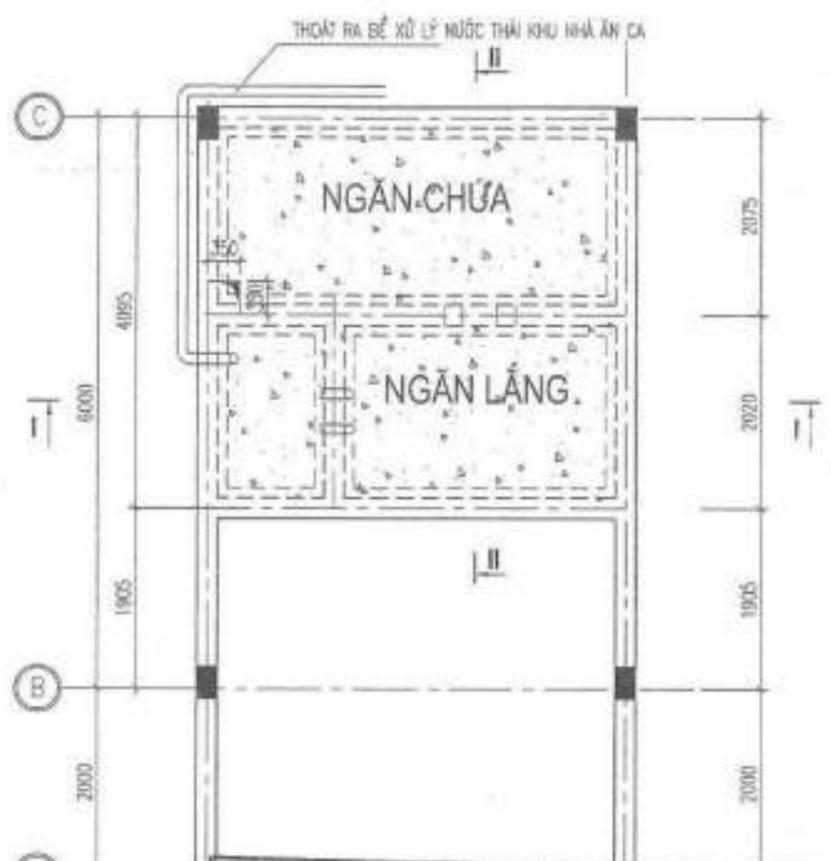
Hà Nội, tháng 7 năm 2015



[Signature]
GIÁM ĐỐC

TỶ LỆ	KY HỮU SỐ	SỐ BẢN VẼ
1:125	..JLDA.GHP	KT-06
LẦN NGÀY THÁNG	NỘI DUNG CẬP NHẬT	
1	6/2015	XUẤT BẢN LẦN 1
2	7/2015	XUẤT BẢN SAU THẨM TRA
3	24/7/2015	ĐIỀU CHỈNH THEO 9 KẾ I CBT

MẶT BẰNG BỂ PHỐT



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

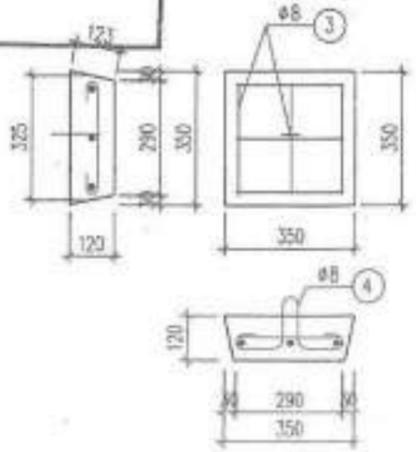
Ngày.....tháng 12 năm 2015

.NGƯỜI LẬP: ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU: GIÁM SÁT:

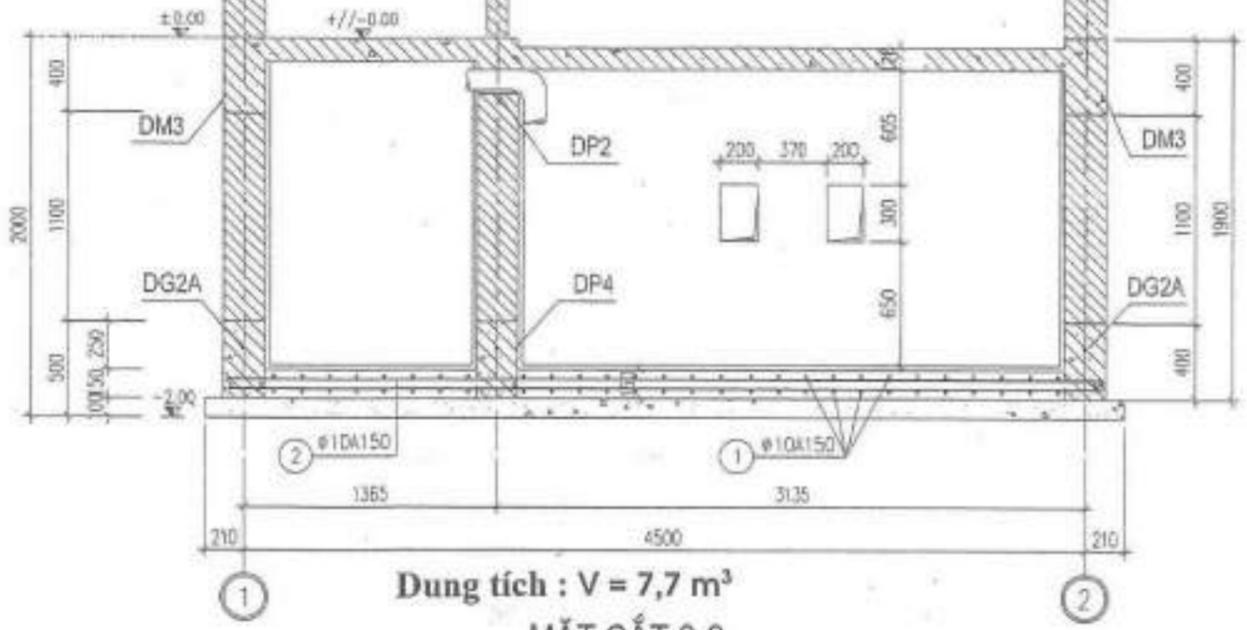
MẶT BẰNG THÉP ĐẪY BỂ PHỐT



TẦM ĐẠN Đ1 (1:25)

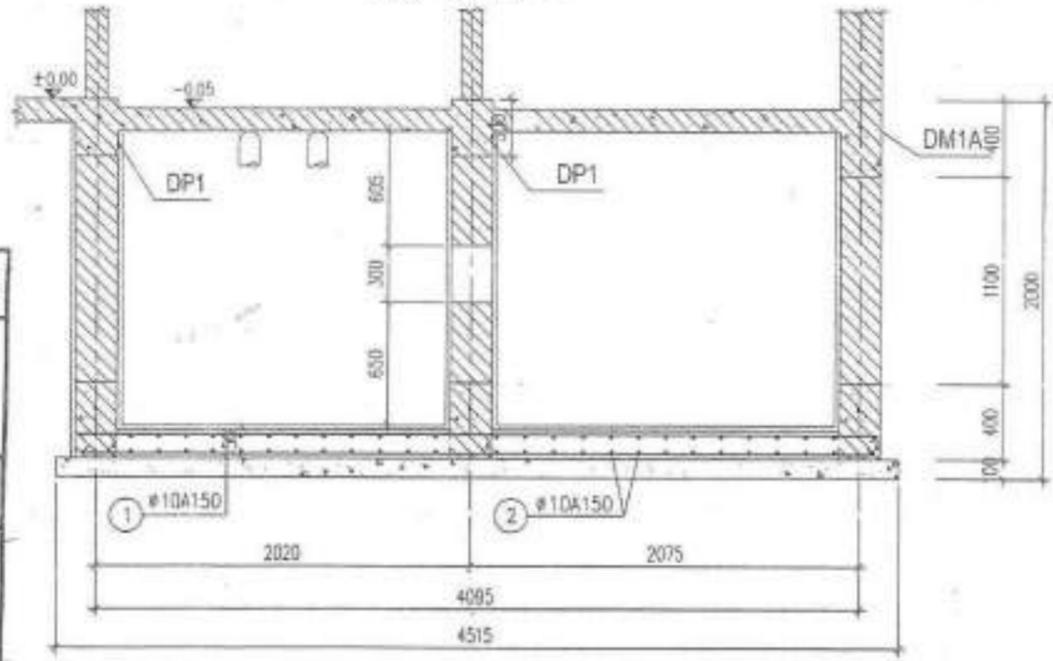


MẶT CẮT 1-1



Dung tích : V = 7,7 m³

MẶT CẮT 2-2



THỐNG KÊ VẬT LIỆU BỂ PHỐT

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (LENGTH)		TRỌNG LƯỢNG (WEIGHT)	
					Đ1 THÀNH (MM)	TỔN BỘ (M)	ĐƠN VỊ (KG/M)	TỔN BỘ (KG)
DÂY BÉ	1	4260	10	28	4260	119,28	0,617	73,6
	5A	2020	10	1	2020	2,02	0,617	1,25
NÁP GA	2	4660	10	25	4660	116,50	0,617	71,88
	3	410	8	6	410	2,46	0,395	0,97
	4	Cu ₂ S ₂ O ₈	8	1	700	0,70	0,395	0,28

GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ Đ1 BẰNG MM.
- CAO ĐỘ Đ1 BẰNG M (THEO CAO ĐỘ KẼN NHÀ).



CHỖ BẤU TỬ: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT ĐINH VŨ TẠI KTX ĐINH VŨ-CÁT HẢI, P.ĐÔNG HẢI 2, H. HẢI AN, TP. HẢI PHÒNG

HẠNG MỤC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐƠN THẦU SỐ 6 CÔNG CẢNG VÀ NHÀ VĂN PHÒNG 3 TẦNG PHẦN 6.2: NHÀ VĂN PHÒNG 3 TẦNG

KẾT CẤU BỂ PHỐT

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI

CHỈT K. TP.	PHAN KIM TOÀN
THIẾT KẾ	VŨ ĐỨC THÀNH
KIỂM TRA	PHAN KIM TOÀN
KCS	VŨ NGỌC LONG

Hà Nội, tháng 7 năm 2015

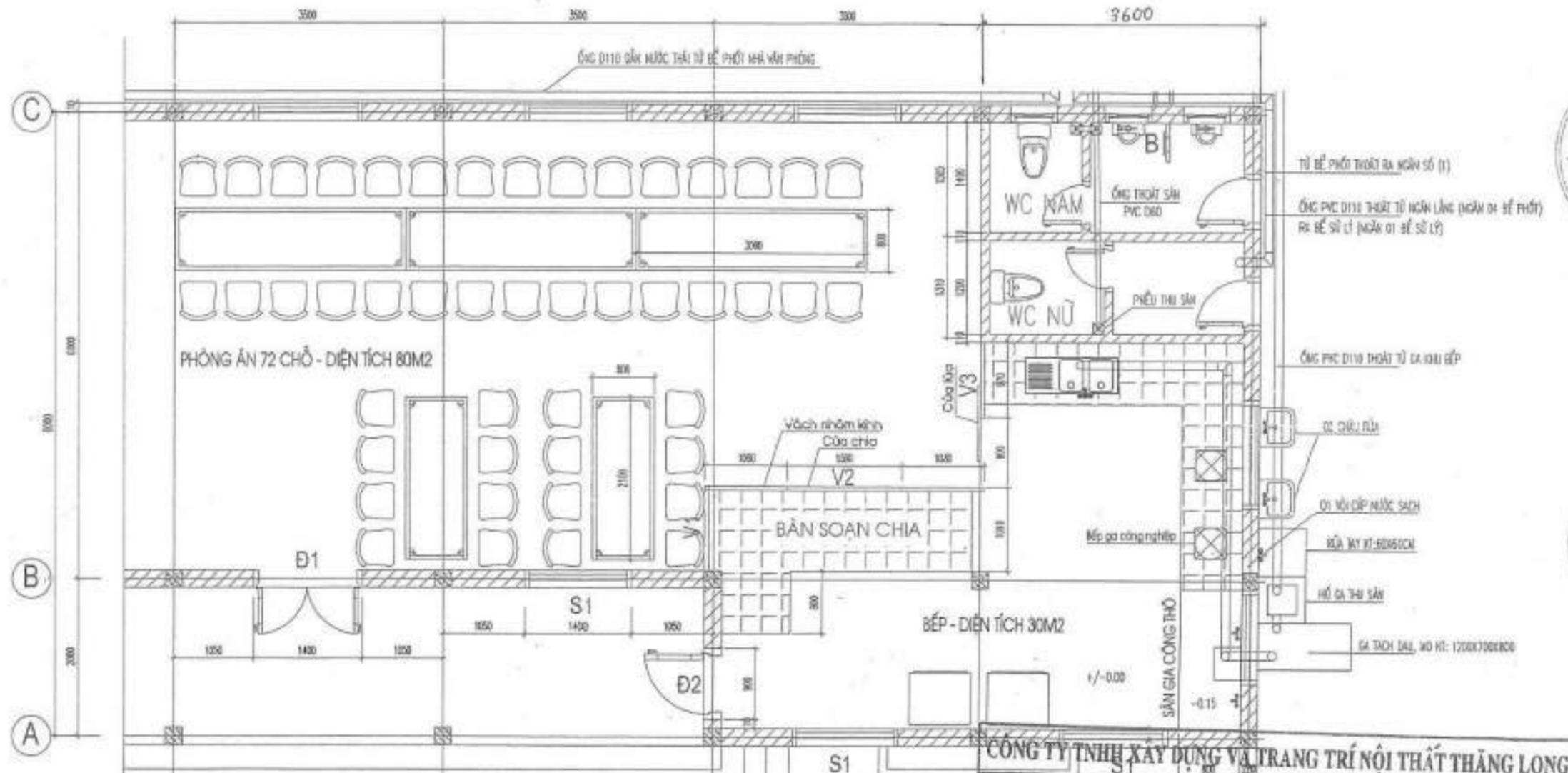
TỶ LỆ	KÝ HIỆU HỒ SƠ	SỐ BẢN VẼ
	JLDA.ONHP	KT-
LẦN	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG CẬP NHẬT
1	6/2015	XUẤT BẢN LẦN 1
2	7/2015	XUẤT BẢN SAU THẨM TRA
3	24/7/2015	ĐIỀU CHỈNH THEO Ý KIẾN CBT

MẶT BẰNG BỂ PHỐT NHÀ ĂN CA - THỂ TÍCH BỂ 12M³



GHI CHÚ

- Kích thước bản vẽ chi bằng mm
- Cao độ chỉ là m, cốt +/- 0.00M tương đương cốt mặt bể nước hoàn thiện.
- Ngăn số 1 là ngăn thu
- Ngăn số 2, 3 nước lắng
- Ngăn số 4 ngăn cuối
- Đài bể số 1 có đường kính 1250 DA 1430M, trên lớp bể tổng lớp dày 100M, thông ngang ống cách chệch, bằng nhau 1100, chiều cao thông thủy bể số 1 LƯM, trên ống tiêu bay 1250 DÂY 100M CÓ MỐC THIẾT ĐỂ NƯỚC HƯA TRẢ.



CHỦ ĐẦU TƯ
CỔ PHẦN
CẢNG XANH
VIP

ĐƠN VỊ P
ĐƠN TƯ XÂY DỰNG CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT ĐÌNH VŨ
TẠI KKT ĐÌNH VŨ CÁT HẢI, P.ĐÔNG HẢI 2, H. HẢI AN, HẢI PHÒNG

HẠNG MỤC
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
HẠNG MỤC: NHÀ ĂN CA

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC - BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY CP TƯ VẤN
XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI

CÔNG TY	PHAN KIM TOÀN
THIẾT KẾ	PHAN KIM TOÀN
KIỂM TRA	VŨ ĐỨC THÀNH
KCS	VŨ NGỌC LONG

Hồ Nội, tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng 3.....năm 2015

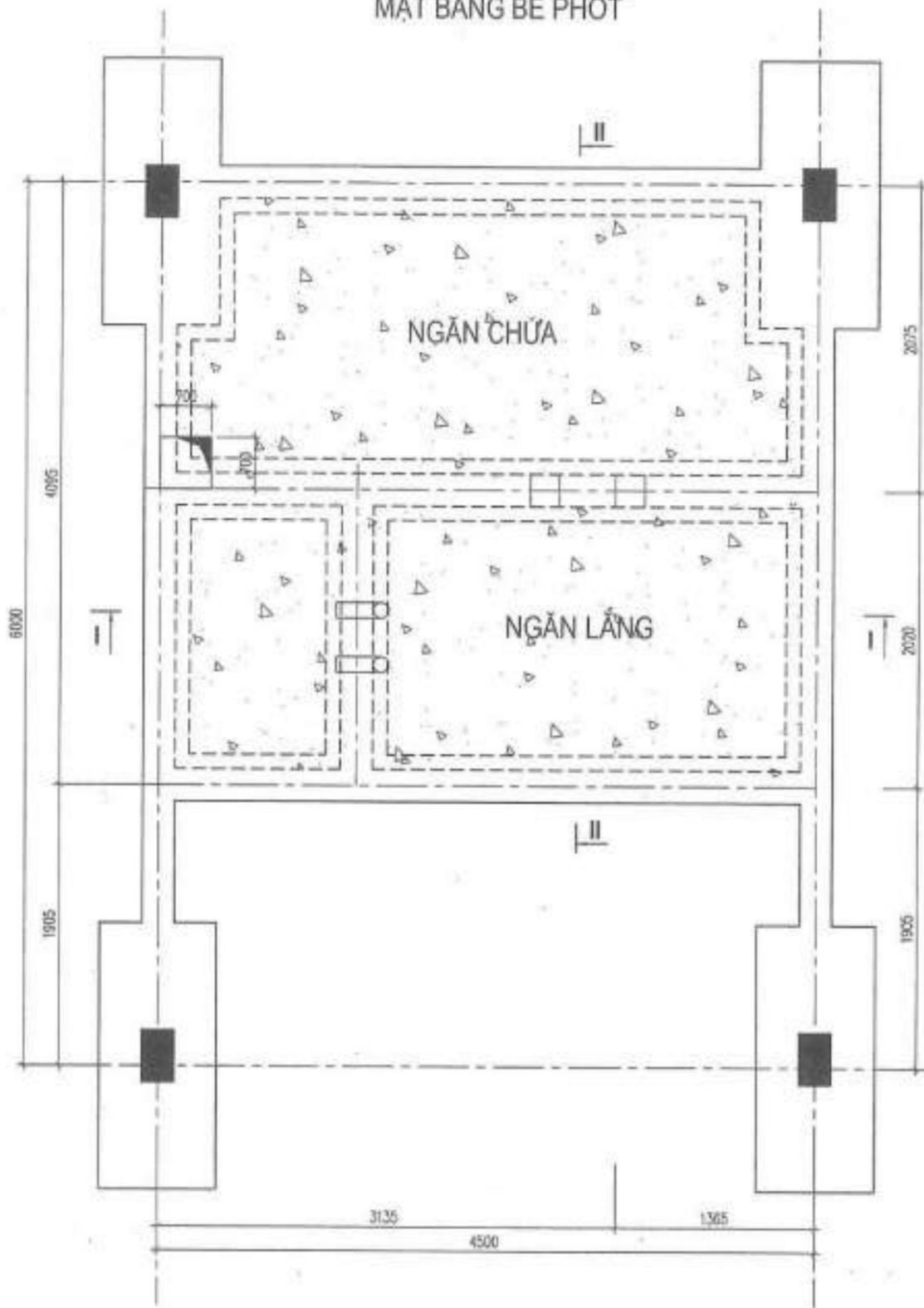
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Mạnh</i>	<i>Nguyễn Quang Vinh</i>	<i>Phan Kim Toàn</i>

TỶ LỆ	KÝ HIỆU HỒ SƠ	SỐ BẢN VẼ
---	15/01DA/CN-P	VG.06 - 34
LẦN NGÀY THÁNG	NỘI DUNG CẬP NHẬT	
1 8/2015	XUẤT BẢN LẦN 1	
2		
3		

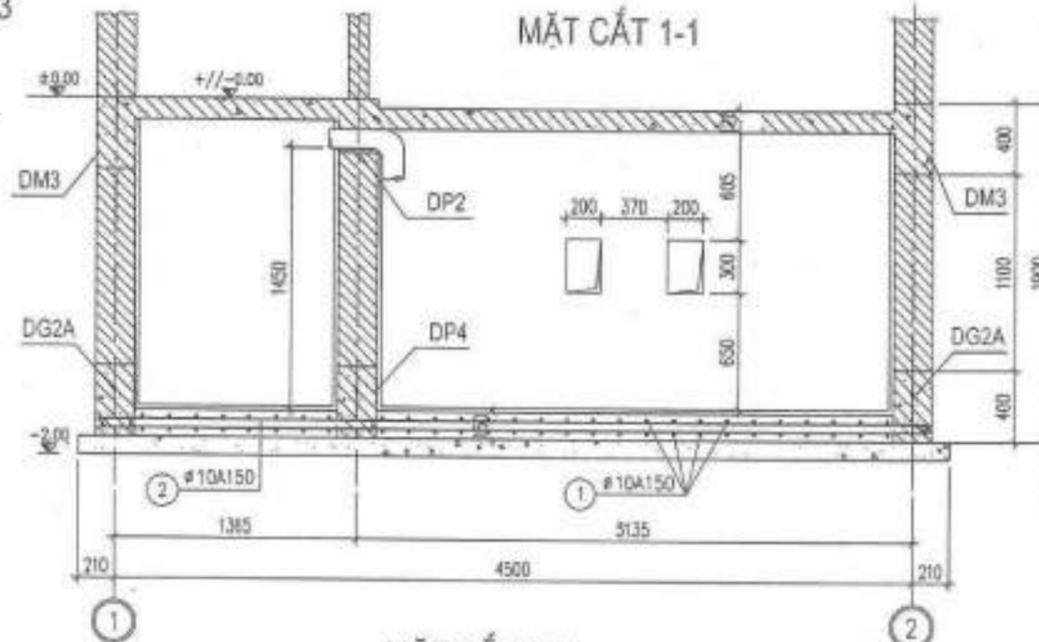
BỂ PHỐT NHÀ ĂN CA

DUNG TÍCH 12,0 M³

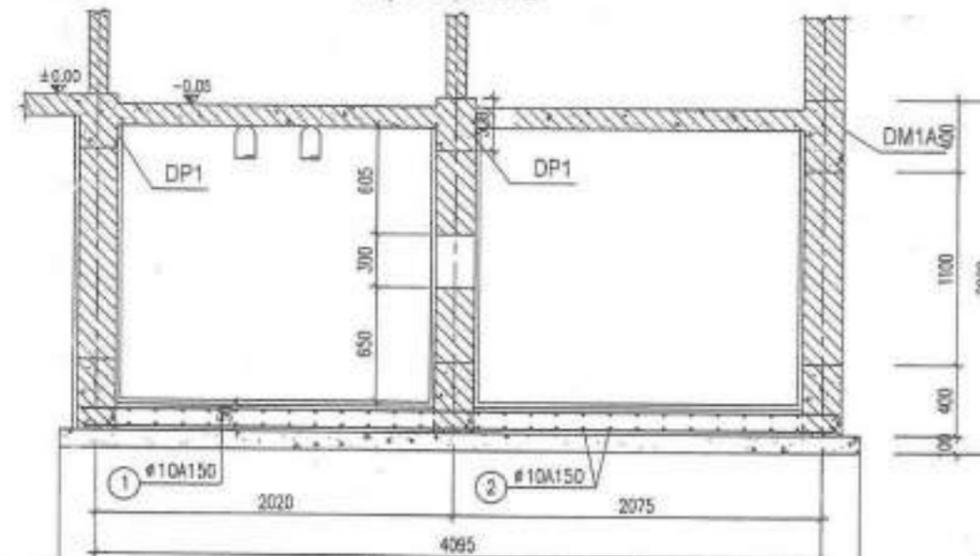
MẶT BẰNG BỂ PHỐT



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng 3.....năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	GIÁM SÁT
<i>Trần Minh</i>	<i>Trần Quang Vinh</i>	<i>Phan Kim Toàn</i>
	GIÁM ĐỐC	
	<i>Trần Quang Vinh</i>	

GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ CHỈ BẰNG MM.
- CAO ĐỘ CHỈ BẰNG M (THEO CAO ĐỘ NỀN NHÀ).



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

ĐỊA ĐIỂM
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CONTAINER VIP GREEN PORT ĐÌNH VŨ
TRẠI KINH ĐÌNH VŨ-CÁT HẢI, P.ĐỒNG HẢI 2, HẢI AN, HẢI PHÒNG

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
NHÀ BẢO VỆ-NHÀ TRẠM BƠM-NHÀ ĐẾ XE-NHÀ ĂN

TÊN BẢN VẼ:

BỂ PHỐT NHÀ ĂN CA

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TƯ VẤN
XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI

CHỖ TRƯỞNG	PHAN KIM TOÀN
THIẾT KẾ	PHAN KIM TOÀN
KIỂM TRA	VŨ BỨC THÀNH
KCS	VŨ NGỌC LONG

Hà Nội, tháng 9 năm 2015

TỶ LỆ	KÝ HIỆU HỒ SƠ	SỐ BẢN VẼ
	..2015/TKCT	KC-
LẦN	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG CẬP NHẬT
1	6/2015	XUẤT BẢN LẦN 1
2	7/2015	XUẤT BẢN SAU THẨM TRA
3		

MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI KHU NHÀ DỊCH VỤ CỦA CẢNG

DUNG TÍCH 15,4 M³

GH CHÚ:

- 1 - NGÀNH SỐ 1 LA NGÀNH THỦ
- 2 - NGÀNH SỐ 2,3 LA NGÀNH LĂNG
- 3 - NGÀNH SỐ 4 LA NGÀNH CỬA

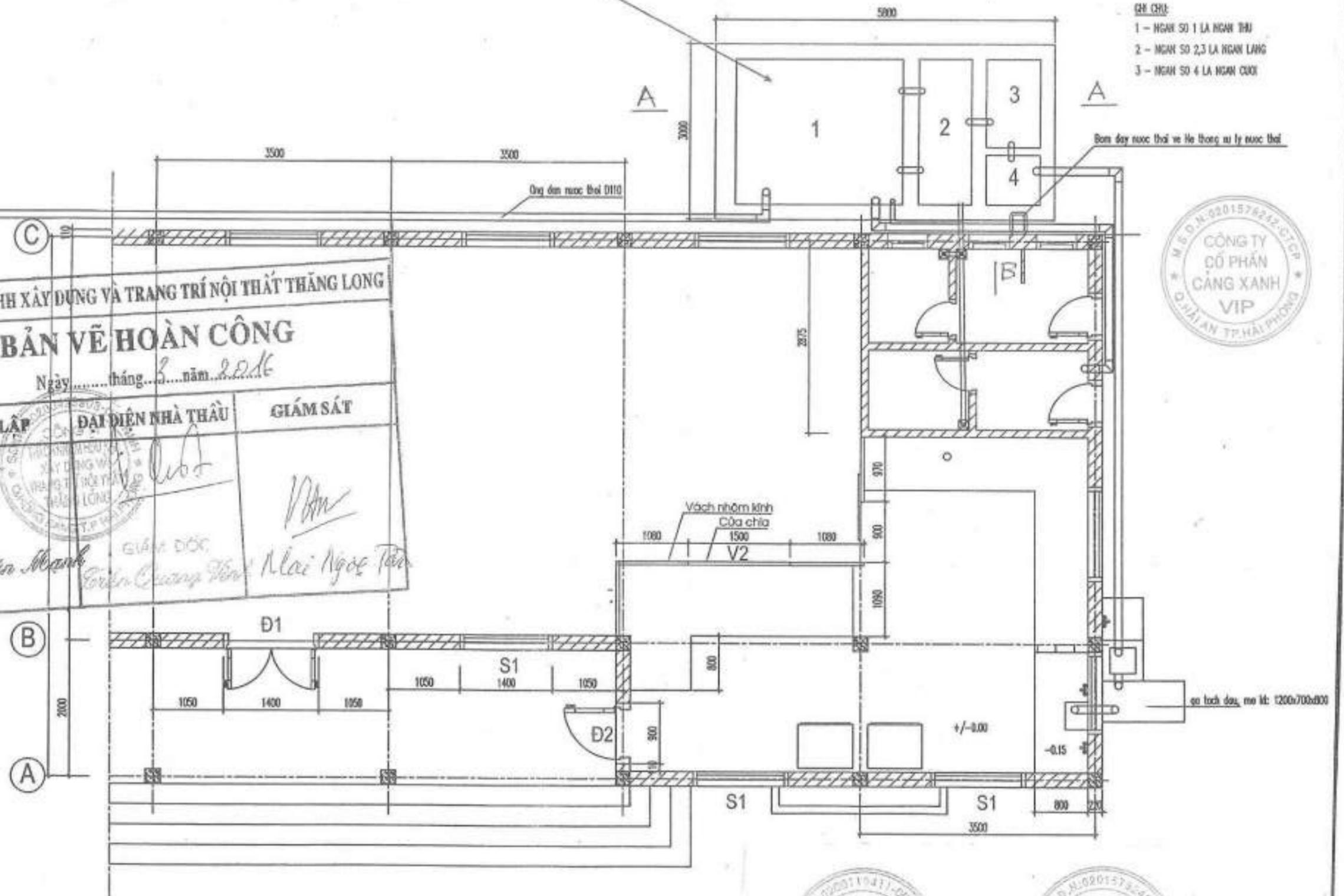
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	GIÁM SÁT
<i>Bùi Tuấn Mạnh</i>	<i>Trần Quang Tiến</i>	<i>Nam</i>

GIÁM ĐỐC: *Trần Quang Tiến*



ĐƠN VỊ TƯ VẤN: **CMB** CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI TẠI TP HẢI PHÒNG

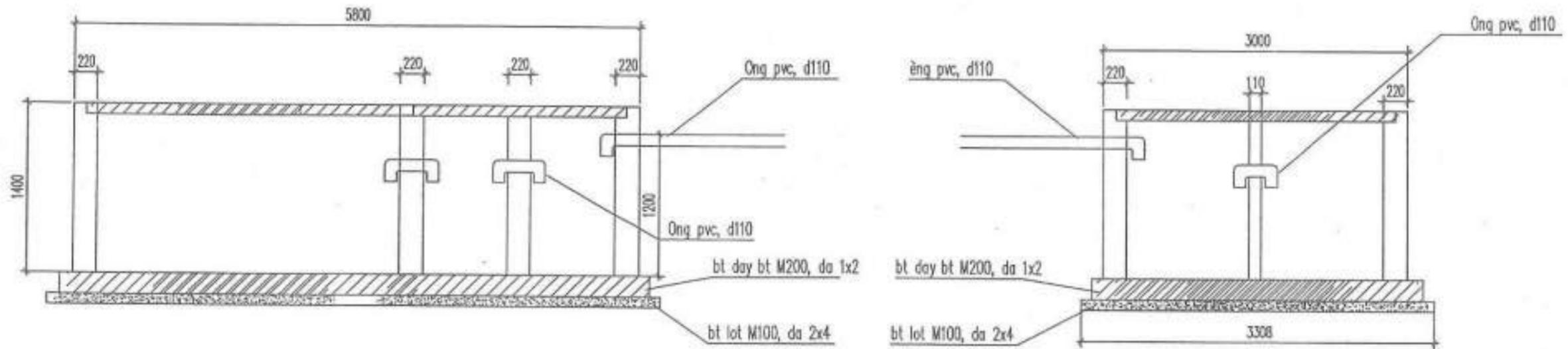
CHỖ ĐẦU TƯ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP**

MẶT CẮT THỦ GOM NƯỚC THẢI SAU NHÀ ĂN VÀ NHÀ VẤN PHÒNG

bản vẽ: 01

NGÀY THÁNG 2016

MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI KHU NHÀ DỊCH VỤ CỦA CẢNG
 THỂ TÍCH 15,4 M³



MẶT CẮT A - A

MẶT CẮT B - B

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

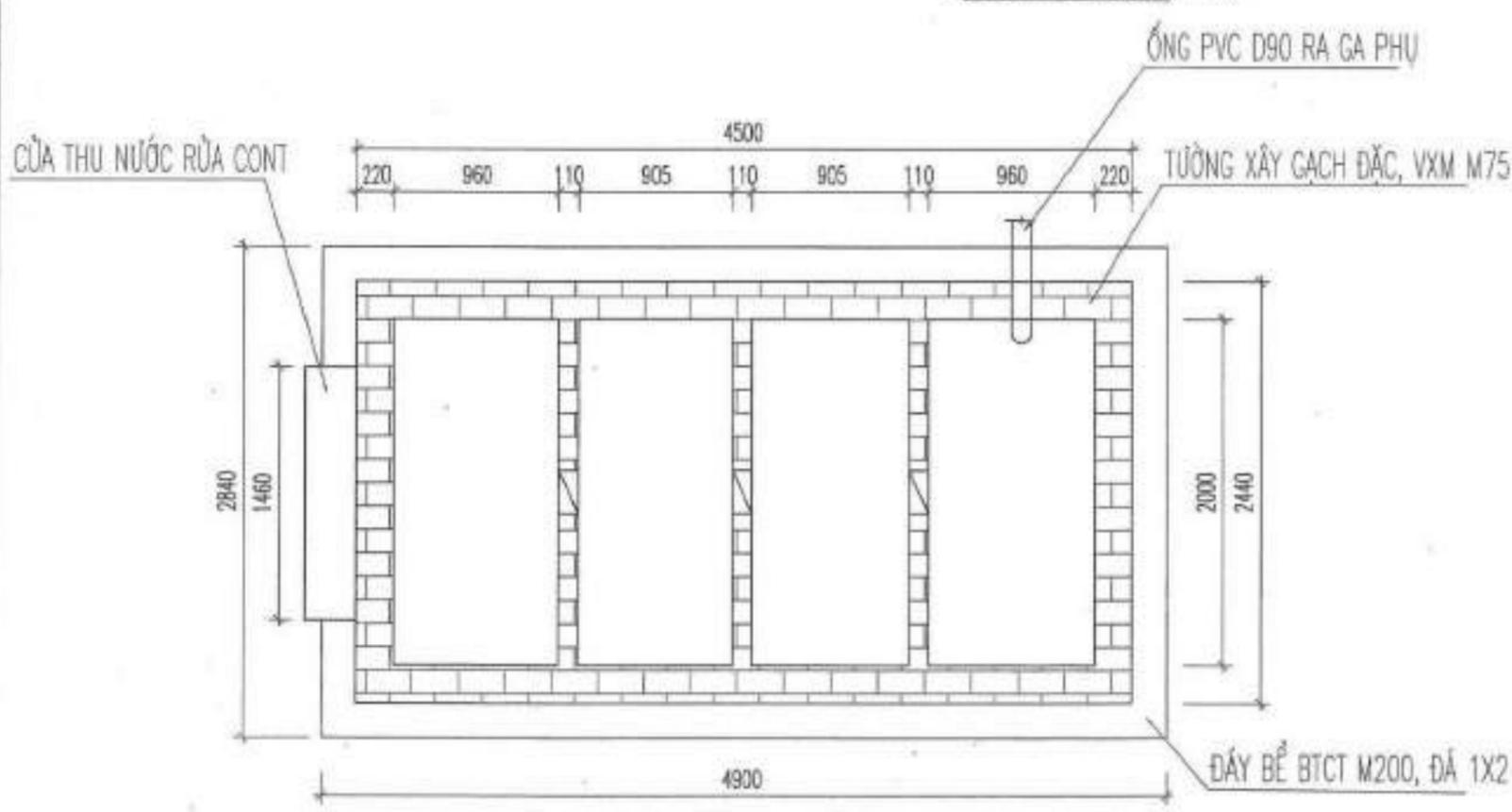
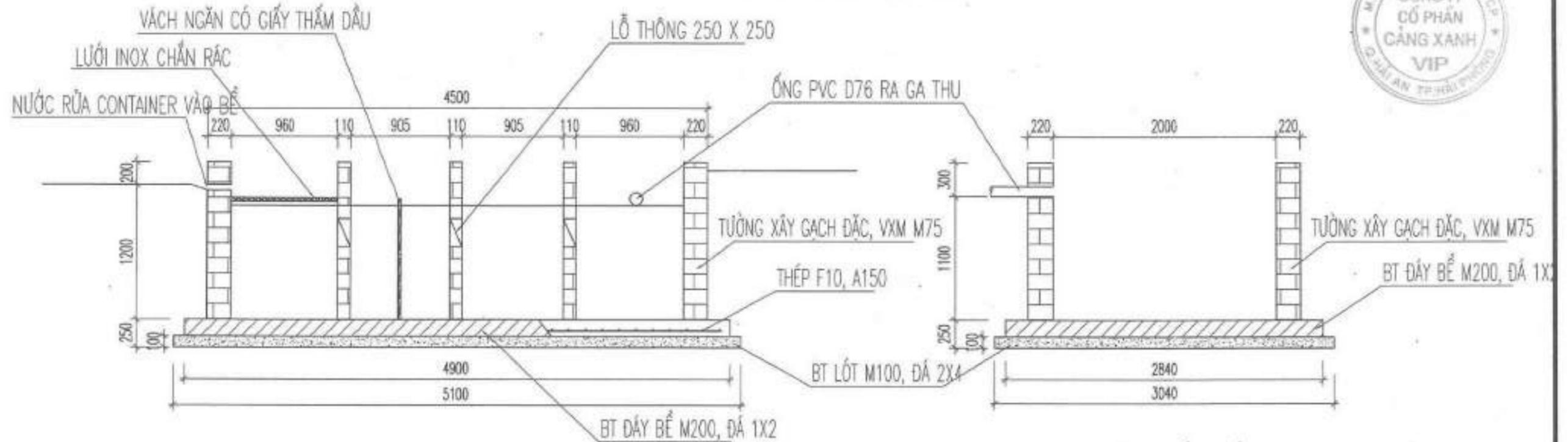
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng...3...năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	GIÁM SÁT
<i>Bùi Tuấn Mạnh</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
	GIÁM ĐỐC <i>Trần Quang Hưng</i>	<i>Mai Ngọc Tân</i>

ĐƠN VỊ TƯ VẤN CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI TẠI TP HẢI PHÒNG	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP
MẶT CẮT THU GOM NƯỚC THẢI SAU NHÀ ĂN VÀ NHÀ VĂN PHÒNG	
SẢN VẼ - 01	
NGÀY THÁNG NĂM 2016	

KẾT CẤU BỂ XỬ LÝ NƯỚC RỬA CONTAINER VÀ THIẾT BỊ DUNG TÍCH 8,3 M³



MẶT BẰNG BỂ

MẶT CẮT BỂ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....2016

.NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	GIÁM SÁT
<i>Bùi Xuân Mạnh</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
	GIÁM ĐỐC	<i>Mai Ngọc Tươi</i>

ĐƠN VỊ TƯ VẤN CMB CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CT HÀNG HẢI TẠI TP HẢI PHÒNG HẢI PHÒNG	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP TP HẢI PHÒNG
KẾT CẤU BỂ XỬ LÝ NƯỚC RỬA CONTAINER VÀ THIẾT BỊ	
BẢN VẼ NGÀY THÁNG 2016	



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 25M³/NGÀY ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH: KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ CÁT HẢI, QUẬN HẢI AN, TP HẢI PHÒNG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

Hải Phòng, năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 25M³/NGÀY ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH: KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ CÁT HẢI, QUẬN HẢI AN, TP HẢI PHÒNG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

CÔNG TY CP CẢNG XANH VIP



[Handwritten signature]
GIÁM ĐỐC
Cấp Trọng Cường

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM



[Handwritten signature]
GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim Oanh

Hải Phòng, năm 2016

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT HỢP KHỐI CÔNG SUẤT 25M3/NGÀY ĐÊM



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG XANH VIP

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM

KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ CÁT HẢI,
QUẬN HẢI AN, TP HẢI PHÒNG

DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT 25M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

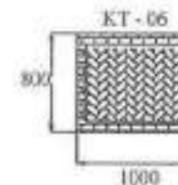
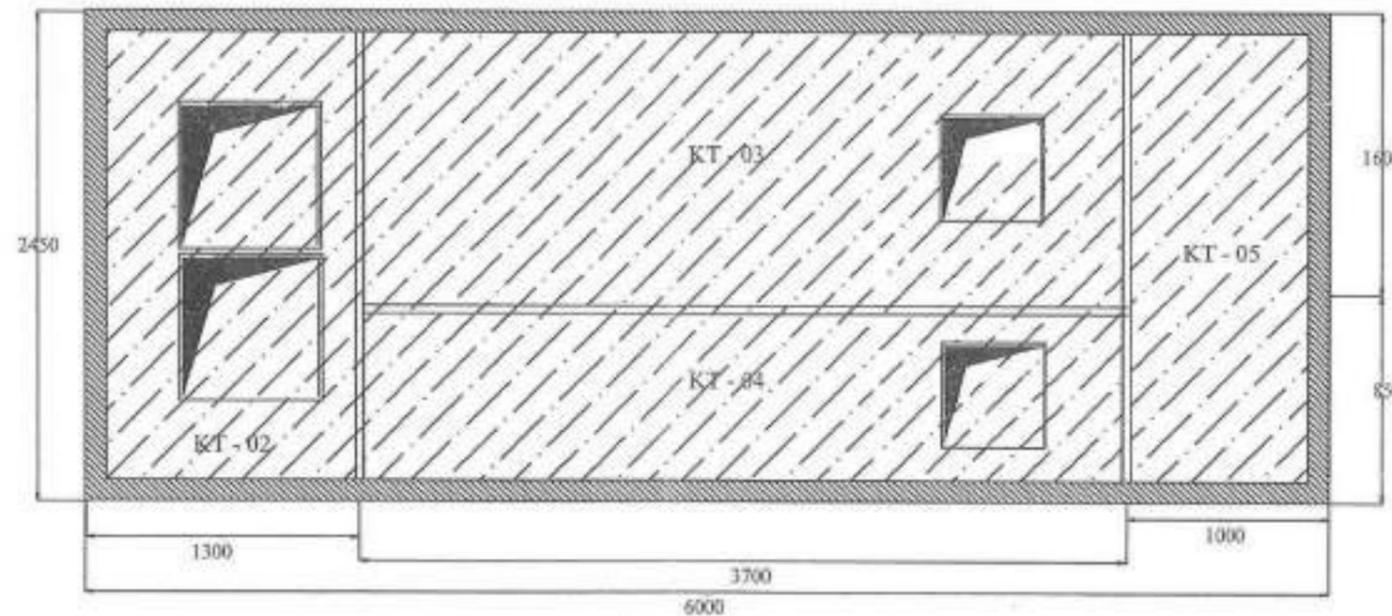
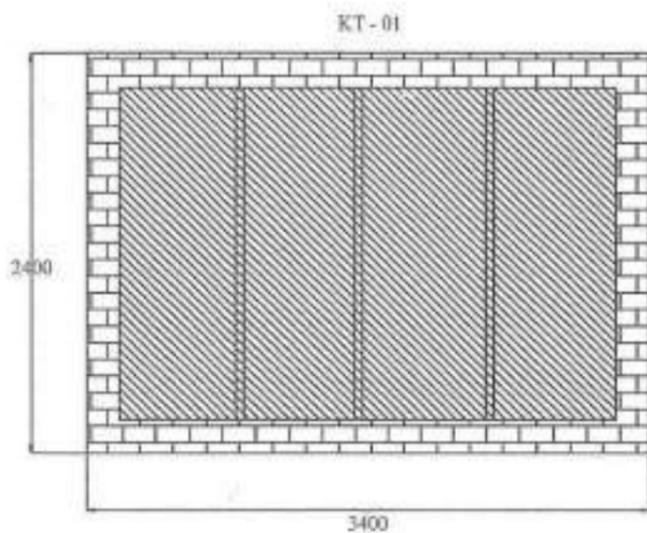
ĐỊA CHỈ: XÃ HƯNG DŨNG - HUYỆN
HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH
ĐIỆN THOẠI: 0902 012 608
WEBSITE: www.tdqvietnam.com

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ SẠP ĐẾ,
SẠP THẨM



- KT-01: BỂ THỤ
- KT-02: BỂ AEROTANK
- KT-03: BỂ LÀNG
- KT-04: BỂ KHỬ TRÙNG
- KT-05: PHÒNG ĐIỀU HÀNH
- KT-06: HỒ GA NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY ____ THÁNG ____ NĂM 20__		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ
	GIÁM ĐỐC	

Trần Thị Kim Oanh

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ HỢP KHÔI XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 25M3/NGÀY ĐÊM



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG XANH
VIP

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM

KHU KINH TẾ DÌNH VŨ CÁT HẢI,
QUẬN HẢI AN, TP. HẢI PHÒNG

DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT 25M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

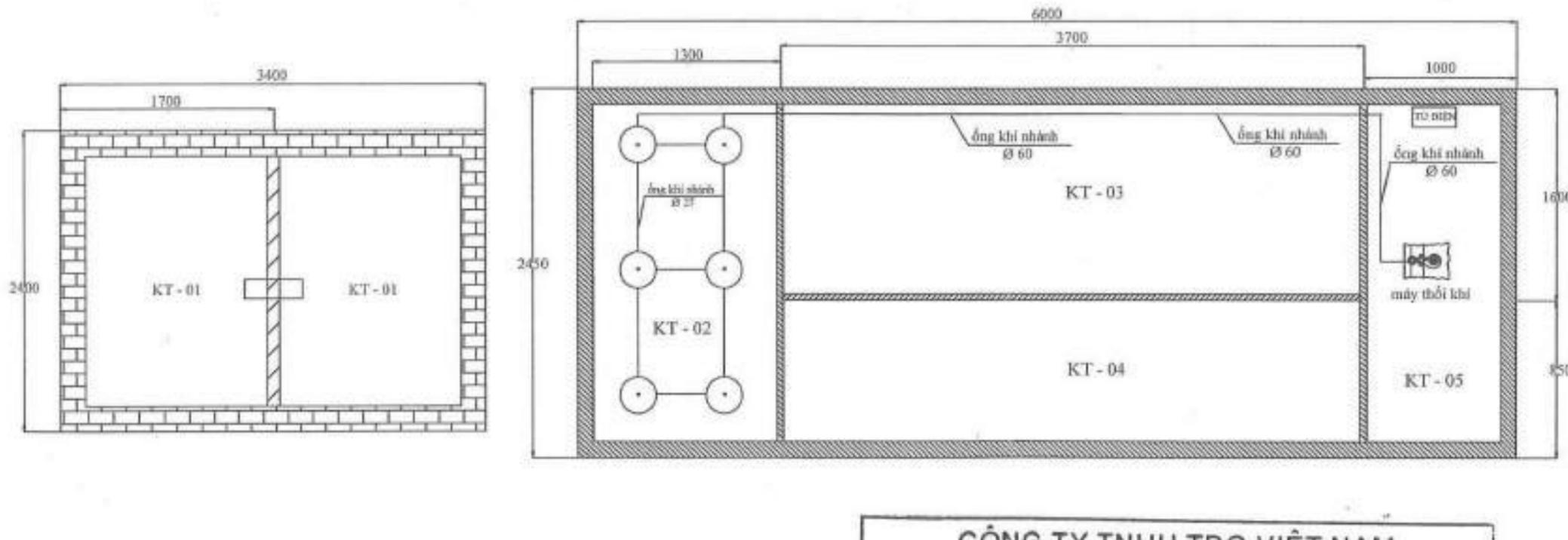
ĐỊA CHỈ: XÃ HÙNG DŨNG - HUYỆN
HÙNG HÁ - TỈNH THÁI BÌNH
ĐIỆN THOẠI: 0902 012 608
WEBSITE: www.tdqvietnam.com

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ
HỢP KHÔI XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 25M3/NGÀY ĐÊM

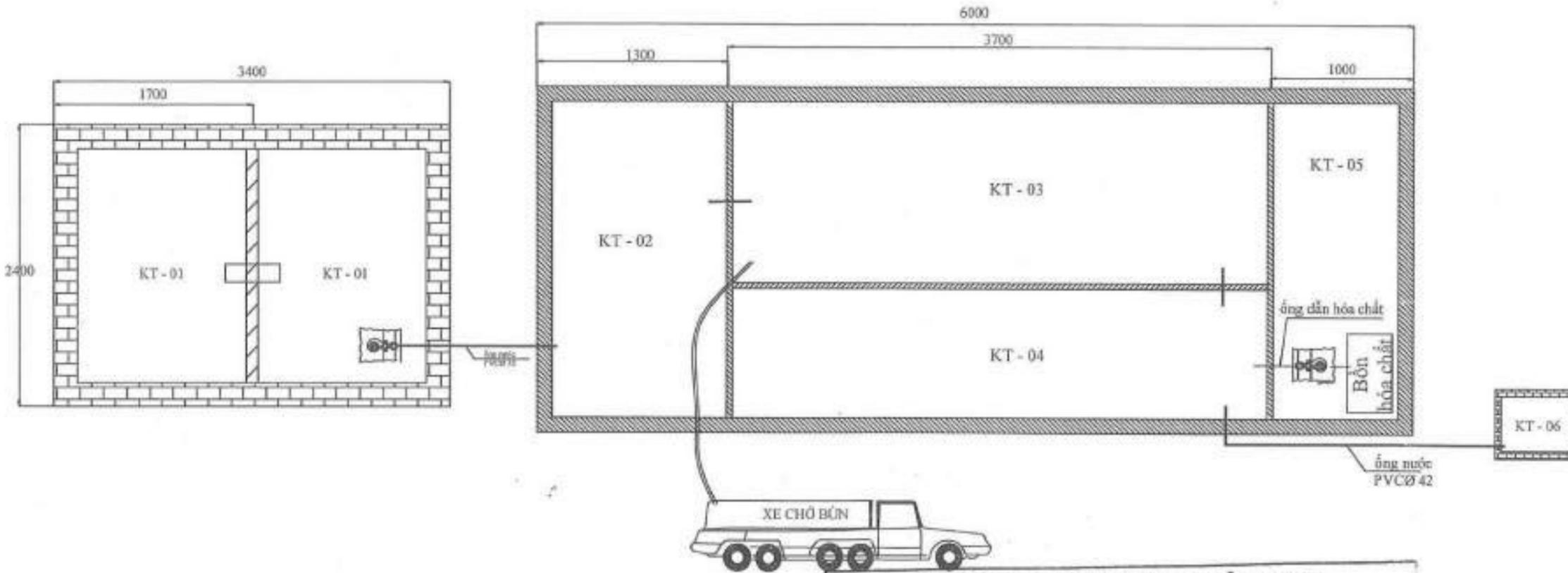


- KT-01: BỂ THU
- KT-02: BỂ AEROTANK
- KT-03: BỂ LẮNG
- KT-04: BỂ KHỬ TRÙNG
- KT-05: PHÒNG ĐIỀU HÀNH
- KT-06: HỘ GA NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY ____ THÁNG ____ NĂM 20__		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CĐT

GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim Oanh

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC HỢP KHỐI XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 25M³/NGÀY ĐÊM



- KT-01: BỂ THU
- KT-02: BỂ AEROTANK
- KT-03: BỂ LẮNG
- KT-04: BỂ KHỬ TRÙNG
- KT-05: PHÒNG ĐIỀU HÀNH
- KT-06: HỒ GA NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY THÁNG NĂM 20...		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CĐT
		
GIÁM ĐỐC		

Nguyễn Thị Kim Oanh



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG XANH VIP

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM

KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ CÁT HẢI,
QUẬN HẢI AN, TP HẢI PHÒNG

DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT 25M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: XÃ HÙNG DŨNG - HUYỆN
HÙNG HÁ - TỈNH THÁI BÌNH
ĐIỆN THOẠI: 0902 012 608
WEBSITE: www.tdqvietnam.com

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC
HỢP KHỐI XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 25M³/NGÀY ĐÊM

MẶT CẮT CÔNG TRÌNH ĐƠN VỊ HỢP KHỐI XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 25M3/NGÀY ĐÊM



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG XANH VIP

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM

KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ CÁT HẢI,
QUẬN HẢI AN, TP HẢI PHÒNG

DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT 25M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

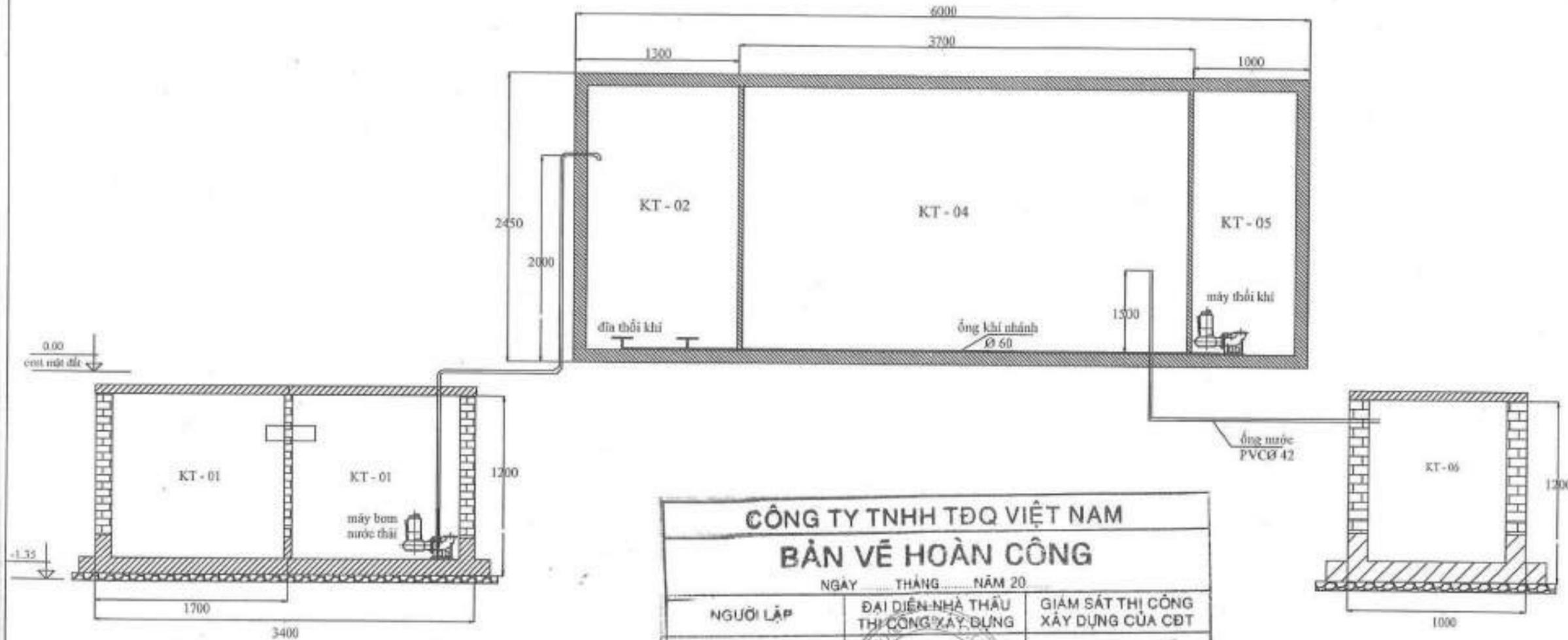
ĐỊA CHỈ: XÃ HÙNG DŨNG - HUYỆN
HÙNG HẢ - TỈNH THÁI BÌNH
ĐIỆN THOẠI: 0902 012 608
WEBSITE: www.tdqvietnam.com

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

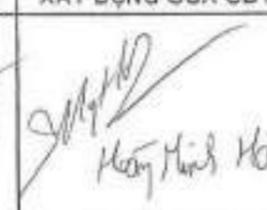
TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT ĐỪNG HỆ THỐNG XỬ LÝ



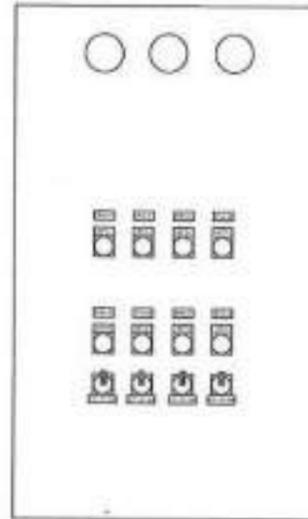
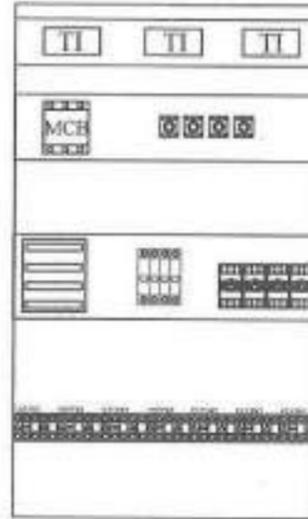
- KT - 01: BỂ THU
- KT - 02: BỂ AEROTANK
- KT - 03: BỂ LẮNG
- KT - 04: BỂ KHỬ TRÙNG
- KT - 05: PHÒNG ĐIỀU HÀNH
- KT - 06: HỒ GA NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NGÀY THÁNG NĂM 20.....

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ
	 HỒNG HẢI HẢI	

GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim Oanh

BẢN VẼ THIẾT BỊ TRONG TỦ ĐIỆN



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN
GANG XANH VIP

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM

KHU KINH TẾ BÌNH VŨ CÁT HẢI,
QUẬN HẢI AN, TP HẢI PHÒNG

DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT 25M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: XÃ HÙNG DŨNG - HUYỆN
HÙNG HÁ - TỈNH THÁI BÌNH
ĐIỆN THOẠI: 0902 012 608
WEBSITE: www.tdqvietnam.com

GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

TỦ ĐIỆN

CÔNG TY TNHH TĐQ VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY... THÁNG... NĂM 20...		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Kim Oanh